

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH TẤN ĐẠT

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, NĂM 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

HUỲNH TẤN ĐẠT

**PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm
Mã số: 62.38.01.05**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Cao Thị Oanh

HÀ NỘI, NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ “Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và tài liệu trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào. Tất cả những tham khảo và kế thừa đều được trích dẫn và tham chiếu đầy đủ.

Nghiên cứu sinh

Huỳnh Tấn Đạt

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
BLHS	Bộ luật hình sự
CSĐTTP	Cảnh sát điều tra tội phạm
NCTN	Người chưa thành niên
NCTNPT	Người chưa thành niên phạm tội
TAND	Tòa án nhân dân
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XPSH	Xâm phạm sở hữu

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 3.1. Cơ chế phối hợp của các chủ thể trong phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Sơ đồ 3.2. Mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội trong việc hình thành hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê so sánh độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam

Bảng 3.1: Thống kê các lần vi phạm của NCTNPT XPSH

Bảng 3.2: Thống kê mức độ vi phạm của NCTNPT XPSH

Bảng 3.3: Thống kê thời gian thi hành án của các đối tượng vi phạm của NCTNPT XPSH

Bảng 3.4: Phân tích theo độ tuổi của NCTNPT XPSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016)

Bảng 3.5: Các biện pháp quản lý giáo dục sau xét xử tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015

Bảng 3.6: Độ tuổi người phạm tội

Bảng 3.7: Giới tính của NCTNPT xâm XPSH theo từ năm 2007-2015

Bảng 3.8: Trình độ học vấn của NCTN phạm tội XPSH từ 2007-2015

Bảng 3.9: Các loại tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015

Bảng 3.10: Tỷ lệ phá án truy tố về các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) (Nguồn: Tòa án thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.11: Thống kê các địa bàn gây án ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.12: Cơ cấu tình hình các tội phạm cụ thể trong mối tương quan các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) theo BLHS năm 2015

Bảng 3.13. Thống kê phân tích 670 bản án hình sự sơ thẩm xét xử NCTN phạm tội XPSH.

Bảng 3.14. Phân tích nhân thân NCTN phạm các tội XPSH

Bảng 3.14. Danh mục các bản án

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Số vụ về tội xâm phạm sở hữu do NCTN thực hiện so với tổng số vụ về tất cả các tội do NCTN thực hiện từ năm 2007-2015 (*Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016*)

Biểu đồ 3.2: Các loại tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015 (*Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016*)

Biểu đồ 3.3: Mức độ nghiêm trọng về tình hình tội phạm hình sự do NCTN thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016)(*Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 06/2016*)

Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ phá án truy tố về các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) (*Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016*)

Biểu đồ 3.5: Các biện pháp quản lý giáo dục sau xét xử tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015 (*Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016*)

Biểu đồ 3.6: Giới tính của NCTNPT xâm XPSH theo từ năm 2007-2015 (*Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016*)

Biểu đồ 3.7: Trình độ học vấn của NCTN phạm tội XPSH từ 2007-2015 (*Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/2016*)

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	9
1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu.....	21
1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	22
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN	24
2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	24
2.2. Khái niệm và ý nghĩa của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	31
2.3. Cơ sở chính trị-pháp lý của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	34
2.4. Mục đích và các nguyên tắc phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	50
2.5. Phân loại biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	56
2.6. Chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.....	59
Chương 3. THỰC TRẠNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	67
3.1. Thực trạng về hệ thống lý luận và cơ sở chính trị pháp lý.....	67
3.2. thực trạng tổ chức lực lượng phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố.....	83
Chương 4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	98

4.1. Dự báo hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	98
4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	101
KẾT LUẬN.....	129
DANH MỤC NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	131
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	133

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dù được hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì phòng ngừa tình hình tội phạm cũng có một tầm quan trọng đặc biệt, đối với việc giải quyết tận gốc vấn đề tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện nói riêng, đó là phải tìm ra các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm. Tuy nhiên, do sự tác động của nhiều yếu tố, nên tình hình các tội xâm phạm sở hữu không có xu hướng giảm mà còn diễn biến rất phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về mức độ, động thái, cơ cấu và tính chất ngày một nguy hiểm; trong những vụ cướp, cướp giật do người chưa thành niên thực hiện, gây mất an ninh trật tự, làm hoang mang trong nhân dân, chất lượng cuộc sống của người dân bị đe dọa, thấp thỏm lo sợ mỗi khi ra đường; ngân sách nhà nước phải chi phí rất lớn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; các tội xâm phạm sở hữu, không những xâm hại về quyền sở hữu công dân mà hậu quả của nó gây nên hết sức nặng nề về tính mạng, sức khỏe của người có tài sản. Điều đáng lo ngại là, trong số những người phạm tội xâm phạm sở hữu thì số người chưa thành niên chiếm tỷ lệ đáng kể.

Việt Nam đã tham gia vào Công ước quốc tế bảo vệ quyền trẻ em nên việc đề ra giải pháp phòng chống tội phạm đối với người chưa thành niên không phải bằng tăng nặng hình phạt mà là sự quản lý, giáo dục và các chính sách dành cho trẻ em. Kinh nghiệm của nhiều nước khi có những vụ án gây bức xúc dư luận, báo chí đăng tải, lên án nhiều thì tăng hình phạt nhưng sau đó người chưa thành niên phạm tội vẫn không giảm. Ở nước ta, trong những năm qua, có các công trình nghiên cứu loại tội phạm này đã được đề cập nghiên cứu, song chưa có đề tài nghiên cứu chuyên sâu về nhóm tội XPSH ở thành phố Hồ Chí Minh; có những công trình nghiên cứu về NCTNPT trên địa bàn thành phố nhưng chỉ tiếp cận nghiên cứu trên góc độ tổ tụng hình sự hoặc quyết định hình phạt đối với NCTN hoặc tiếp cận dưới góc độ tội chiếm đoạt tài sản.

Tình hình các tội xâm phạm sở hữu tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến 2013 có bảy nhóm khách thể bị người chưa thành niên xâm hại, với 1.927 bị cáo được bào chữa, nhóm khách thể xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện là

1.433 bị cáo, chiếm tỉ lệ 74,36% cho thấy mức độ nghiêm trọng của nhóm tội phạm này gây ra và chủ yếu ở các loại tội danh phổ biến mà người chưa thành niên thực hiện là: Cướp tài sản, cướp giết tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đang là một thách thức lớn đối với Đảng bộ và chính quyền Thành phố.

Thực trạng, diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên phạm tội gây ra trên địa bàn thành phố hết sức phức tạp, mà yêu cầu phòng ngừa loại tội phạm này luôn là vấn đề mang tính thời sự cấp bách; đòi hỏi phải nghiên cứu, đánh giá tìm ra nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm này từ phía người chưa thành niên phạm tội, trên cơ sở đó xây dựng phương hướng, giải pháp tăng cường phòng ngừa **nhằm** ngăn chặn, từng bước hạn chế, đẩy lùi các tội phạm xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trong đời sống xã hội nói chung và trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Người chưa thành niên phạm tội xuất phát từ nhiều nguyên nhân, đó là: nguyên nhân về kinh tế- xã hội, khi Nhà nước chưa có điều kiện để chăm lo, bảo trợ cho tất cả đối tượng lang thang, cơ nhỡ trong thành phố, làm sao để họ, dù bị thất nghiệp nhưng vẫn được đảm bảo có cuộc sống tối thiểu; nguyên nhân từ phía gia đình khi chưa coi trọng vấn đề giáo dục con cái; sự ảnh hưởng bùng nổ của công nghệ thông tin đăng tải các loại **phim** ảnh, ấn phẩm độc hại; công tác quản lý Nhà nước về trật tự xã hội, tổ chức lực lượng phòng ngừa tội phạm còn bị buông lỏng; nguyên nhân từ tâm sinh lý người chưa thành niên, bị can, bị cáo không nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm và hậu quả nghiêm trọng của hành vi do mình gây ra; nguyên nhân trực tiếp là thiếu sự kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội; nguyên nhân pháp luật chưa đồng bộ, **còn** nhiều bất cập.

Những nguyên nhân đã nêu ít nhiều ảnh hưởng đến diễn biến phức tạp tình hình người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua. Tiếp cận tình hình nêu trên đã đặt ra nhu cầu bức thiết cả về lý luận và thực tiễn, cần được nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống vấn đề người chưa thành niên phạm tội các tội xâm phạm sở hữu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Để thực hiện tốt mục đích nêu trên, nhiệm vụ quan trọng đặt ra là làm tốt công tác phòng ngừa chung tình hình người chưa thành niên phạm tội các tội xâm phạm sở hữu. Vì lý do trên, tác giả chọn vấn đề *“Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”* làm luận án Tiến sĩ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là nhằm tiếp cận một cách có hệ thống và toàn diện công tác phòng ngừa tội phạm nói chung cũng như công tác phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên gây ra nói riêng trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở thống nhất về mặt nhận thức, kết quả nghiên cứu của luận án dựa trên những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội xâm phạm sở hữu của hệ thống chính quyền thành phố, tìm ra những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong hoạt động phòng ngừa tội phạm, nguyên nhân điều kiện của các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên gây ra. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu nói chung và ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Để đạt được những mục đích nêu trên, luận án cần phải thực hiện và giải quyết những nhiệm vụ sau đây:

Một là, khảo sát, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước, những lý luận chung về người chưa thành niên phạm tội xâm phạm sở hữu.

Hai là, nghiên cứu lý luận về phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.

Ba là, đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung của Lực lượng CSĐTTP về TTXH thuộc Công an thành phố, của hệ thống chính trị thành phố Hồ Chí Minh đối với các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua, những thuận lợi, khó khăn,

nguyên nhân điều kiện của loại tội phạm và đề xuất kiến nghị những giải pháp khắc phục.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện, các nguyên nhân làm phát sinh, phát triển của loại tội phạm này và đề ra các giải pháp cho công tác phòng ngừa chung của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc phòng ngừa, việc vi phạm pháp luật do người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Luận án được tập trung nghiên cứu với góc độ Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, trong đó tập trung nghiên cứu dưới góc độ người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu.

- Phạm vi về không gian: Luận án được nghiên cứu trên địa bàn cụ thể là thành phố Hồ Chí Minh.

- Phạm vi về thời gian: Luận án được nghiên cứu trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2015.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận của luận án:

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về phòng ngừa tội phạm, nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, trong đó có phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp thống kê, tổng kết hàng năm của Lực lượng CSĐTTP về TTXH công an thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương pháp điều tra xã hội học tại các buổi hội thảo chuyên đề, các buổi tổng kết hàng năm của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm.

- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, phương pháp tọa đàm, hội thảo khoa học

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia là những người trực tiếp quản lý, xử lý người chưa thành niên phạm tội.

- Phương pháp khảo sát, phỏng vấn trực tiếp người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu đang ở các nhà tạm giữ, tạm giam ở thành phố Hồ Chí Minh, mà tác giả Luận án tham gia bào chữa.

5. Những điểm mới của luận án

- Vấn đề về người chưa thành niên phạm tội nói chung đã được phân tích và nghiên cứu trong nhiều công trình. Tuy nhiên, cách tiếp cận ở các góc độ khác nhau, về địa bàn, không gian, thời gian. Do đó, thực trạng về việc người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thời điểm từ năm 2007 đến năm 2015 là một điểm mới của luận án, **chưa có công trình nào đề cập hoặc đã đề cập nhưng chưa sâu.**

- Điểm mới tiếp theo là luận án đã nghiên cứu được hệ thống đồng bộ các giải pháp phòng ngừa đối với nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện gắn với địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Những kết quả đạt được của luận án sẽ góp phần vào việc làm sáng tỏ thực trạng người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu; nguyên nhân, điều kiện tình hình phạm tội của nhóm đối tượng này nhằm tìm ra các giải pháp phòng ngừa có hiệu quả các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đánh giá tình hình, tìm ra nguyên

nhân chung của các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; từ đó đưa ra một số dự báo, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn về tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trong thời gian tới. Đề xuất những giải pháp cơ bản phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Luận án sẽ phân tích đánh giá và rút ra những thuận lợi, khó khăn vướng mắc của tình hình hoạt động phòng ngừa người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đánh giá được thực trạng tình hình hoạt động phòng ngừa có tính đặc thù của một trong những đô thị lớn nhất của cả nước theo chức năng của Lực lượng CSĐTTP về TTXH công an thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở chính trị- pháp lý, cơ chế phối hợp của ban, ngành, đoàn thể của thành phố Hồ Chí Minh đối với việc phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

- Những đề xuất, kiến nghị của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan chức năng trong công tác phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên gây ra.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu, tham khảo, giảng dạy và học tập các môn học tội phạm học trong hệ thống các trường đào tạo.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Việc nghiên cứu đề tài nhằm đề xuất hệ thống những giải pháp phòng ngừa chung của xã hội đối với người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu và của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục luận án được kết cấu như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3. Thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1.1 Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện

Trên thế giới, vấn đề lý luận về phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội có rất nhiều công trình của các tác giả đã được các nhà tội phạm học đánh giá rất cao đó là:

Tác giả Ueda Can người Nhật Bản với công trình nghiên cứu về bạo lực trong các trường phổ thông (*Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại* - Tài liệu dịch, nhà xuất bản Công an Nhân dân 1994) tác giả cho rằng ở Nhật Bản các nhóm tội phạm càn quấy, giết người trong các trường học có tới 95% các em học sinh hư hỏng tham gia. Theo tác giả thì nguyên nhân trước hết là sự dồn nén tâm lý và hình thành ý thức phá hoại, một số do rèn luyện kém trở nên lỗ mãng, ngỗ ngược, thù hằn, bực tức, ghen tuông, do ảnh hưởng của phim, ảnh, sách, báo có nội dung rùng rợn, sự đô thị hoá nhanh đã phá vỡ xã hội truyền thống, làm phát triển tư tưởng, thói ích kỷ trong xã hội Nhật Bản hiện đại [189].

Các chương trình phòng ngừa tội phạm, tài liệu chuyên đề về phòng ngừa tội phạm trong thanh thiếu niên ở Vương Quốc Anh: *Chiến lược phòng ngừa tội phạm trong thanh thiếu niên* của Bob Ashford năm 2007; chương trình Phòng ngừa tội phạm trong thanh thiếu niên của chính phủ Vương Quốc Anh. Các chương trình đề ra một cách toàn diện từ định hướng phát triển nhân cách, giáo dục thể chất, học vấn, văn hoá, đào tạo việc làm cho thanh thiếu niên đến tăng cường các biện pháp kiểm soát xã hội của chính phủ từ Trung ương đến địa phương của cảnh sát đối với thanh thiếu niên. Các chương trình cũng đề ra những nhiệm vụ cụ thể của cơ quan cảnh sát, nhất là đối với cảnh sát ở cơ sở giáo dục thanh thiếu niên nói chung và phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm do người chưa thành niên gây ra. [175]

Công tác điều tra thân thiện với trẻ em của các tác giả nước ngoài thuộc Unicef do Cục cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Tổng cục VI, Bộ Công an biên soạn lại, tháng 5/2007. Đây là tập tài liệu rất hữu ích, đã phân tích về các công tác điều tra thân thiện với trẻ em, điểm đặc biệt của tập tài liệu này là xem trẻ em làm trái pháp luật là nạn nhân của xã hội vì vậy cần phải có các chính sách hỗ trợ, giúp đỡ... điển hình cho tư tưởng, quan điểm của các nước này bao gồm các quốc gia Thụy Điển, Hà Lan, Niu Di- Lân, Ô-xtrây-li-a.

Theo tác giả G.I.Xe-Tra-Rop trong công trình *Nghiên cứu phòng ngừa các tội phạm thân thể* (Khoa học nghiên cứu tội phạm, Viện khoa học Công an - Hà Nội 1977) đã phân tích các đặc điểm về tội phạm học đối với những vụ giết người và gây thương tích nặng. Đó là những đặc điểm về tội phạm học, các tội này được đặt ra và nghiên cứu chung, vì những nguyên nhân và điều kiện của nó thường có nguồn gốc giống nhau, xét về động cơ phạm tội cũng có những đặc điểm giống nhau.

Các nghiên cứu điển hình của tác giả đã khẳng định số lượng các vụ cố ý giết người có chiều hướng giảm dần. Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm giết người và gây thương tích nặng được tác giả giải thích: Loại tội phạm này phát sinh là do nguyên nhân trình độ học vấn thấp hoặc do tình trạng nghiện ngập... những sơ hở trong hoạt động tuần tra của cảnh sát và các đội dân phòng, công tác quản lý vũ khí hơi hợt, không chặt chẽ. Để phòng ngừa tội phạm xâm phạm thân thể con người trước hết cần phải bắt đầu từ phòng ngừa chung, bên cạnh đó cần áp dụng các biện pháp khác như: kịp thời đối phó, nhạy bén với bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào xảy ra hoặc có thể xảy ra; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, đảm bảo trật tự, an toàn ở nơi công cộng; nâng cao tính tích cực của công dân trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này; đấu tranh quyết liệt để xử lý tình trạng mua bán, tàng trữ vũ khí bất hợp pháp và tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật để vận động nhân dân giao nộp vũ khí mà họ cất giữ; tuân thủ triệt để về điều lệ giám sát hành chính đối với những người được tha tù, ân xá.... và thiết lập sự kiểm tra của xã hội đối với những người này; kịp thời khám phá và truy xét có chất lượng những vụ án về các tội phạm xâm phạm đến thân thể con người.

1.1.1.2 Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Các công trình nghiên cứu liên quan đến phòng ngừa trẻ vị thành niên phạm tội.

Công trình nghiên cứu *Juvenile Delinquency: Theory, Practice and Law* (Trẻ vị thành niên phạm tội: Học thuyết, thực tế và Luật pháp) Giáo sư Larry J. Siegel (giảng dạy tại khoa Tư pháp hình sự và tội phạm học của trường Đại học Massachusetts, Hoa Kỳ); Brandon C. Welsh (đã nhận bằng Tiến sỹ tại đại học Cambridge và là giảng viên tại khoa Tư pháp hình sự và tội phạm học của đại học Massachusetts, Hoa Kỳ); Joseph J. Senna (từng là giảng viên chuyên ngành luật và tư pháp hình sự của đại học Northeastern, Hoa Kỳ, là giám đốc một chương trình thực thi pháp luật tại đại học Harvard). Tác giả đã tập trung nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện các học thuyết trên thế giới về con đường dẫn đến sự phạm tội của trẻ vị thành niên, bao gồm yếu tố môi trường và các điều kiện hoàn cảnh tác động tới hành vi của trẻ, những vấn đề pháp lý và hệ thống tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên.[184]

A Century of Juvenile Justice (vấn đề thực thi tư pháp đối với trẻ vị thành niên trong một thế kỷ) của Giáo sư Franklin E Zimring (Giáo sư chuyên ngành luật học và giám đốc viện nghiên cứu các chính sách pháp luật thuộc đại học Chicago, Hoa Kỳ), Margaret K. Rosenheim, giáo sư Trường đại học Chicago, giảng dạy chuyên ngành quản lý các dịch vụ xã hội, David S.Tanenhaus, trợ lý giáo sư nghiên cứu về ngành lịch sử của đại học Nevada, Hoa Kỳ và Bernardine Dohrn (giám đốc Trung tâm tư pháp lĩnh vực gia đình và trẻ em của đại học Northwestern, Hoa Kỳ). Tác giả đã nghiên cứu quá trình áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội trong suốt 20 năm, đưa ra chi tiết và so sánh các chính sách tư pháp áp dụng đối với trẻ vị thành niên trong suốt lịch sử 100 năm.[178]

Juvenile Delinquency: An Integrated Approach (Trẻ thành niên phạm tội: Một cách nhìn tổng quan) của James Burfeind (Giáo sư xã hội học, chuyên nghiên cứu về các học thuyết tội phạm học, tội phạm vị thành niên, tư pháp hình sự đối với trẻ vị thành niên tại đại học Montana, Hoa Kỳ và Dawn Jeglum Bartusch (Tiến sĩ, trợ

lý của Giáo sư James). Tác giả đã đưa ra cái nhìn tổng quan nhất để phân tích về hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội dưới góc độ tiếp cận của tội phạm học, tâm lý học, sinh vật học và xã hội học.[181]

Juvenile Delinquena Diverse Society (Hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội trong một xã hội đa màu) của Giáo sư Kristin A. Bastes (Tiến sĩ Trường đại học Washington, là Giáo sư xã hội học, giảng dạy tại khoa tội phạm học và tư pháp hình sự của đại học San Marcos, bang California) và Richelle S. Swan (Tiến sĩ Trường đại học Irvine bang Califonia), là Giáo sư xã hội học, giảng dạy tại khoa tội phạm học và tư pháp hình sự. Tác giả xem xét, đánh giá, phân tích hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội trong bối cảnh xã hội với các vấn đề phức tạp, đa dạng như quy định, chuẩn mực xã hội, các chính sách dân cư, các yếu tố xã hội định hình quan niệm trẻ vị thành niên phạm tội (bao gồm tôn giáo, dân tộc, sắc tộc, giai cấp, giới tính).[183]

Juvenile Delinqueny: The Core (Bản chất của hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội) của Giáo sư Larry J. Siegel; Brandon C. Welsh (Hoa Kỳ) Tác giả đã đưa ra những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của trẻ vị thành niên, nghiên cứu những yếu tố cốt lõi thuộc về bản chất của hiện tượng này.[185]

Juvenile Delinquency (Trẻ vị thành niên phạm tội) của Giáo sư Donald J. Shoemaker (Giáo sư xã hội học tại Viện Bách khoa Virginia và Trường đại học bang Virginia, Hoa Kỳ). Tác giả cung cấp một cách nhìn toàn diện và giới thiệu những quan điểm mới nhất về hành vi phạm tội và việc thực thi pháp luật đối với trẻ vị thành niên.[177]

School Crime and Juvenile Justice (Tội phạm học đường và tư pháp hình sự đối với trẻ vị thành niên) của Giáo sư Richard Lawrence (chuyên ngành tư pháp hình sự Trường đại học bang Houston, là Giáo sư chuyên ngành tư pháp hình sự Trường đại học St. Cloud State bang Minesota, Hoa Kỳ. Tác giả đã nghiên cứu và đánh giá về bản chất, mức độ và nguyên nhân của tội phạm học đường và các hành vi vi phạm pháp luật [187]

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu về thực trạng phòng ngừa và giải pháp áp dụng thủ tục tố tụng, chính sách pháp luật, chính sách phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện

The Juvenile Justice System: Delinquency, Processing, and the Law (Hệ thống tư pháp hình sự trong vấn đề trẻ vị thành niên phạm tội: Sự phạm pháp, quá trình tố tụng và luật pháp) của Giáo sư Dean J. Champion (Giáo sư chuyên ngành tư pháp hình sự Trường đại học quốc tế A&M bang Texas, Hoa Kỳ); Giáo sư Alida V. Merlo (Giáo sư giảng dạy tại khoa Tội phạm học Trường đại học Indiana, Hoa Kỳ); Giáo sư Peter J. Benkos (Giáo sư chuyên ngành tư pháp hình sự và xã hội học Trường đại học Mercyhurst, Hoa Kỳ). Tác giả đã định nghĩa các hành vi phạm tội của trẻ vị thành niên, phân tích và đưa ra các kiến nghị, giải pháp trong quá trình áp dụng thủ tục tố tụng hình sự đối với trẻ em từ giai đoạn điều tra, bắt giữ, truy tố, xét xử đến thi hành án).[176]

Girls, Delinquency, and Juvenile Justice (Trẻ em gái phạm tội và vấn đề thực thi pháp luật) của Giáo sư Meda Chsney Lind (Khoa nghiên cứu về phụ nữ tại Trường đại học Hawii, Hoa Kỳ và Giáo sư Randall G. Sheldon (Khoa Tư pháp hình sự của Trường đại học Nevada- Lasvegas, Hoa Kỳ). Tác giả đã phân tích những yếu tố thuộc về tâm lý, gia đình, môi trường xã hội khiến trẻ em gái có hành vi phạm tội, phản ánh những vấn đề thực tế khi áp dụng các chính sách thực thi pháp luật đối với trẻ em gái, từ đó chỉ ra những giải pháp tốt nhất trong việc giam giữ, điều tra, truy tố, xét xử đối với trẻ em gái.[186]

Juvenile Delinquency: Causes and Control (Trẻ vị thành niên phạm tội: nguyên nhân và cách kiểm soát) của Robrt Agnew Giáo sư xã hội học của đại học Emory, Hoa Kỳ và là chủ tịch của Hội tội phạm học Hoa Kỳ) và Giáo sư Timothy Brezina (Giáo sư xã hội học tại khoa tư pháp hình sự của đại học bang Georgia, Hoa Kỳ), tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hành vi trẻ vị thành niên phạm tội và đưa ra các chính sách phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát hành vi này.[188]

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Sinh thời trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến thế hệ tương lai, đó là trẻ em, người nói: (Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang, sánh vai với các

cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ vào công sức học tập của các cháu). Từ viên gạch đầu tiên đó, ngày 20/02/1990 Việt Nam tham gia phê chuẩn Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em, đến nay những cam kết đó, đã đạt được thành tựu to lớn trong việc thực thi Công ước vào nội luật hóa pháp luật trong nước, thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; quyền trẻ em đã được quan tâm thể hiện qua các văn bản Luật, đó là: Luật Trợ giúp pháp lý, Luật trẻ em, Luật phổ cập giáo dục, Luật lao động, Bộ Luật dân sự, Bộ Luật tố tụng dân sự, Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, các giáo trình Tội phạm học của các trường Đại học, các đề tài nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, sách chuyên khảo chuyên sâu, theo tác giả luận án đã nghiên cứu gồm có.

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm

Ngô Ngọc Thuỷ; Võ Khánh Vinh; Lý Văn Quyền, (1998), *Giáo trình Tội phạm học*, của Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân. Theo tập thể tác giả thì việc phòng ngừa tội phạm là một vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức phức tạp và quan trọng trong tội phạm học. Phòng ngừa được coi là biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm hiệu quả nhất ở các phương diện chính trị, kinh tế và xã hội. Để đạt được mục đích loại trừ tình hình tội phạm khỏi đời sống xã hội, Nhà nước cần coi trọng phòng ngừa tội phạm là một hoạt động thường xuyên, có sự đảm bảo về vật chất cũng như phương tiện pháp luật, giáo dục cũng như cưỡng bức. Hoạt động phòng ngừa tội phạm phải tuân thủ các nguyên tắc: nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa nghĩa là phòng ngừa phải hợp hiến và hợp pháp; nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa cần lôi cuốn đông đảo quần chúng lao động vào hoạt động phòng ngừa; nguyên tắc nhân đạo là các biện pháp phòng ngừa không hạ thấp danh dự con người mà nhằm phục vụ con người, cưỡng bức là cần thiết, song là để con người trở về với cuộc sống lương thiện; nguyên tắc khoa học và tiến bộ là việc áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm phải có căn cứ khoa học, mang tính tiến bộ, đồng bộ và có hiệu quả; nguyên tắc phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa tội phạm. Phòng ngừa phải mang tính hệ thống, có sự điều hành thống nhất và hợp tác chặt chẽ giữa Nhà nước, xã hội và cá nhân; nguyên tắc cụ thể của hoạt động phòng ngừa là hoạt động phòng ngừa cần mang tính cụ thể

về lĩnh vực phòng ngừa, hành vi cần phòng ngừa và địa điểm phòng ngừa cũng như đối tượng phòng ngừa.[107]

Nguyễn Xuân Yêm, (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân. Phòng ngừa các tội phạm do NCTN gây ra là một công trình chuyên khảo về NCTNPT trong thời gian năm năm từ 1993- 1997 do NCTNPT nói chung trong cả nước, theo khảo sát của Phó giáo sư, NCTNPT đều là những đứa trẻ hư hỏng, vì học vấn yếu kém, trốn học, lười học, bỏ học, vi phạm kỷ luật nhà trường, cãi lại thầy cô, không nghe lời cha, mẹ...tác giả đã đề xuất hệ thống các giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm NCTN, thì Nhà nước cần tiến hành đồng bộ các biện pháp phát triển kinh tế xã hội làm cho dân giàu nước mạnh, mở rộng dân chủ xã hội, đầu tư cho văn hoá, khoa học, giáo dục, đổi mới đồng bộ các chính sách xã hội để phòng ngừa từ xa, ngăn chặn (đầu vào) của tội phạm, đồng thời với việc điều tra, xử lý nghiêm khắc các vụ phạm tội đã xảy ra, tạo ra sự bình yên trong xã hội.[172]

Võ Khánh Vinh (2011) *Giáo trình Tội phạm học* (tái bản). Đây là cẩm nang lý luận về tội phạm học, theo đó khái niệm về Tội phạm học được giải thích rất rõ ràng: Tội phạm học là ngành khoa học pháp lý- xã hội nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện và các loại tình hình tội phạm, các quy luật xuất hiện, tồn tại và thay đổi của tình hình tội phạm, các nguyên nhân và điều kiện và cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện đó đến tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục tình hình tội phạm xảy ra trong xã hội và những vấn đề khác có liên quan đến công tác đấu tranh phòng chống tình hình tội phạm. Giáo trình chỉ rõ đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tội phạm học....dự báo, phòng ngừa tình hình tội phạm. Là giáo trình chuyên khảo mà tác giả sẽ sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu trong luận án phòng ngừa Các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.[166]

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Nguyễn Xuân Thủy, (1997), Luận án Phó Tiến sĩ Luật học: *Phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm của người chưa thành niên trong điều kiện ngày nay ở Việt*

Nam, Đại học quốc gia Hà Nội. Một khi hoàn cảnh kinh tế- xã hội của đất nước có sự thay đổi thì xu hướng của tình hình tội phạm nói chung, tội phạm của NCTN nói riêng cũng có những diễn biến mới, khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, tình hình tội phạm của NCTN đã có sự thay đổi cả về định tính, định lượng. Những thay đổi này cần phải được coi là cơ sở thực tiễn quan trọng khi xây dựng các kế hoạch phòng ngừa, sự gia tăng của tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội phạm của NCTN ở nước ta hiện nay và xu hướng của nó trong những năm tới. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội của NCTN trong giai đoạn hiện nay. [108]

Đỗ Thị Phương, (2008), Luận án Tiến sĩ Luật học: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong luật tố tụng Việt Nam*, Đại học quốc gia Hà Nội. Tác giả đã nghiên cứu khảo sát tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện bị xét xử và các thủ tục tiến hành tố tụng hình sự do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quan điểm của tác giả là chỉ đi sâu vào nghiên cứu hoạt động tố tụng của cơ quan tòa án, mà chưa đi sâu vào nghiên cứu các nguyên nhân điều kiện, phạm tội, mục đích, và các giải pháp phòng ngừa tội XPSH do NCTNPT, vấn đề này, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu trong luận án.[87]

Nguyễn Xuân Yêm, (2004), *Phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội- trách nhiệm của gia đình nhà trường và xã hội*, Nxb Công an nhân dân. Đây là một công trình chuyên khảo toàn diện về phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Theo Giáo sư Nguyễn Xuân Yêm, tội phạm do NCTN gây ra là một bộ phận có mối quan hệ tác động nhất định đối với tình trạng phạm tội nói chung, nhất là tội phạm hình sự. Vì vậy, khi xem xét, đánh giá về thực trạng NCTNPT, trước hết cần phải khái quát về tình hình tội phạm hình sự nói chung ở nước ta trong những năm qua, số liệu thống kê trong các năm từ 1994 đến 2002 về số vụ phạm pháp hình sự xảy ra, so với số vụ khám phá và số tội phạm bị bắt; phòng ngừa thanh, thiếu niên phạm tội là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội, dưới góc độ lý luận và thực tiễn, theo Giáo sư, thời gian qua tình hình tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên tăng nhanh và diễn biến ngày càng phức tạp, đảng và nhà nước ta đã có nhiều

chủ trương, chính sách, biện pháp đấu tranh, phòng chống, song hoạt động của tội phạm thanh, thiếu niên vẫn diễn ra phức tạp, tình hình ngày càng nghiêm trọng và đã có ảnh hưởng, xâm nhập vào hệ thống trường học, ở **môi** trường đô thị, mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập với tội phạm thanh thiếu niên. Nhằm khắc phục thực trạng thanh thiếu niên phạm tội, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị, toàn đảng, toàn dân, toàn quân, nhất là gia đình, nhà trường. Tác giả đã viết: “...Sách dành một phần quan trọng để trình bày về vai trò của cơ quan công an và các cơ quan bảo vệ pháp luật, các đoàn thể xã hội trong cuộc đấu tranh này....[173].

Đỗ Bá Cỡ, (2000), *Giáo trình Cảnh sát nhân dân làm việc với trẻ em làm trái pháp luật* của Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (nay là Học viện Cảnh sát nhân dân), do Nxb Công an nhân dân. Giáo trình đã trình bày khá đầy đủ các khái niệm về trẻ em và trẻ em làm trái pháp luật, nhận thức chung về công tác quản lý, giáo dục trẻ em làm trái pháp luật, đề ra các quy trình, kỹ năng tiếp xúc, làm việc với trẻ em làm trái pháp luật. Giáo trình cũng là một trong những tài liệu quan trọng giúp cho tác giả nhận thức được những lý luận trong quá trình nghiên cứu.[57]

Đỗ Bá Cỡ, (2000), *Luận án Tiến sĩ Luật học: Hoạt động của Lực lượng Công an nhân dân trong phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên gây ra trong tình hình hiện nay*. Kết quả nghiên cứu đã nêu và giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản về NCTNPT, xác định rõ các chủ thể tham gia, mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể và trách nhiệm của chủ thể trực tiếp, nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân, tác giả đã khảo sát thực trạng NCTNPT và công tác phòng ngừa NCTNPT của lực lượng Công an nhân dân; chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến tình trạng NCTNPT, đánh giá ưu điểm, chỉ ra những khuyết điểm và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động phòng ngừa NCTNPT; dự báo xu hướng tội phạm NCTN trong thời gian tới, những vấn đề **khách** quan và chủ quan làm cho tình hình tội phạm ở NCTN diễn biến phức tạp. Từ đó đề ra phương hướng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa NCTNPT.[56]

1.1.2.3. *Các công trình nghiên cứu về thực trạng và biện pháp tăng cường hoạt động phòng ngừa tội phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện*

Các công trình nghiên cứu về thực trạng và biện pháp tăng cường hoạt động phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện tại Việt Nam

Trần Quang Tiệp, (2005), *Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong đấu tranh phòng, chống người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Theo tác giả đấu tranh phòng chống NCTNPT là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, mang tính cấp bách, lâu dài, vì vậy, phải coi đây là cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành. Quan điểm của tác giả là phát huy sức mạnh tổng hợp đối với cuộc đấu tranh phòng, chống NCTNPT, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ sự giáo dục NCTN trong gia đình, nhà trường và xã hội. Tuy nhiên, việc đấu tranh phòng chống là việc khắc phục hậu quả đã xảy ra, trong quá khứ đó là quả chứ không phải là nhân, có trường hợp trẻ em có gia đình nhân thân rất tốt, môi trường học tập rất tốt...những vẫn phạm tội. Do vậy, quan điểm của tác giả về đấu tranh phòng chống NCTNPT, chưa nghiên cứu về tâm lý của tội XPSH ở NCTN, phần lớn là mang tính cơ hội, sự sơ hở của người có tài sản.[110].

Trịnh Quốc Toàn, Trần Quang Tiệp, Nguyễn Đức Bình... - H., (2007), *Tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Hà Nội - thực trạng và giải pháp*: Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân. Trên cơ sở thực trạng tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhóm tập thể tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự, về phòng ngừa tội phạm NCTN; tình trạng phạm tội do nhóm tác giả nghiên cứu NCTNPT vào các nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; tài sản công dân, trật tự xã hội, các tội phạm về ma túy.

Nhóm tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự, về phòng ngừa tội phạm NCTN, tiến hành điều tra khảo sát tình hình tội phạm NCTN trong trại giam, trường giáo dưỡng và những trường hợp thi hành án xong đã và đang tái hòa nhập cộng đồng ở thành phố Hà Nội. Thực trạng tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện và kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm người chưa thành niên ở các quận nội thành thành phố Hà Nội; đồng thời đề ra dự báo tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện ở Thành phố Hà Nội trong thời gian tới và hệ thống các giải pháp đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Tuy nhiên,

về mặt lý luận, tình hình tội phạm có sự diễn biến, thay đổi theo thời gian, vì vậy, so với thời điểm hiện nay tình hình tội phạm ở NCTN gây ra ở Thành phố Hà Nội cũng đã có chuyển biến khác so với thời điểm nhóm tác giả khảo sát và cũng không có điểm tương đồng với tình hình tội XPSH do NCTNPT ở thành phố Hồ Chí Minh. [118]

Lê Tấn Tới, (2014), Luận án Tiến sĩ Luật học: *Hoạt động của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên gây ra ở khu vực miền Tây Nam Bộ*. Tổng quan tình hình nghiên cứu và lý luận về phòng ngừa tội phạm do NCTN gây ra theo chức năng của lực lượng CSĐTTP về TTXH. Đặc điểm tội phạm học; thực trạng, dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm do NCTN gây ra theo chức năng của lực lượng CSĐTTP về TTXH Công an các tỉnh, thành phố khu vực miền Tây Nam Bộ, từ đó làm rõ những nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm để xây dựng giải pháp làm triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm ở các tỉnh, thành phố khu vực miền tây Nam bộ, đánh giá thực trạng hoạt động phòng ngừa có tính đặc thù, theo chức năng của lực lượng CSĐTTP về TTXH công an các tỉnh, thành phố vùng tây Nam bộ; đề tài đã chỉ ra được những ưu điểm, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của hoạt động phòng ngừa tội phạm do NCTN gây ra trên địa bàn đặc thù thuộc vùng sông nước[120].

Lưu Hoài Bảo, (2014), *Một số giải pháp phòng chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện*, Tạp chí Kiểm Sát, số 14/2014. Theo tác giả nghiên cứu về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật Việt Nam so với độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số quốc gia như Thái Lan, Hoa Kỳ, Brazil, Colombia, Trung Quốc, Đức....theo tác giả đối với NCTN thì việc phòng ngừa và áp dụng các biện pháp tư pháp được đề cao hơn là việc áp dụng hình phạt và khẳng định đường lối chủ trương của nhà nước ta là luôn coi NCTN, đặc biệt là những người dưới 16 tuổi, là những người chưa trưởng thành do chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm lý. Do đó, cần được đối xử khác với cách đối xử giành cho người thành niên và cần được gia đình, xã hội và nhà nước chung tay chăm sóc và giáo dục. Tác giả cũng đề cập đến giải pháp như: cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo

vệ pháp luật, tăng cường phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện tố giác và đấu tranh tội phạm và tệ nạn xã hội, hướng nghiệp... Tác giả chưa nghiên cứu đến các giải pháp toàn diện và chưa dự báo tình hình tội XPSH do NCTN gây ra trong thời gian tới. Đó là điều mà luận án cần đi sâu nghiên cứu dự báo và kiến nghị.[9]

Các công trình nghiên cứu về thực trạng và biện pháp tăng cường hoạt động phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Huỳnh Tấn Đạt (2014), *Các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Luận văn tập trung nghiên cứu về tình hình NCTN phạm các tội về XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 đến 2013, từ đó nghiên cứu các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển của các loại tội phạm này và đề ra các giải pháp cho công tác đấu tranh phòng ngừa của lực lượng Công an thành phố Hồ Chí Minh cũng như của các ban ngành đoàn thể nhằm ngăn chặn việc vi phạm pháp luật của NCTN nói chung và đối với loại tội danh này nói riêng.

Huỳnh Tấn Đạt (2015), *Vai trò của giáo dục đối với các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, 61-66. Tác giả tập trung nghiên cứu tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đi sâu vào tìm hiểu về học vấn, giới tính, nhận thức của NCTN; cho thấy được nguyên nhân dẫn đến tình hình phạm tội của NCTN có trách nhiệm từ phía gia đình và nhà trường trong việc giáo dục NCTN. Vì vậy tác giả thông qua bài báo này để nói lên vai trò của giáo dục đối với tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Huỳnh Tấn Đạt (2016), *Phối hợp của trợ giúp pháp lý và phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông góp phần phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, 84-88. Tác

giả tập trung nghiên cứu tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, từ đó thấy được vai trò của nhà trường đối với sự phát triển về nhận thức, nhân cách của NCTN và một phần nguyên nhân dẫn đến tình hình phạm tội của NCTN cũng do một phần từ phía nhà trường chỉ quan tâm đến các môn học khoa học tự nhiên, mà thiếu sự giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh. Vì vậy tác giả thông qua bài báo này để đưa ra các giải pháp, sự phối hợp của trợ giúp pháp lý và phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông góp phần phòng ngừa NCTNPT ở thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã tiếp cận rất phong phú, sâu sắc đối với vấn đề tội phạm học trẻ vị thành niên, mức độ tác động của tình hình tội phạm đối với đời sống xã hội, văn hóa ở mỗi nước khác nhau, quan điểm đường lối chủ trương của mỗi nước cũng không tương đồng. Nhưng qua nghiên cứu các công trình khoa học nói trên, có thể khẳng định các nước trên thế giới đều xác định sự cần thiết có các giải pháp phòng ngừa hiệu quả nhằm hạn chế tình hình tội phạm. Tuy nhiên, mỗi quốc gia khác nhau thì tình hình tội phạm cũng khác nhau, chuyển biến theo không gian, thời gian, điều kiện môi trường tác động...giải pháp phòng ngừa ở quốc gia này thì hiệu quả nhưng ở quốc gia khác thì không áp dụng được, nó còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị của quốc gia đó. Nhìn chung, các công trình trên chưa nghiên cứu chuyên sâu và tập trung vào việc phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện.

Kết quả nghiên cứu các công trình khoa học ở trong nước những năm qua có ý nghĩa quan trọng khi nghiên cứu đề tài phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giúp cho nghiên cứu sinh có cách nhìn tổng quát về lý luận cũng như thực tiễn đối với hoạt động phòng ngừa tội XPSH ở NCTN và nhiệm vụ của hệ thống chính trị trong việc phòng ngừa, ngăn chặn loại tội phạm này. Có thể nhận thấy trong tất cả các tài liệu đã nêu, đều được tiếp cận, nghiên cứu ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, không gian, thời gian khác nhau. Do đó, mỗi công trình, tài liệu đều có những giá trị đóng góp, nghiên cứu với những ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung. Điểm

chung nhất của các công trình, tài liệu tổng kết, sách chuyên khảo...đều mang tính khái quát cao có giá trị về lý luận và thực tiễn.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Các tài liệu phân tích kỹ, lý luận sâu về công tác phòng ngừa tội phạm XPSH do NCTN gây ra chưa có đề tài nào làm rõ được cả 2 khía cạnh gồm lý luận và thực trạng, nguyên nhân và hệ quả của các tội phạm XPSH do NCTN gây ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố lớn, có nhiều đặc thù riêng. Một số công trình đã nghiên cứu, nhưng mang tính khái quát cao, sơ bộ về loại tội phạm này; một số công trình nghiên cứu về hoạt động tổ tụng và quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể, chuyên sâu, có hệ thống về vấn đề phòng ngừa các tội XPSH do NCTN gây ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể phòng ngừa; thực trạng cơ sở lý luận, cơ sở chính trị pháp lý; tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các ban ngành đoàn thể của thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, việc nghiên cứu luận án ***“Phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”*** sẽ không bị trùng lặp. Ngoài việc phác họa một bức tranh rõ nét về thực trạng phòng các tội XPSH do NCTN gây ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, những lý luận từ góc độ từ thực tiễn bào chữa cho người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu của công tác trợ giúp pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh sẽ làm sáng rõ hơn các vấn đề tồn đọng đã nêu, đây chắc chắn là hướng nghiên cứu mới được mong đợi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu tổng quan những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các tội XPSH do NCTNPT tác giả luận án nhận thấy, có nhiều đề tài, sách chuyên khảo, bài viết, nhóm tác giả trong và ngoài nước đã nghiên cứu, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, tùy vào mục đích nghiên cứu phân tích. Tác giả luận án nhận thấy, ở các nước đều cho rằng phòng ngừa tội phạm là rất cần thiết, thể hiện ở những công trình nghiên cứu tiếp cận rất phong phú sâu sắc đối với tội phạm học trẻ

vị thành niên; tội phạm ở mỗi quốc gia là khác nhau, các công trình khoa học đều xác định sự cần thiết có các giải pháp phòng ngừa hiệu quả nhằm hạn chế tình hình tội phạm. Tuy nhiên, các công trình đã nêu chưa nghiên cứu chuyên sâu và tập trung vào việc phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện. Chương 1 của Luận án tác giả đã phân tích làm sáng tỏ những kết quả nghiên cứu, những mặt đạt được và những khoảng trống mà các tác giả chưa đề cập, nghiên cứu đối với phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua việc nghiên cứu này tác giả cho rằng các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là loại tội phạm phổ biến trong thực tiễn phòng ngừa tội phạm.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN

2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

2.1.1. Khái niệm tội xâm phạm sở hữu

Bản chất của sở hữu là lợi ích, sở hữu tư nhân là hình thức sở hữu của cá nhân đối với các loại tài sản, vốn, tư liệu sản xuất mà họ có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Theo Từ điển tiếng Việt thông dụng: “*Xâm phạm (encroach upon dgt) có nghĩa là đụng đến chủ quyền của người khác, xâm phạm quyền công dân [171, tr.1296]; sở hữu (property dgt) được hiểu là “được giữ làm của riêng, sở hữu ruộng đất” [171, tr.972].*

Khái niệm các tội xâm phạm sở hữu

Bộ Luật hình sự năm 1999, tại Chương XIV, các tội XPSH, được quy định từ Điều 133 đến Điều 145, sửa đổi bổ sung năm 2009 và năm 2015 đổi thành Chương XVI từ Điều 168 đến Điều 180; được phân loại thành ba nhóm, các tội có tính chất chiếm đoạt; các tội không có tính chất chiếm đoạt; các tội không có tính vụ lợi, không chiếm đoạt, qua đó cho thấy, quan hệ sở hữu là quan hệ xã hội đặc biệt, liên quan mật thiết tới các quan hệ xã hội khác, xâm hại quan hệ sở hữu sẽ cùng lúc xâm hại nhiều quan hệ xã hội. Do đó, có thể định nghĩa về các tội XPSH như sau:

Các tội XPSH là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu và sự gây thiệt hại này thể hiện đầy đủ bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Khách thể tội phạm của các tội XPSH là các quan hệ xã hội bị xâm phạm mà các quan hệ xã hội đó được Bộ luật hình sự bảo vệ, quan hệ xã hội thì có nhiều, do nhiều ngành luật điều chỉnh, nhưng Bộ luật hình sự chỉ bảo vệ những quan hệ xã hội có liên quan chủ yếu đến các quan hệ sở hữu, ngoài ra còn có những quan hệ khác như tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm và những lĩnh vực khác của trật tự

pháp luật xã hội, nhưng không phải là khách thể đặc trưng của các tội này. Do đó, đối tượng bị tác động phải là tài sản, và phải thỏa mãn hai đặc điểm sau:

Thứ nhất: Là sản phẩm do lao động của con người, quyền sở hữu thiết lập do lao động, không phải do tự nhiên.

Thứ hai: Tài sản này không có tính năng, công dụng đặc biệt, bởi vì không chỉ quan hệ sở hữu bị xâm phạm, mà còn qua quan hệ đặc biệt đó mới phản ánh hết tính nguy hiểm cho xã hội.

Đối tượng bao gồm

- Vật, những vật sau đây không phải là đối tượng tác động của các tội XPSH: Tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản), vật có tính năng công dụng đặc biệt (vũ khí, phương tiện kỹ thuật quân sự, chất nổ, chất phóng xạ, ma túy) là những vật mà chủ sở hữu hủy bỏ hoặc từ chối quyền sở hữu;

- Tiền: là đối tượng tác động của tội XPSH bao gồm tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ.

- Giấy tờ trị giá được bằng tiền, cổ phiếu, trái phiếu, công phiếu, chứng chỉ quỹ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc...Các quyền tài sản là quyền mà chủ sở hữu được hưởng một tài sản trong tương lai.

Chúng tôi sử dụng thuật ngữ: “các tội xâm phạm sở hữu” và xác định rằng Chương XVI Bộ luật hình sự 2015, quy định nhóm tội XPSH bao gồm:

- *Các tội có tính chất chiếm đoạt gồm có:* Tội cướp tài sản (Điều 168); Tội bắt cóc nhằm cướp tài sản (Điều 169); Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170); Tội cướp giật tài sản (Điều 171); Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172); Tội trộm cắp tài sản (Điều 173); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176);

- *Tội không có tính chất chiếm đoạt nhưng vụ lợi:* Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177);

- *Các tội không có hành vi chiếm đoạt, không vụ lợi gồm có:* Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178); Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179); Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180)

Dựa vào khái niệm Tội phạm được quy định tại Chương III, Điều 8 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và năm 2015, tác giả luận án có thể luận giải khái niệm các tội XPSH như sau: *Các tội XPSH là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu, xâm phạm quyền con người, quyền lợi ích hợp pháp của công dân, xâm hại an ninh, trật tự, an toàn xã hội và sự gây thiệt hại này thể hiện bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.* [25, 26]

2.1.2. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội

Quy luật tự nhiên của đời người là quá trình tự nhiên từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già, có nghĩa là thông thường vòng đời của một con người được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn tương ứng với độ tuổi và vì vậy từng giai đoạn độ tuổi hình thành tên gọi, thuật ngữ khác nhau cho phù hợp với độ tuổi đó: nhi đồng, trẻ em; thiếu niên; thanh niên; người cao tuổi; thọ; thượng thọ; đại thọ; bách niên. Trong thuật ngữ pháp lý của đa số các nước đã sử dụng là chưa thành niên hay thành niên và Bộ luật dân sự của nước ta cũng sử dụng thuật ngữ gọi là NCTN và người thành niên. Việc phân định độ tuổi để xác định cá nhân là NCTN hay thành niên phải dựa vào các văn bản qui phạm pháp luật.

Người chưa thành niên là người đang ở lứa tuổi mà khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị hạn chế và đôi khi còn bị tác động bởi những điều kiện bên ngoài. NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm – sinh lý, chưa có khả năng nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện. Ở lứa tuổi này, nhận thức của NCTN chưa đầy đủ, dễ bị lôi kéo, kích động bởi người xung quanh, cho nên nếu thiếu sự giáo dục, dạy dỗ từ gia đình, nhà trường, xã hội thì NCTN dễ rơi vào tình trạng vi phạm pháp luật.

Mỗi quốc gia, thuật ngữ "trẻ em" và "người chưa thành niên" được hiểu và quy định khác nhau phụ thuộc vào những đặc điểm riêng về sự phát triển sinh học, tâm sinh lý cũng như quan điểm của mỗi nước về chăm sóc, bảo vệ và giáo dục đối với trẻ em. Về phương diện quốc tế, tại Điều 1 Công ước quốc tế quyền trẻ em ngày

20/11/1989 quy định: “Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn” [55]. Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do được Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14/12/1992 quy định NCTN là người dưới 18 tuổi.

Theo từ điển Tiếng Việt: "Vị thành niên là người chưa đến tuổi được pháp luật công nhận là công dân với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ hay là người chưa đủ 18 tuổi". Cũng theo Từ điển Tiếng Việt thì: "Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân" [171].

Định nghĩa này phù hợp với tinh thần của Công ước quốc tế về quyền trẻ em đã nêu trên, tuy nhiên lại không đồng nhất hai thuật ngữ: NCTN và trẻ em. Luật Trẻ em năm 2015 quy định: “Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi”. Như vậy, có thể nói rằng khái niệm "trẻ em" trong pháp luật Việt Nam không đồng nhất với khái niệm "người chưa thành niên". Việc hiểu khái niệm trẻ em dựa trên độ tuổi của các em. Hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như quốc tế như đã trình bày ở trên có sự khác nhau trong quy định về vấn đề này. Trong khoa học pháp lý và trong các văn bản pháp luật, thuật ngữ NCTN, trong đó có NCTNPT được sử dụng với ý nghĩa là người chưa đủ 18 tuổi.

Theo quy định của Điều 12 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung 2009 và năm 2015 quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là người từ đủ 14 tuổi. Tuy nhiên, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Pháp luật hình sự không nêu khái niệm người thành niên, NCTN hay trẻ em mà dựa vào độ tuổi. Theo đó, độ tuổi mà người có khả năng phải chịu trách nhiệm hình sự là người đủ 14 tuổi. Gọi là khả năng vì nếu người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi, chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu đáp ứng điều kiện, về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi như thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, nếu người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện hành

vi về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, mà chỉ bị xử phạt hành chính và các biện pháp tư pháp khác, được cơ quan công an đưa vào diện theo dõi, giám sát, quản lý tình hình tội phạm. Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, không phân biệt ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng. Pháp luật hình sự của các quốc gia khác nhau quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là khác nhau; qua khảo sát 37 quốc gia về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự kết quả như sau: Từ 6 - 7 tuổi có 6 nước, 8 - 9 tuổi có 5 nước, 10 - 14 tuổi có 17 nước, 15 - 16 tuổi có 2 nước và từ 18 tuổi có 2 nước (xem Phụ lục I, Bảng 2.1).

Nguyên nhân của vấn đề trên xuất phát từ nhận thức người chưa đủ 14 tuổi chưa phát triển đầy đủ khả năng nhận thức tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi cũng như khả năng tự chịu trách nhiệm cho hành vi còn hạn chế ăn chưa no, lo chưa tới. Bác Hồ đã nói: “Trẻ em như búp trên cánh, biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan”, thật vậy ý tứ của Người rất tinh tế, trẻ em như tờ giấy trắng, Người nói: Hiền dữ phải đâu là bản tính, phần nhiều do giáo dục mà nên. Do đó, cho nên trẻ em chưa đủ 14 tuổi không buộc phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự. Theo Điều 9, BLHS năm 2015 thì có 4 mức độ nghiêm trọng của tội phạm bao gồm tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Việc xác định mức độ nguy hiểm của tội phạm là căn cứ vào mức độ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, theo đó tội ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ gây nguy hiểm không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy do BLHS quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến ba năm; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ gây nguy hiểm lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy do BLHS quy định là từ trên ba năm đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt do BLHS đối với tội ấy là từ trên bảy năm đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ gây nguy hiểm đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao

nhất của khung hình phạt do BLHS quy định đối với tội ấy là từ trên mười lăm năm đến hai mươi năm tù, tù chung thân hoặc tử hình [26].

Như vậy, NCTN từ đủ 14 trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự mà mức cao nhất của khung hình phạt đó là từ trên 7 năm tù. NCTN từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Điều 68 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009 quy định trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT, BLHS được sửa đổi bổ sung năm 2015 có thay đổi khái niệm, không gọi là NCTN mà thay vào đó gọi là người dưới 18 tuổi. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; đồng thời theo những quy định khác của Phần thứ nhất (phần những quy định chung) của Bộ luật không trái với những quy định của Chương này. Đặc điểm tâm lý cá nhân về trạng thái cảm xúc của NCTN là người đang trong quá trình phát triển cả về sinh lý cơ thể lẫn tâm lý, ý thức. Đây là giai đoạn diễn ra những biến cố rất đặc biệt. Đó là sự phát triển cơ thể mất cân bằng nên đã dẫn đến tình trạng mất cân bằng tạm thời trong cảm xúc của NCTN. Sự phát triển không cân bằng giữa hệ tim mạch, tim phát triển nhanh hơn các mạch máu đã gây ra sự thiếu máu trong từng bộ phận trên vỏ não và đôi khi còn làm rối loạn chức năng trong hoạt động của hệ tim mạch. Do đó, NCTN có cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, nhức đầu, sức làm việc suy giảm, dễ bị kích động, dễ nổi nóng...Đồng thời, tuyến nội tiết ở NCTN hoạt động mạnh (đặc biệt là tuyến sinh dục và tuyến giáp trạng) gây ra sự mất cân bằng trong hoạt động của hệ thần kinh trung ương, dễ đưa họ đến những cơn xúc động mạnh, những phản ứng nóng nảy vô cớ, những hành vi bất thường [83 tr.38]

Trên thực tế, trạng thái thần kinh, cảm xúc không cân bằng có thể là yếu tố gây nên các hành vi lệch chuẩn; có thể chỉ với mâu thuẫn nhỏ, nhưng mất bình tĩnh, bị kích động, không kiểm chế được bản thân, các em sẽ hành động sai lầm, thậm chí là thực hiện hành vi phạm tội. Sự mất cân bằng tạm thời trong cảm xúc thể hiện ở điểm phân lớn NCTN có tâm lý nặng nề như mặc cảm, tự ti, bi quan, chán nản, nhiều lúc tuyệt vọng, có thái độ thờ ơ, bất cần, liêu lĩnh.

Sự vươn lên vị trí độc lập của NCTN theo xu hướng chung diễn ra rất tự phát. Do ở độ tuổi này, năng lực trí tuệ cũng như năng lực tư duy đang phát triển và hoàn thiện trong mối tương quan với sự phát triển về thể chất và tâm, sinh lý nên dễ dẫn đến tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về mức độ và nhịp độ của sự phát triển, bị hạn chế bởi sinh học; vì vậy, đây là giai đoạn khủng hoảng của sự phát triển tâm lý con người.

Lứa tuổi này không muốn sự ràng buộc của người lớn như: thích hành động tự do và đôi khi dẫn đến tùy tiện, tự đưa ra quyết định theo ý kiến riêng của mình mà không muốn bị ảnh hưởng bởi người khác. Nhu cầu độc lập cũng là một xu hướng phát triển tất yếu và rất cần thiết của NCTN. Đây là cơ sở quan trọng để giúp các em trưởng thành. Nếu nhu cầu khẳng định đó đúng đắn thì hình thành nhân cách tốt và ngược lại. Trong điều kiện khả năng nhận thức, phân biệt đúng sai còn hạn chế cùng với tác động tiêu cực bên ngoài dễ hình thành tâm lý tiêu cực nơi các em.[83, tr39, 40]

Từ đặc điểm trên, có thể thấy do sự phát triển chưa hoàn thiện về tâm, sinh lý của lứa tuổi này, NCTN có những thái độ, nhận thức chưa hoàn chỉnh trong cuộc sống, trong học tập, và trong giao tiếp xã hội; từ những đặc thù này, đòi hỏi xã hội phải công bằng khi đánh giá về họ, phải giành cho họ những quyền được đối xử phù hợp với lứa tuổi của họ. Như vậy, có thể nói NCTN là người dưới 18 tuổi, chưa hoàn toàn phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, nhận thức xã hội chưa đầy đủ nên họ cũng chưa có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân.

2.1.3. Đặc điểm pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu

Hành vi chiếm đoạt tài sản: Chiếm đoạt tài sản là hành vi cố ý dịch chuyển trái pháp luật tài sản đang thuộc sự quản lý của người khác thành tài sản của mình.

Hành vi chiếm đoạt tài sản làm cho chủ tài sản mất khả năng thực tế thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của mình; đồng thời tạo cơ hội cho người chiếm đoạt có thể thực hiện các quyền đó; xác định được thời điểm chiếm đoạt có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tội danh, vì tài sản là đối tượng tác động của hành vi đang phải nằm trong sự quản lý, chiếm hữu của một chủ thể.

Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản: Chiếm giữ trái phép tài sản là hành vi cố tình không giao trả tài sản do ngẫu nhiên mà chiếm hữu được. Sự ngẫu nhiên có thể

do người phạm tội được giao nhầm tài sản hoặc đã ngẫu nhiên tìm được, nhặt được tài sản.

Đối tượng của tội phạm này là tài sản chưa có chủ hoặc không có chủ, đó là những tài sản đã không còn trong sự quản lý, chiếm hữu của chủ tài sản hoặc tài sản chưa phát hiện; người phạm tội do ngẫu nhiên mà có được tài sản như do bị giao nhầm, tìm được, bắt được... Người phạm tội đã có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản như: cố tình không trả lại tài sản cho chủ sở hữu, hoặc cố tình không giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Hành vi sử dụng trái phép tài sản: Hành vi sử dụng trái phép tài sản là hành vi khai thác lợi ích do tài sản đem lại mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản.

Hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản: Là hành vi làm cho tài sản mất giá trị sử dụng ở mức độ không còn hoặc khó có khả năng khôi phục lại được; hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là hành vi cố ý làm giá trị sử dụng của tài sản bị mất ở mức độ còn điều kiện khôi phục lại được.

+ *Mặt khách quan của các tội xâm phạm quyền sở hữu thể hiện bằng các hành vi sau đây:*

Hành vi chiếm đoạt tài sản: là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, hoặc có thủ đoạn uy hiếp tinh thần người khác công khai hoặc lén lút, nhằm chiếm đoạt tài sản trái pháp luật. Hành vi chiếm đoạt được thực hiện bằng nhiều phương pháp, thủ đoạn khác nhau, nhưng tất cả mọi hành vi chiếm đoạt tài sản đều thực hiện bằng hành động chủ động tích cực, biến tài sản của người khác thành tài sản của mình.

+ *Mặt chủ quan của tội phạm của các tội XPSH:* hầu hết các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu tài sản được thực hiện do hình thức lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, có một số tội được thực hiện do lỗi vô ý, như tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đến tài sản và tội cố ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

+ *Chủ thể của tội phạm:* Chủ thể của tội phạm này là chủ thể thường, tức là bất kể người nào có đủ năng lực trách nhiệm và đạt độ tuổi luật định, cụ thể theo Điều 90 BLHS năm 2015 quy định: người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu

trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.

2.2. Khái niệm và ý nghĩa của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

2.2.1. Khái niệm phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Như đã trình bày tại Chương 1 của luận án, liên quan đến định nghĩa phòng ngừa tội phạm, các nhà nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay có hai xu hướng chính: Xu hướng thứ nhất là các tác giả quan niệm rằng phòng ngừa tội phạm bao gồm cả hoạt động phòng và chống tội phạm (quan niệm này được nhiều tác giả đồng tình hơn); xu hướng thứ hai cho rằng phòng ngừa chỉ bao gồm hoạt động tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không cho tội phạm xảy ra (phòng ngừa hiểu theo nguyên nghĩa và ít phổ biến hơn). Qua việc tham khảo các quan điểm này, tác giả luận án cho rằng:

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng tổng hợp các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào những yếu tố tiêu cực có thể trở thành nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra và tiến hành những biện pháp kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm.

Trên cơ sở định nghĩa phòng ngừa tội phạm (theo nghĩa rộng cả phòng cả chống) thì tác giả luận án cũng có định nghĩa cho hoạt động phòng các tội phạm sở hữu nói chung như sau:

Phòng ngừa các tội XPSH là hoạt động sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm sở hữu nhằm ngăn ngừa trước không cho tội phạm xảy ra và tiến hành những biện pháp kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa các tội XPSH.

Với định nghĩa phòng ngừa các tội XPSH này, có thể xác định bản chất của phòng ngừa các tội XPSH thể hiện ở hai nội dung:

Thứ nhất, phòng ngừa các tội XPSH là việc áp dụng các biện pháp mang tính xã hội tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước

không cho tội phạm xảy ra. Các biện pháp mang tính xã hội này là những biện pháp nhằm bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho con người để con người không thực hiện hành vi phạm tội do thiếu thốn vật chất hay do hạn chế trong nhận thức, đó là các biện pháp về kinh tế xã hội, văn hoá xã hội, tâm lý xã hội, giáo dục...về bản chất, các biện pháp này không mang tính cưỡng chế bắt buộc nên có thể được xây dựng và triển khai bởi nhiều chủ thể khác nhau, tuy nhiên phải tuân thủ theo các nguyên tắc của phòng ngừa tội phạm.

Thứ hai, phòng ngừa các tội XPSH còn là việc áp dụng các biện pháp mang tính đấu tranh của nhà nước (là biện pháp mang tính cưỡng chế, bắt buộc của nhà nước) nhằm kịp thời phát hiện, xử lý sau khi tội phạm xảy ra nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm. Các biện pháp này thực chất là các biện pháp được thực hiện trong quá trình phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm của các chủ thể tiến hành tố tụng. Từ phân tích trên có thể rút ra việc phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện như sau: Phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện là hoạt động sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân và điều kiện những yếu tố làm phát sinh các tội xâm phạm sở hữu nhằm ngăn ngừa trước không cho tội phạm xảy ra và tiến hành những biện pháp kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện.

2.2.2. Ý nghĩa phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Phòng ngừa các tội XPSH có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ con người, bảo vệ quyền sở hữu và mang tính nhân đạo sâu sắc. Con người được bảo vệ ở đây bao gồm người có nguy cơ phạm tội và người là nạn nhân của tội XPSH. Phòng ngừa tội phạm có hiệu quả tức là ngăn ngừa trước không cho một người thực hiện hành vi phạm tội, không để họ phải bị những hạn chế về quyền con người khi chấp hành hình phạt (thậm chí bị mất quyền tự do thân thể, khi bị áp dụng hình phạt tù). Bên cạnh đó, khi không còn những hành vi XPSH, tức là khi nguồn cung bị ngăn chặn thì số người XPSH sẽ giảm đáng kể nếu như có những biện pháp kết hợp. Nói cách khác, khi phòng ngừa tội XPSH tốt, thì mọi người trong xã hội có điều kiện

được hưởng những quyền tự do, có điều kiện hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần; những thiệt hại do loại tội phạm này gây ra được hạn chế tối đa.

Phòng ngừa các tội XPSH có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế; không để cho tội phạm xảy ra sẽ hạn chế thấp nhất những thiệt hại do tội phạm gây ra, nhất là những thiệt hại về kinh tế. Điều này thể hiện ở những chi phí mà Nhà nước phải bỏ ra cho hoạt động phát hiện, xử lý tội phạm, những chi phí trong quá trình thi hành án. Mặt khác, phòng ngừa tội phạm về XPSH tốt, sẽ hạn chế số người bị xâm hại về quyền tài sản, những khoản tiền mà người bị hại dùng, để giành, chắt chiu mua sắm sẽ được sử dụng cho những mục đích phát triển kinh tế gia đình và xã hội; Nhà nước tiết kiệm được nguồn tiền rất lớn trong việc tổ chức thi hành án, nhà tạm giam, tạm giữ, nhà tù...số tiền dùng phục vụ cho công tác tổ tụng, xét xử là những thiệt hại rất to lớn về mặt kinh tế và số tiền này thực sự có ý nghĩa tích cực nếu được đầu tư vào các hoạt động an sinh xã hội, giải quyết các vấn đề về cơ sở vật chất tinh thần, tình trạng thất nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân.

Phòng ngừa các tội XPSH có ý nghĩa trong việc bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phòng ngừa tốt không để cho tội phạm xảy ra hoặc hạn chế thấp nhất tình trạng phạm tội sẽ khiến cho hoạt động tổ chức quản lý xã hội được dễ dàng hơn, các chủ thể quản lý xã hội sẽ không bị rơi vào tình trạng căng thẳng đối phó với tội phạm và người dân sẽ được sống trong môi trường bình yên.

Phòng ngừa các tội XPSH có ý nghĩa trong việc bảo đảm uy tín của Đảng, Nhà nước ta trong quan hệ đối nội và đối ngoại. Phòng ngừa tội phạm là nghĩa vụ của tất cả mọi người trong xã hội mà các cơ quan nhà nước là chủ thể giữ vai trò chủ đạo, thường xuyên nên hiệu quả của phòng ngừa sẽ phản ánh năng lực của các cơ quan nhà nước và ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và nhà nước trong việc lãnh đạo, quản lý đất nước. Bên cạnh đó, phòng ngừa các tội XPSH là vấn đề mang tính nhân văn trong việc bảo đảm quyền sở hữu của công dân, của khách du lịch, là sự nỗ lực của tất cả các quốc gia tiến bộ cho nên hiệu quả của hoạt động phòng ngừa tội phạm sẽ tăng uy tín của Đảng, nhà nước ta trong quan hệ đối ngoại với các nước trong khu vực và trên thế giới.

2.3. Cơ sở chính trị - pháp lý của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

2.3.1 Cơ sở lý luận của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Phòng ngừa các tội XPSH xét về bản chất là hoạt động tác động vào nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, vừa phải kịp thời phát hiện và xử lý tội phạm cho nên phòng ngừa tội phạm là hoạt động mang tính phức tạp và cần thiết phải được tiến hành dựa trên những cơ sở nhất định nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Theo tác giả luận án, phòng ngừa các tội phạm này cần dựa vào ba cơ sở cơ bản: cơ sở lý luận; cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn. Nội dung cơ sở lý luận phòng ngừa các tội XPSH, tác giả luận án sẽ trình bày hai vấn đề:

Thứ nhất: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm đã được thừa nhận trong khoa học tội phạm học Việt Nam làm cơ sở cho phòng ngừa các tội XPSH;

Thứ hai: Luận án sẽ xây dựng cơ sở lý luận của phòng ngừa nhóm tội phạm XPSH do NCTN thực hiện; vấn đề này trong lý luận về phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam hiện nay chưa làm rõ, làm cơ sở cho hoạt động phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện.

Vấn đề thứ nhất: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm đã được thừa nhận trong khoa học Tội phạm học Việt Nam làm cơ sở cho hoạt động phòng ngừa các tội XPSH:

Xuất phát từ quan điểm của các nhà Tội phạm học Mác-xít, tình hình tội phạm, trong đó có tình hình tội phạm XPSH là hiện tượng xã hội chỉ xuất hiện trong một giai đoạn nhất định của xã hội loài người và sẽ mất đi khi các nguyên nhân làm phát sinh ra nó không còn nữa, chính vì vậy phòng ngừa các tội phạm này là hoạt động có thể thực hiện được nếu như xác định được đúng nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh hoặc thúc đẩy chúng xuất hiện.

Nguyên nhân và điều kiện của các tội XPSH được lý giải dựa vào lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm trong lý luận Tội phạm học Mác-xít được lý giải dựa trên cặp phạm trù Nhân - Quả trong triết học Mác - Lênin, theo đó, “Thông thường, nguyên nhân được hiểu là hiện

tượng A mà tác động của nó gây nên, làm biến đổi hay kéo theo sau nó hiện tượng khác- hiện tượng B. Trong trường hợp này A được gọi là nguyên nhân, còn B được gọi là kết quả”. Nếu tìm hiểu sâu hơn về nguyên nhân thực sự của B ta thấy không phải bản thân hiện tượng A, mà chính là sự tác động của nó, hay sự tác động qua lại của nó với các hiện tượng nào đó...mới chính là cái dẫn đến sự xuất hiện hiện tượng B.” Chính tương tác mới là nguyên nhân của các sự biến. Ph. Ăngghen viết: “...khoa học tự nhiên xác nhận câu nói của Hêghen...cho rằng: tác dụng lẫn nhau là *causa finalis* thật sự của các sự vật”. Nguyên nhân bao giờ cũng là tương tác giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra những biến đổi nhất định; còn kết quả là những biến đổi xuất hiện do sự tác động lẫn nhau của các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau. Mỗi quan hệ nhân - quả mang *tính khách quan* của bản thân các sự vật, nó tồn tại ngoài ý muốn của con người, không phụ thuộc vào việc ta có nhận thức được nó hay không. Mỗi quan hệ nhân - quả mang tính phổ biến, nghĩa là tất cả mọi hiện tượng trong tự nhiên và trong xã hội đều được gây ra bởi những nguyên nhân nhất định, không có hiện tượng nào không có nguyên nhân cả, chỉ có nguyên nhân đã được phát hiện hay chưa được phát hiện. Mỗi quan hệ nhân - quả mang tính tất yếu, khi xem xét mối liên hệ nhân - quả ta thấy rằng kết quả do nguyên nhân gây ra phụ thuộc vào những điều kiện nhất định. Những điều kiện này là hiện tượng cần thiết cho một biến cố nào đó xảy ra, nhưng bản thân chúng không gây nên biến cố ấy. tuy nhiên, nếu không có chúng thì nguyên nhân không thể gây nên kết quả được. [72, tr. 246].

Khi đề cập đến nguyên nhân, triết học Mác - Lênin căn cứ vào tính chất và vai trò của nguyên nhân đối với sự hình thành kết quả, có thể phân các nguyên nhân ra thành:

Nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu, nếu thiếu chúng thì kết quả sẽ không thể xảy ra là nguyên nhân chủ yếu, những nguyên nhân nào mà sự có mặt của chúng chỉ quyết định những đặc điểm nhất thời, không ổn định, cá biệt của hiện tượng thì gọi là thứ yếu.

Nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân bên trong bao giờ cũng quyết định sự hình thành, tồn tại và phát triển của các kết cấu vật chất.

Còn nguyên nhân bên ngoài chỉ phát huy được tác dụng thông qua những nguyên nhân bên trong.

Nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân xuất hiện và tác động độc lập đối với ý thức của con người, của các giai cấp, các chính đảng. nguyên nhân chủ quan là nguyên nhân xuất hiện và tác động phụ thuộc vào ý thức con người, trong lĩnh vực hoạt động của các cá nhân, các giai cấp, các chính đảng, nhằm thúc đẩy hay kìm hãm sự xuất hiện, phát triển các quá trình xã hội. Nếu hoạt động của con người phù hợp với quan hệ nhân-quả khách quan thì sẽ đẩy nhanh sự biến đổi của các hiện tượng xã hội, ngược lại, nếu hoạt động của con người không phù hợp với quan hệ nhân-quả khách quan thì sẽ kìm hãm biến đổi ấy.

Mọi hiện tượng đều có nguyên nhân xuất hiện, tồn tại và tiêu vong nên không có vấn đề có hay không có nguyên nhân của một hiện tượng nào đó, mà chỉ có vấn đề các nguyên nhân ấy đã được phát hiện hay chưa được phát hiện [72 tr. 245,-tr. 256].

Tiếp thu quan điểm của triết học Mác - Lênin khi xem Nguyên nhân – Kết quả là “những vòng khâu tác động qua lại, trong đó kết quả do quy định - đến lượt mình, lại đóng vai trò tích cực bằng cách tác động ngược trở lại”. Vận dụng quan điểm này, nhiệm vụ của tác giả luận án là nghiên cứu, xem xét, tìm ra nguyên nhân và điều kiện các tội XPSH là xác định các nguyên nhân đặc thù, tức là vừa xác định nguyên nhân làm phát sinh, vừa xác định các điều kiện tác động đến nguyên nhân và thúc đẩy kết quả xảy ra. Như vậy, phòng ngừa các tội XPSH về lý luận là hoàn toàn có thể thực hiện nếu như xác định được nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm này trên thực tế.

Vấn đề nghiên cứu ở đây là tìm ra những nguyên nhân, điều kiện của các tội XPSH do NCTNPT được quy định tại Chương XIV từ Điều 133 đến Điều 145 của BLHS năm 1999 (Chương XVI, BLHS 2015 từ Điều 168 đến Điều 180) là phòng ngừa nhóm tội XPSH: Chính vì vậy, để phòng ngừa nhóm tội phạm này thì yêu cầu phải xác định được nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh hoặc thúc đẩy nhóm tội phạm xảy ra. Tuy nhiên, trong lý luận Tội phạm học hiện nay tại Việt Nam chỉ có lý giải nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, chưa có lý luận về nguyên nhân và điều kiện của

nhóm tội phạm XPSH do NCTN thực hiện.

Theo GS.TSKH Đào Trí Úc, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là những mâu thuẫn của những quá trình xã hội và theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình.” [166]. Tương tự với quan điểm này, tập thể tác giả của trường Đại học Luật Hà Nội cũng cho rằng “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là tập hợp những ảnh hưởng, quá trình xã hội trực tiếp làm phát sinh tình hình tội phạm.” [107]. Như vậy nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được các nhà khoa học lý giải dựa trên những hiện tượng và quá trình xã hội thì nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể lại được tiếp cận thông qua cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội; theo PGS.TS Phạm Văn Tĩnh đã xây dựng mô hình S- X- R [116] (dựa vào cơ chế hành vi của con người trong khoa học Tâm lý học và mô hình này được thừa nhận trong khoa học Tội phạm học hiện nay tại Việt Nam; trong đó S là các yếu tố môi trường bên ngoài (Kích thích khách thể), X là con người với những đặc điểm nhân thân đặc trưng (Kích thích phương tiện) và R là sự trả lời các kích thích bao gồm ba khâu: động cơ hóa hành vi, kế hoạch hóa hành vi và hiện thực hóa hành vi:

Mô hình cơ chế tâm lý - xã hội của hành vi phạm tội cụ thể

Với sơ đồ này có thể lý giải nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể là sự tương tác giữa các yếu tố thuộc về cá nhân con người với môi trường sống - bao gồm tình huống khách quan. Với cách tiếp cận này, việc xác định các đặc điểm thuộc về nhân thân con người cụ thể và sự tương tác giữa các đặc điểm nhân thân này với môi trường sống của con người giữ vai trò quan trọng trong việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể chứ không phải là xác định sự tương tác giữa những hiện tượng và quá trình xã hội như khi lý giải nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Như vậy, trong lý luận Tội phạm học Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể đã được

các nhà khoa học lý giải nhưng chưa có công trình nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm XPSH ở trong phạm vi vùng, khu vực trên phạm vi cả nước. Đây là yêu cầu quan trọng cần được giải quyết để xây dựng hệ thống lý luận về phòng ngừa nhóm tội phạm theo khu vực, vùng và chúng tôi sẽ giải quyết ở nội dung tiếp theo.

Vấn đề thứ hai: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa nhóm tội phạm được tác giả luận án xây dựng làm cơ sở cho hoạt động phòng ngừa các tội XPSH.

(1) Định nghĩa, bản chất của phòng ngừa nhóm tội phạm:

Trên cơ sở tham khảo định nghĩa phòng ngừa tội phạm của các nhà khoa học ở các công trình khác nhau, đã có định nghĩa phòng ngừa tội phạm tại phần 2, đó là việc sử dụng các biện pháp nhà nước và xã hội tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra và kịp thời phát hiện, xử lý sau khi tội phạm xảy ra nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, lý luận về phòng ngừa tội phạm đã chỉ ra rằng phòng ngừa tội phạm có thể thực hiện được ở ba mức độ: phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa nhóm tội phạm, phòng ngừa tội phạm cụ thể. Liên quan đến vấn đề này, GS.TS Võ Khánh Vinh đã cho rằng “Các biện pháp phòng ngừa chung hướng đến việc khắc phục hoặc làm mất hiệu lực các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung (trong cả nước hoặc trong một vùng). Các biện pháp riêng có địa chỉ là nhóm tội phạm này hay nhóm tội phạm khác. Việc phòng ngừa nhóm tội phạm hướng đến việc khắc phục hoặc phong tỏa các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể.

Tác giả chuyên đề *Vấn đề phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học* trong công trình *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, TS Nguyễn Mạnh Kháng đã nêu, khi căn cứ vào mục tiêu phòng ngừa (theo tính chất của tội phạm) thì phòng ngừa tội phạm có thể là phòng ngừa chung, phòng ngừa một loại tội, phòng ngừa tội phạm cụ thể. Như vậy, về mặt lý luận, phòng ngừa tội phạm, mà cụ thể là các biện pháp phòng ngừa đối với tình hình tội phạm, loại tội phạm, phòng ngừa tội phạm cụ thể đã được nhiều nhà khoa học thừa nhận. Tuy nhiên, phòng ngừa loại tội phạm hoặc nhóm tội phạm là gì và bản chất của phòng ngừa chưa

được nghiên cứu. Dựa trên định nghĩa phòng ngừa tội phạm, tác giả luận án cho rằng:

Phòng ngừa nhóm tội phạm là việc áp dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không cho nhóm tội phạm xảy ra và kịp thời phát hiện, xử lý sau khi nhóm tội phạm xảy ra nhằm tiếp tục phòng ngừa nhóm tội phạm.

Định nghĩa trên đã thể hiện bản chất của phòng ngừa nhóm tội phạm, bao gồm bản chất thứ nhất là sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không để cho nhóm tội phạm xảy ra, các biện pháp xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho con người được ưu tiên áp dụng trong trường hợp này; bản chất thứ hai là sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước trong việc phát hiện xử lý sau khi nhóm tội phạm xảy ra nhằm tiếp tục phòng ngừa nhóm tội phạm.

Định nghĩa và bản chất phòng ngừa nhóm tội phạm vừa nêu ở trên đã cho thấy vấn đề quan trọng và mang tính quyết định đến phòng ngừa nhóm tội phạm là xác định nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm. Nội dung tiếp theo sau đây tác giả luận án sẽ định nghĩa nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm.

(2) Định nghĩa nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm:

Trước khi tìm hiểu định nghĩa nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm thì trước hết phải thống nhất cách hiểu về nhóm tội phạm. Theo chúng tôi, nhóm tội phạm được hiểu là các tội phạm (từ hai tội phạm trở lên) được quy định tại BLHS, là một bộ phận cấu thành nên tình hình tội phạm nói chung và bản thân nhóm tội phạm được cấu thành từ các đơn vị nhỏ nhất là các tội phạm cụ thể. Nhóm tội phạm có thể được xác định dựa trên các quan hệ xã hội được BLHS bảo vệ và được quy định trong cùng một chương của BLHS.

Trên cơ sở tiếp cận nguyên nhân và điều kiện của tội phạm theo cặp phạm trù “Nhân-Quả” của triết học Mác - Lênin là những vòng khâu tác động qua lại giữa các yếu tố và hiện tượng xã hội [77, tr.406], chúng tôi cho rằng: Nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm là sự tác động qua lại giữa các hiện tượng và quá trình xã hội làm phát sinh một nhóm tội phạm. Tuy nhiên, thực chất nhóm

tội phạm là các tội phạm (từ hai tội phạm trở lên) được quy định tại BLHS, là một bộ phận cấu thành nên tình hình tội phạm nói chung và có sự tác động qua lại với tình hình tội phạm; vì vậy để nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm phải xuất phát từ việc nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, tức là phải xác định sự tác động giữa các yếu tố xã hội có khả năng làm phát sinh hoặc thúc đẩy sự xuất hiện của tất cả các tội phạm trong bức tranh tình hình tội phạm, trong đó có nhóm tội phạm đang được nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhóm tội phạm được cấu tạo từ các tội phạm cụ thể cho nên việc xác định nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm còn phải xác định nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm cụ thể - để trả lời câu hỏi tại sao những người phạm tội thực hiện một hành vi phạm tội cụ thể này chứ không phải là tội phạm khác. Với cách hiểu trên, có thể định nghĩa nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm như sau:

Nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm là sự tương tác giữa những hiện tượng, quá trình xã hội làm phát sinh một nhóm tội phạm và sự tương tác giữa các đặc điểm nhân thân người phạm tội với môi trường sống bên ngoài dẫn đến việc phát sinh tội phạm cụ thể thuộc nhóm tội phạm đó.

Tóm lại, nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm được nhận thức ở hai cấp độ: *Thứ nhất*, xác định nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung, đó là sự tác động qua lại giữa các hiện tượng và quá trình xã hội làm phát sinh hoặc thúc đẩy sự xuất hiện của tình hình tội phạm, trong đó có các tội phạm đang được nghiên cứu. *Thứ hai*, xác định nguyên nhân và điều kiện các tội phạm cụ thể cấu tạo nên nhóm tội phạm, đó là sự tương tác giữa các yếu tố thuộc về cá nhân người phạm tội với tình huống khách quan bên ngoài. Sự tương tác giữa các yếu tố thuộc về cá nhân người phạm tội với những tình huống khách quan bên ngoài nhằm xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể của nhóm tội phạm đó theo cơ chế hành vi phạm tội với mô hình S-X- R đã được trình bày phần trước.

Nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm là cơ sở cho hoạt động phòng ngừa nhóm tội phạm. Dựa vào định nghĩa phòng ngừa tội phạm được trình bày tại phần 2.2.1 dựa vào định nghĩa phòng ngừa nhóm tội phạm và định

nghĩa nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm vừa nêu thì chúng tôi cho rằng phòng ngừa nhóm tội phạm thể hiện ở hai cấp độ:

Cấp độ thứ nhất: Phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, tức là sử dụng các biện pháp nhà nước và xã hội tác động vào các hiện tượng và quá trình xã hội có khả năng làm phát sinh và thúc đẩy các tội phạm xuất hiện, trong đó có nhóm tội phạm đang được nghiên cứu;

Cấp độ thứ hai: Phòng ngừa nhóm tội phạm còn được thực hiện bởi phòng ngừa các tội phạm cụ thể thuộc nhóm tội phạm đó, tức là lý giải sự tương tác giữa các yếu tố thuộc về hoàn cảnh khách quan bên ngoài với các đặc điểm nhân thân của cá nhân dẫn đến việc hình thành động cơ phạm tội, kế hoạch hóa hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội trên thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp nhà nước và xã hội tác động vào những yếu tố khách quan bên ngoài, các đặc điểm nhân thân người phạm tội nhằm ngăn ngừa việc hình thành động cơ, lên kế hoạch hoặc thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Như vậy, những vấn đề về nguyên nhân và điều kiện nhóm tội phạm, phòng ngừa nhóm tội phạm nêu trên có thể được xem là cơ sở lý luận của phòng ngừa các tội XPSH. Phòng ngừa nhóm tội XPSH cũng xuất phát từ việc xác định nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm này và cũng được nhận thức ở hai cấp độ: *Thứ nhất*, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm - trong đó có các tội XPSH, đó là sự tương tác giữa những hiện tượng và quá trình xã hội như kinh tế xã hội, văn hóa xã hội, giáo dục, tổ chức - quản lý xã hội, pháp luật v.v...; *Thứ hai*, nguyên nhân và điều kiện các tội XPSH còn được nhận thức ở khía cạnh nguyên nhân và điều kiện các tội phạm cụ thể, đó là sự tương tác giữa những đặc điểm cá nhân người phạm tội với những tình huống hoàn cảnh khách quan bên ngoài dẫn đến việc hình thành ba khâu trong cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội, đó là quá trình hình thành động cơ phạm tội, kế hoạch hóa hành vi phạm tội và hiện thực hóa hành vi phạm tội cụ thể.

Vấn đề thứ ba: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa nhóm tội phạm trên một địa bàn cụ thể.

Như đã trình bày, phòng ngừa nhóm tội phạm trước nhất là phòng ngừa tình

hình tội phạm nói chung, tức là sử dụng các biện pháp nhà nước và xã hội tác động vào các hiện tượng và quá trình xã hội có khả năng làm phát sinh và thúc đẩy các tội phạm xuất hiện, trong đó có nhóm tội phạm đang được nghiên cứu; bên cạnh đó, phòng ngừa nhóm tội phạm còn được thực hiện bởi việc phòng ngừa các tội phạm cụ thể thuộc nhóm tội phạm đó, tức là lý giải sự tương tác giữa các yếu tố thuộc về hoàn cảnh khách quan bên ngoài với các đặc điểm nhân thân của cá nhân dẫn đến việc hình thành động cơ phạm tội, kế hoạch hóa hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội trên thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp nhà nước và xã hội tác động vào những yếu tố khách quan bên ngoài, các đặc điểm nhân thân người phạm tội nhằm ngăn ngừa việc hình thành động cơ, lên kế hoạch hoặc thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Xuất phát từ lý luận này, việc nghiên cứu các yếu tố thuộc về hoàn cảnh khách quan bên ngoài - các yếu tố thuộc về môi trường sống có ý nghĩa quan trọng trong việc lý giải nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm, từ đó thiết kế những biện pháp phòng ngừa tội phạm tương ứng với những yếu tố khách quan đó.

Trong hệ thống lý luận phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam hiện nay, các biện pháp phòng ngừa tội phạm có thể phân chia thành các biện pháp phòng ngừa chung trên toàn lãnh thổ hoặc những biện pháp phòng ngừa tội phạm trong từng địa phương. Cách phân chia này đã được thừa nhận bởi các nhà khoa học như GS.TSKH Đào Trí Úc trong công trình Tội phạm học, Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự Việt Nam, GS.TS Võ Khánh Vinh trong công trình *Giáo trình Tội phạm học* [166] hoặc tại *Giáo trình Tội phạm học* của trường Đại học Luật Hà Nội [107]. Liên quan đến vấn đề này, GS.TS Nguyễn Xuân Yêm cho rằng “Việc nghiên cứu tội phạm ở một lãnh thổ, xã, phường là một trong những lĩnh vực nghiên cứu tội phạm và **tác động** của nó trong mối liên quan trực tiếp với sự phát triển kinh tế và văn hóa xã hội của địa phương và đưa ra các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa các vi phạm pháp luật và tội phạm trên địa bàn lãnh thổ. Việc nghiên cứu tội phạm ở một khu vực, một tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường, thị trấn giúp phát hiện những nguyên nhân, điều kiện cụ thể ở địa phương làm dễ dàng cho phát sinh tội phạm, trên cơ sở đó đề ra hệ thống các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả hơn, phân tích đánh giá hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân trong

đấu tranh phòng, chống tội phạm” [173]. Như vậy, sự khác biệt trong các biện pháp phòng ngừa tội phạm ở những khu vực, địa phương khác nhau xuất phát từ những đặc trưng về tự nhiên, lịch sử, xã hội, dân cư của những khu vực đó. Tương ứng với những đặc trưng này, các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, bên cạnh những nguyên nhân và điều kiện chung, phổ biến trong cả nước, còn là những nguyên nhân và điều kiện xuất phát chính trong nội tại xã hội của khu vực, địa phương, bao gồm những nguyên nhân khách quan bên ngoài tác động và những nguyên nhân chủ quan phát sinh trong quá trình điều hành, quản lý xã hội. Trên cơ sở nhận thức các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm trên địa bàn, các chủ thể phòng ngừa tội phạm sẽ thiết kế những biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm bằng cách tác động nhằm hạn chế tiến tới triệt tiêu những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm cụ thể trong nhóm tội phạm đó.

Mặt khác, cách phân chia các biện pháp phòng ngừa tội phạm dựa vào khu vực địa phương này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc cụ thể hóa đã được đề cập trong phần 2.1, tức là các biện pháp phòng ngừa tội phạm phải được thiết kế cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng vùng, miền, cụ thể với các đối tượng có các đặc điểm nhân thân khác nhau. Với các đặc điểm riêng biệt của từng địa bàn, chính quyền địa phương, dựa trên các chính sách, quy định của pháp luật nói chung sẽ ban hành, thiết kế những biện pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp với tình hình tội phạm và các đặc điểm đặc trưng của địa phương. Điều đáng lưu ý là mặc dù ban hành những chính sách, những biện pháp phòng ngừa tội phạm đặc thù nhưng các chủ thể phòng ngừa tội phạm vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc trong hoạt động phòng ngừa tội phạm như nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc dân chủ; đặc biệt là các biện pháp phòng ngừa tội phạm này không được mâu thuẫn với các biện pháp phòng ngừa tội phạm được áp dụng trên toàn quốc gia liên quan đến cùng lĩnh vực, nội dung phòng ngừa tội phạm.

Những vấn đề lý luận về phòng ngừa nhóm tội phạm vừa trình bày là cơ sở để xây dựng nên những biện pháp phòng ngừa các tội XPSH trên một địa bàn nhất định. Với tình hình tội phạm trong quá khứ và hiện tại, các chủ thể phòng ngừa tội

phạm sẽ xác định những nguyên nhân và điều kiện khách quan, những nguyên nhân và điều kiện chủ quan làm phát sinh nhóm tội phạm trên địa bàn, trong đó đặc biệt chú ý đến các nguyên nhân và điều kiện phát sinh do các đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, dân cư và những yếu tố khách quan bên ngoài khác tác động đến tình hình các tội XPSH của địa phương như tình hình tội phạm XPSH trên thế giới và khu vực, vị trí địa lý (giáp các khu vực là trung tâm thương mại, địa bàn dân cư), các yếu tố thuộc về lịch sử của địa phương có ảnh hưởng đến sự xuất hiện và gia tăng các tội phạm về XPSH. Ngoài ra, các nguyên nhân và điều kiện từ các chính sách, các quy định của chính quyền địa phương liên quan đến việc phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục; các quy định liên quan đến phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XPSH nói riêng cũng cần được quan tâm nhằm kịp thời đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm hiệu quả thông qua việc tác động vào những nguyên nhân và điều kiện của tội phạm.

Phòng ngừa các tội XPSH trên một địa bàn, khu vực không chỉ dựa vào tình hình tội phạm và phân tích những nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm mà còn phải dựa vào thực trạng phòng ngừa tội phạm trên địa bàn, khu vực đó. Thực trạng này bao gồm thực trạng về hệ thống lý luận trang bị cho hoạt động phòng ngừa; thực trạng cơ sở chính trị, pháp lý; thực trạng tổ chức, phối hợp lực lượng, các tổ chức phòng ngừa và thực trạng triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm này trong thực tế và trong những năm gần đây. Sau khi đánh giá thực trạng phòng ngừa, các chủ thể phòng ngừa tội phạm sẽ dự báo tình hình nhóm tội phạm trong tương lai, từ đó kiến nghị các biện pháp nhằm tăng cường các hoạt động phòng ngừa, nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng ngừa các tội XPSH trên địa bàn trong thời gian tới.

2.3.2. Cơ sở chính trị của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Xuất phát từ chức năng lãnh đạo xã hội và chức năng quản lý xã hội, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo đất nước toàn diện, trong đó có vấn đề phòng ngừa tội phạm và đây chính là cơ sở chính trị quan trọng cho hoạt động phòng ngừa các tội XPSH và việc triển khai phòng ngừa nhóm tội phạm này cũng

nhằm thực hiện các chủ trương đó. Làm tốt công tác này trong thực tiễn sẽ góp phần thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 02/9/1945 cho đến nay, nhiệm vụ của phòng ngừa tội phạm được Đảng và Nhà nước đặt lên hàng đầu. Trong cương lĩnh của Đảng đã nêu: *“Đảng tiến hành cuộc đấu tranh kiên quyết với tất cả các hình thức chủ nghĩa ăn bám và lười lao động, đặt ra nhiệm vụ đưa trả cuộc sống lao động cho những ai đã xa rời cuộc sống này”*. Trong hơn 80 năm phát triển của mình, Đảng cộng sản Việt Nam luôn luôn quan tâm đến việc thực hiện quan điểm có tính cương lĩnh này. Trong các văn kiện của các kỳ đại hội Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, thông báo của các kỳ họp nghị quyết trung ương Đảng, có thể thấy được Đảng đã và đang tiếp tục thực hiện, không ngừng chỉ đạo tác công phòng ngừa tội phạm.

Mục đích của Đảng cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đó là ngày càng thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân thông qua lao động sản xuất, phát triển, hoàn thiện và không ngừng nền sản xuất xã hội, để đạt được mục đích đó không thể tách rời việc giáo dục nhân dân lao động. Việc giác ngộ càng cao thì càng hoàn thiện và mở rộng tính tích cực sáng tạo của họ trong phát triển và củng cố kỷ luật và trật tự, loại trừ tiêu cực. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định ý nghĩa phòng ngừa các vi phạm pháp luật, ý nghĩa của cuộc đấu tranh với những hành vi tội phạm, thông qua các hoạt động báo chí, tuyên truyền, các phương pháp thuyết phục và hiệu lực pháp luật. Mỗi kỳ đại hội Đảng, với các dự báo, tính toán về các điều kiện kinh tế xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn này đã và đang đặt ra các nhiệm vụ trong lĩnh vực phòng ngừa tội phạm. Các nhiệm vụ đó được thực hiện bằng những nghị quyết và các biện pháp tổ chức thực hiện trong kế hoạch kinh tế-xã hội, tư tưởng, đó là: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản năm 2011 đã đề ra: *“Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự,*

dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp...”; “hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội”[60 tr. 250, 80]

Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị đã chỉ đạo các nhiệm vụ cải cách tư pháp như sau: “Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội”. Tiếp đó Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã thể hiện đậm nét vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc đề ra chủ trương, đường lối chính sách hình sự; Nghị quyết nêu rõ quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm, qua đó phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa.

Chỉ thị số 48-CT/TW của Ban chấp hành trung ương ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới đã nhận định “Tình trạng phạm tội trong thanh thiếu niên xảy ra nhiều hơn, rất đáng lo ngại”. Từ đó Chỉ thị của Trung ương Đảng đã yêu cầu “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tội phạm với nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội. Qua đó nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm của các cơ quan chuyên môn; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn với các cơ quan khác, các tổ chức quần chúng trong phòng chống tội phạm”.

Cụ thể hóa đường lối của Đảng, xem việc phòng chống tội phạm trong tình hình mới là vấn đề cấp bách, đảm bảo sự bình yên cho nhân dân, kiểm soát xã hội tốt, nhất là đối với tội phạm là góp phần phát huy sức mạnh đồng bộ trong xã hội

trong đấu tranh phòng chống tội phạm, làm giảm tình hình tội phạm, phát triển đất nước. Năm 1998, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới, trong đó đã nêu ra nguyên nhân của tội phạm, vi phạm pháp luật là công tác phòng ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư chưa được quan tâm đúng mức...Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 định hướng đến năm 2030 cũng đã chỉ rõ quan điểm thể hiện phòng chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài. Phòng chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các cơ quan chức năng làm nòng cốt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm cũng đã chỉ đạo: “Tập trung lực lượng, sử dụng tổng hợp các biện pháp, chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh ngăn chặn tội phạm, trong đó lấy phòng ngừa là chính; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ; kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm”. Những chỉ đạo điều hành của Đảng, của Chính phủ chính là những cơ sở chính trị của phòng ngừa nhóm tội XPSH do NCTN thực hiện.

2.3.3. Cơ sở pháp lý của phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Mục tiêu nhằm giữ vững kỷ cương pháp luật, tăng cường nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân, các cấp, các ngành, trong các cơ quan đơn vị, nhà trường, gia đình và mở rộng ra là toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa tích cực tấn công trấn áp, truy quét các loại tội phạm, tập trung ở các tuyến địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, phức tạp, kiểm chế và làm giảm sự gia tăng của tội phạm, tội phạm mới, tạo môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển hình thức, văn hóa, xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Trên cơ sở này, nhằm kiểm soát tốt tình hình tội phạm, còn thể hiện ở việc Nhà nước còn tiếp

tục cụ thể hóa chính sách hình sự và các chủ trương, đường lối của Đảng vào việc sửa đổi bổ sung BLHS, Bộ luật tố tụng hình sự và hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan để chủ động trong công tác kèm chế sự gia tăng của tội phạm, góp phần răn đe và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, giữ vững trật tự, kỷ cương, trật tự an toàn xã hội, duy trì cuộc sống bình yên cho người dân và du khách; qua đó tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Bộ luật hình sự là Bộ luật có tính cơ sở pháp lý cao nhất và quan trọng nhất trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể hóa đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước, tính răn đe, trừng trị và tính nhân đạo trong chính sách hình sự đối với NCTNPT nói riêng và tội phạm nói chung. Các tội XPSH được quy định tại Chương XIV từ Điều 133 Đến điều 145 của BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2015 tại Chương XVI từ Điều 168 đến Điều 180, xuất phát từ thực tiễn tình hình các các tội XPSH, có thể thấy rằng các tội phạm về các tội XPSH, trong đó có các các tội XPSH được quy định trong pháp luật hình sự xuất phát từ thực tiễn tính nguy hiểm của các tội XPSH đối với con người đó là không những xâm hại đến tài sản của công dân được nhà nước bảo đảm quyền sở hữu mà còn xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của chủ sở hữu, khi tính tảo tợn của hành vi của nhóm tội XPSH gây ra. Do đó, cần được quản lý chặt chẽ từ phía Nhà nước. Hiện nay, các tội XPSH được xem là một trong những tội phạm phức tạp nhất, Tính nguy hiểm của các tội phạm này thể hiện ở số vụ phạm tội, số người phạm tội đã bị phát hiện, bắt giữ ngày càng gia tăng. Tại Việt Nam, các tội phạm về XPSH vẫn là một trong các tội có mức độ tăng nhanh nhất.

Tính nguy hiểm của nhóm tội phạm này còn thể hiện ở các đặc điểm nhân thân người phạm tội. Người phạm tội đa dạng về thành phần, bao gồm các đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, coi hành vi phạm tội là phương thức sống chính nên các đối tượng này thực hiện hành vi có tổ chức chặt chẽ, trang bị vũ khí sẵn sàng chống lại các cơ quan chức năng, phạm tội nhiều lần, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Bên cạnh đó NCTNPT XPSH đa phần mang tính cơ hội, thấy sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, nhanh tay chiếm đoạt [173]. Ngoài ra, tính nguy hiểm của tình hình các tội XPSH còn thể hiện ở hậu quả, những thiệt hại mà các tội phạm này gây ra cho

xã hội. Những thiệt hại này là những thiệt hại cho nạn nhân, gia đình nạn nhân, thiệt hại cho chính người phạm tội, gia đình người phạm tội. Nhóm tội phạm về XPSH là nhóm tội phạm có nạn nhân trực tiếp. Những nạn nhân trực tiếp này phải chịu những thiệt hại về vật chất, thiệt hại về về tinh thần.

Những thiệt hại vật chất do các tội phạm XPSH gây ra cho xã hội được thể hiện ở giá trị **số** lượng của tài sản bị xâm hại do XPSH gây ra. Thiệt hại vật chất còn thể hiện ở những chi phí mà nhà nước, xã hội phải chi trả nhằm khắc phục hậu quả, đó có thể là chi phí cho hoạt động tuần tra canh gác, xử lý thông tin hoặc có thể là chi phí cho hoạt động phòng ngừa trước không cho tội phạm xảy ra. Tội XPSH do NCTN thực hiện trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, người phạm tội có thể liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại đến tính mạng sức khỏe người bị hại, gây ra những thiệt hại tổn thất về tinh thần cho nạn nhân và cho xã hội.

Thiệt hại về tinh thần do tội XPSH gây ra cho xã hội, đã tác động mạnh về tinh thần của nhân dân, họ cảm thấy bất an khi ra khỏi nhà, khi tham gia giao thông; đi đâu cũng nơm nớp lo sợ có tội phạm; những tổn thương về tinh thần của nạn nhân, gia đình nạn nhân, của người phạm tội, gia đình người phạm tội. Tình trạng này không chỉ gây ra những thiệt hại về vật chất như đã trình bày mà còn gây ra những thiệt hại về tinh thần cho chính người phạm tội, cho gia đình họ và xã hội.

Mặt khác, nhìn từ phía các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, bắt giữ và các cơ quan tiến hành tố tụng thì bản thân những người thi hành công vụ này cũng phải chịu những hậu quả về tâm lý, do tội phạm XPSH gây ra. Các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình chiếm đoạt tài sản sẵn sàng hành động, bất kể đến tính mạng của chủ sở hữu, khi trốn chạy sẵn sàng tấn công, chống trả người ngăn cản khi hành vi phạm tội bị phát hiện, gây thương tích hoặc tước đi sinh mạng của người thi hành công vụ hoặc người ngăn chặn. Như vậy, với sự tồn tại, tính nguy hiểm của tội XPSH trong xã hội, với những hậu quả thiệt hại mà chúng đã gây ra cho xã hội thì phòng ngừa nhóm tội phạm này là vấn đề cấp thiết của mỗi quốc gia và mỗi địa phương và đây chính là cơ sở thực tiễn của phòng ngừa các các tội XPSH do NCTN thực hiện, cơ sở thực tiễn tình hình các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.4. Mục đích và các nguyên tắc phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Mục đích của phòng ngừa tình hình tội phạm là việc hạn chế, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm làm giảm tội phạm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội; đây là việc của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân. Phòng ngừa tình hình tội phạm là phương hướng chính, tư tưởng, quan điểm chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm; phòng ngừa không để tội phạm xảy ra thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ xã hội, không để người dân bị xử lý trước pháp luật, không bị tước quyền công dân. Phòng ngừa tình hình tội phạm mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá của người dân. Phòng ngừa tình hình tội phạm mang tính đồng bộ, có hệ thống và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân.

Làm tốt công tác phòng ngừa tình hình tội phạm mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc, tiết kiệm ngân sách nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của công dân trong các hoạt động điều tra truy tố xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm. Phòng ngừa tội phạm được tiến hành theo hai hướng cơ bản sau:

+ *Hướng thứ nhất*: Phát hiện, khắc phục, hạn chế, và đi đến thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội và phạm tội cụ thể. Đây là hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài.

+ *Hướng thứ hai*: Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm đã xảy ra. Đây cũng là một định hướng quan trọng không thể xem nhẹ, bởi thực tế những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm vẫn tồn tại, hoạt động phòng ngừa tội phạm còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết nên tội phạm vẫn xảy ra. Hướng này đòi hỏi các cơ quan chức năng phải phối hợp kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện; tái hoà nhập cộng đồng.

Khái niệm mục đích phòng ngừa tình hình tội phạm: *Mục đích của việc Phòng ngừa tình hình tội phạm là việc áp dụng một cách tổng thể các biện pháp kinh tế, chính trị, tư tưởng, pháp luật... do các cơ quan, các tổ chức và công dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm xoá bỏ hoặc vô hiệu hoá các nguyên nhân, điều kiện phạm tội; không để cho tội phạm xảy ra, làm kéo giảm tội phạm và tiến tới loại trừ hoàn toàn tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.*

Từ khái niệm nêu trên, khái niệm mục đích phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau: *Mục đích Phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là việc áp dụng một cách tổng thể các biện pháp kinh tế, chính trị, tư tưởng, pháp luật... do các cơ quan, các tổ chức và công dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, **các tổ chức** xã hội nghề nghiệp, cá nhân của thành phố nhằm xoá bỏ hoặc vô hiệu hoá các nguyên nhân, điều kiện của các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; nhằm đạt mục tiêu không để cho tội phạm xảy ra, làm kéo giảm tội phạm và tiến tới loại trừ hoàn toàn tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ra khỏi đời sống xã hội.*

Tổ chức và hoạt động của hệ thống phòng ngừa tình hình tội phạm có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm, hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm phải tuân thủ các nguyên tắc

Thứ nhất: Nguyên tắc pháp chế chủ nghĩa xã hội, hoạt động phòng ngừa và các biện pháp phòng ngừa phải hợp hiến và hợp pháp.

Thứ hai: Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo nguyên tắc này thì việc phòng ngừa tình hình tội phạm cần phải vận động được đông đảo quần chúng nhân dân lao động vào hoạt động phòng ngừa và cũng cần vận động các tổ chức đại diện của nhân dân (đại biểu, cơ quan dân cử) vào hoạt động này.

Thứ ba: Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nhìn chung nhà nước nào cũng có tính nhân đạo, tuy nhiên nhà nước ta mang bản chất sâu sắc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân do dân và vì dân, do đó các biện pháp phòng ngừa không được hạ thấp danh dự, nhân phẩm, quyền con người mà nhằm

khôi phục con người, giáo dục con người. Cường bức con người là biện pháp cuối cùng, là cần thiết song là để con người trở về với cuộc sống lương thiện; qua cưỡng bức cách ly khỏi xã hội, nhưng đây là trường học về nhân cách, dạy nghề để con người bị cưỡng bức có cơ hội hoàn lương tái hoà nhập cộng đồng với cương vị mới, người chủ đất nước; vì vậy, việc cưỡng bức không đồng nghĩa với hành hạ thể xác con người.

Thứ tư: Nguyên tắc khoa học tiên bộ, việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm phải có căn cứ khoa học; những biện pháp đó phải mang tính tiên bộ, đồng bộ và có hiệu quả đồng thời cần phải sử dụng các thành tựu khoa học đã có.

Thứ năm: Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa tình hình tội phạm. Phòng ngừa tình hình tội phạm phải mang tính hệ thống, có sự điều hành thống nhất và hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước, xã hội và các cá nhân. Hình thức, nội dung và phạm vi của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm cần phải được xác định thống nhất giữa các chủ thể hoạt động phòng ngừa.

Thứ sáu: Nguyên tắc cụ thể của hoạt động phòng ngừa. Hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm cần mang tính cụ thể về lĩnh vực phòng ngừa, hành vi cần phòng ngừa và địa điểm phòng ngừa cũng như đối tượng phòng ngừa. Tính cụ thể sẽ bảo đảm cho tính hiệu quả của công tác phòng ngừa tình hình tội phạm và khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm. [107 tr.160]

Dựa vào sáu nguyên tắc trên trong tổ chức và hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, theo chúng tôi, phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện cần tuân thủ các nguyên tắc trên. Ngoài nguyên tắc thứ 4 “khoa học tiên bộ” và nguyên tắc thứ 5 “phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa tình hình tội phạm” chúng tôi cụ thể hóa các nguyên tắc áp dụng cho các tội XPSH do NCTN thực hiện như sau:

+ Nguyên tắc pháp chế trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH được hiểu là hoạt động phòng ngừa nhóm tội phạm này phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Các quy định của pháp luật ở đây là quy định của Hiến pháp, các văn bản luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động phòng ngừa

các tội phạm XPSH. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong phòng ngừa các tội phạm này không chỉ thể hiện trong việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm mà còn thể hiện ở các biện pháp như tạo công ăn việc làm, dạy nghề để NCTN có thể tự mưu sinh. Xuất phát từ tính nguy hiểm của các tội XPSH mang tính chiếm đoạt tài sản, gây ra hậu quả nặng nề cho xã hội thì có thể thấy được tâm lý từ phía các chủ thể phòng ngừa là mong muốn nhanh chóng hạn chế, loại trừ các tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Tâm lý này của các chủ thể phòng ngừa tội phạm sẽ có thể dẫn đến những nguy cơ vi phạm pháp luật trong việc triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa; do đó, tuân thủ nguyên tắc pháp chế là yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất khi phòng ngừa tội phạm nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những người có liên quan. Để nguyên tắc pháp chế được tuân thủ trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH thì yêu cầu các quy định của pháp luật về phòng ngừa tội phạm được hoàn thiện; bên cạnh đó, ý thức tuân thủ các quy định pháp luật từ các chủ thể phòng ngừa tội phạm cũng giữ vai trò rất quan trọng. Các biện pháp phòng ngừa cũng như các chủ thể áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm phải tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung, pháp luật về phòng ngừa các tội XPSH nói riêng nhằm mục đích bảo vệ pháp chế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người chịu sự tác động của các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cho hoạt động phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả.

+ Nguyên tắc nhân đạo trong hoạt động phòng ngừa các các tội XPSH được hiểu là các biện pháp phòng ngừa các tội phạm này không nhằm làm tổn thương con người mà phải hướng con người tới cuộc sống tốt đẹp hơn. Con người được đề cập ở đây có thể là bị can, bị cáo là NCTNPT XPSH. Xét cho cùng, mục đích của phòng ngừa tội phạm là nhằm bảo vệ con người, chính vì vậy khi phòng ngừa tội phạm, các chủ thể phòng ngừa không được sử dụng các biện pháp nhằm gây tổn thương đến con người. Khi triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa các tội XPSH, chủ thể phòng ngừa tội phạm vì mục đích phòng ngừa tội phạm có thể sẽ áp dụng các biện pháp vô tình gây tổn thương đến bị can, bị cáo, là NCTN và những người là nạn nhân gián tiếp của tội phạm. Chính vì vậy, ngoài việc tuân thủ pháp luật, tiêu chí rất quan trọng để các chủ thể quyết định áp dụng một biện pháp phòng ngừa tội

phạm là cân nhắc xem biện pháp đó có nguy cơ gây tổn thương đến đối tượng nào trong xã hội hay không. Do đó, để nguyên tắc này được thực hiện trên thực tế thì yêu cầu nội dung của nguyên tắc phải được thực hiện trong các văn bản pháp luật về phòng ngừa các tội XPSH. Bên cạnh đó, các chủ thể phòng ngừa tội phạm cần nắm rõ tinh thần nội dung của nguyên tắc nhân đạo khi xây dựng chương trình phòng ngừa tội phạm, đặc biệt là khi xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Các biện pháp này mặc dù hướng đến mục đích cuối cùng là phòng ngừa tội phạm nhưng nếu như các biện pháp lại gây tổn thương cho con người thì các biện pháp đó không được áp dụng. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc nhân đạo trong hoạt động phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của những người có liên quan, bảo đảm tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa của nhà nước ta trong hoạt động phòng ngừa tội phạm và nhằm hướng đến mục đích chung nhất là nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền con người.

+ Nguyên tắc dân chủ trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH được hiểu là hoạt động phòng ngừa phải có sự tham gia của toàn xã hội, lực lượng chuyên trách, quần chúng nhân dân. Phòng ngừa tội phạm thực chất là hoạt động quản lý xã hội, hoạt động này muốn đạt hiệu quả phải có sự tham gia của toàn xã hội. Các tội XPSH có liên quan mật thiết đến vấn đề về đặc điểm dân cư, văn hóa của từng khu vực, liên quan đến hoạt động bảo đảm quyền sở hữu tài sản của công dân, chính vì vậy phòng ngừa các tội phạm này phải được sự hưởng ứng, tham gia rộng rãi từ phía người dân thì mới có thể đạt hiệu quả như mong muốn. Do đó, để nguyên tắc này được áp dụng trong thực tế thì cần thiết phải có sự ghi nhận nội dung này trong các quy định của pháp luật về phòng ngừa các tội phạm XPSH. Bên cạnh đó, cần phải nhận thức rằng các chủ thể phòng ngừa tội phạm là quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo nhất nhưng không có công cụ, phương tiện nhằm đấu tranh trực tiếp với tội phạm cho nên quần chúng nhân dân cần được sự hướng dẫn, tạo điều kiện từ các chủ thể chuyên trách là cơ quan nhà nước trực tiếp áp dụng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm. Sự hướng dẫn, tạo điều kiện cho quần chúng tham gia phòng ngừa tội phạm thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau như xây dựng, triển khai các chương trình phòng ngừa tội phạm huy động sự tham gia của quần chúng nhân dân, tiếp nhận và

xử lý có hiệu quả các tin tố giác tội phạm từ quần chúng nhân dân, hướng dẫn, huấn luyện cho các tổ tự quản, các biện pháp cần thiết trong việc phát hiện, xử lý các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tội XPSH. Việc thực hiện, tuân thủ nguyên tắc dân chủ trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân trong hoạt động phòng ngừa không để cho tội phạm xảy ra và kịp thời phát hiện tội phạm, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

+ Nguyên tắc cụ thể hóa trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH được hiểu là phòng ngừa các tội phạm này phải được tiến hành cụ thể phù hợp với những đặc điểm nhân thân của người chịu sự tác động bởi các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là phải tùy thuộc vào khu vực địa lý, đặc điểm lịch sử, tự nhiên, xã hội, dân cư người đó đang sinh sống. Nói cách khác, nguyên tắc này thể hiện ở hai khía cạnh: *Thứ nhất*, phòng ngừa các tội phạm này phải được tiến hành cụ thể đối với các đối tượng có nhân thân khác nhau. Tùy thuộc vào độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, đặc biệt là đối với các đối tượng có nguy cơ phạm tội cao như NCTN, người không có nghề nghiệp, người có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự...thì cần được áp dụng những biện pháp phòng ngừa riêng biệt, khác với những người bình thường trong xã hội. *Thứ hai*, ở mỗi địa phương có thể tồn tại những đặc điểm đặc trưng về tự nhiên, xã hội có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm XPSH như các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, nguyên nhân dẫn đến tình trạng XPSH do điều kiện kinh tế, địa lý, lịch sử để lại hoặc khu vực tiếp giáp giữa các, quận, huyện, phường, xã, thị trấn, mà ở đó có sự lơ là trong việc tuần tra canh gác, đùn đẩy trách nhiệm, hoặc khu vực là đô thị lớn tập trung nhiều người nhập cư, tạm trú. Chính vì vậy, tương ứng với những đặc điểm về tự nhiên và xã hội này mà chủ thể phòng ngừa cần thiết kế, áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm cho phù hợp với hoàn cảnh của mỗi địa phương, nói cách khác, phòng ngừa các tội được quy định tại Chương XIV của BLHS 1999, phải căn cứ vào thực tiễn tình hình tội phạm (trong đó có thực tiễn nhân thân người phạm tội), thực tiễn tự nhiên, xã hội (lịch sử, dân cư, kinh tế, văn hóa, giáo dục) và thực tiễn khả năng của chủ thể phòng ngừa tội phạm. Để áp dụng được nguyên tắc này khi thiết kế các biện pháp phòng ngừa, các chủ thể phòng ngừa

sẽ nghiên cứu kỹ đối tượng chịu sự tác động cũng như những điều kiện xã hội như kinh tế, văn hóa, phong tục vùng miền mà đối tượng đó đang sống để có các biện pháp tác động phù hợp. Ý nghĩa quan trọng nhất của nguyên tắc này là nhằm bảo đảm hiệu quả cho hoạt động phòng ngừa tội phạm.

2.5. Phân loại biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Phòng ngừa các tội XPSH là tổng hợp các biện pháp khác nhau tùy thuộc vào các tiêu chí phân loại. Nếu như căn cứ vào tính chất phòng ngừa, các biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm này bao gồm các biện pháp mang tính xã hội nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra và các biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước nhằm phát hiện, xử lý sau khi tội phạm xảy ra. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào tính chất của các biện pháp tác động thì các biện pháp này có thể được phân loại thành các biện pháp về kinh tế - xã hội, các biện pháp về văn hóa, giáo dục, tâm lý xã hội, các biện pháp về tổ chức - quản lý xã hội, các biện pháp về pháp luật. Biện pháp kinh tế xã hội được hiểu là những biện pháp tác động vào các chính sách phát triển kinh tế xã hội của nhà nước, địa phương nhằm phát triển nền kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất của người dân, phòng ngừa tình trạng con người phạm tội các tội XPSH vì không được đáp ứng nhu cầu vật chất tối thiểu. Biện pháp tâm lý - văn hóa xã hội là những biện pháp tác động vào thế giới tinh thần của con người, giúp con người nhận thức được tác hại của các tội XPSH, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội về các tội XPSH, định hướng cho con người những **mục tiêu cao quý**, những nhu cầu tinh thần lành mạnh làm nền tảng cho quá trình hình thành ý thức pháp luật đúng đắn, đặc biệt là làm thay đổi nhận thức đề cao lối sống hưởng thụ, lối sống đề cao nhu cầu vật chất của **một** bộ phận người trong xã hội. Biện pháp tổ chức - quản lý xã hội là biện pháp tăng cường tổ chức quản lý khu vực dân cư, nhất là khu vực có tình hình NCTN phạm các tội XPSH, những khu vực có hoạt động mại dâm, có nhiều người có tiền án, tiền sự về tội XPSH. Ngoài ra, biện pháp tổ chức - quản lý còn thể hiện ở việc quản lý bằng pháp luật là việc hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, thi hành án...đối với tội phạm XPSH.

Ngoài ra, căn cứ vào đối tượng chịu sự tác động của các biện pháp: Các biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm này bao gồm những biện pháp áp dụng cho tất cả mọi người trong xã hội; biện pháp áp dụng cho những người có nhân thân đặc biệt; biện pháp phòng ngừa đối với người đã phạm tội; biện pháp phòng ngừa đối với những người có nhân thân khác nhau như NCTN đang đi học; NCTN có cha, mẹ hoặc cha, mẹ đã ly hôn hoặc cha, mẹ đã chết. Biện pháp áp dụng cho tất cả mọi người trong xã hội chủ yếu là những biện pháp mang tính xã hội như phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra là những biện pháp vừa mang tính xã hội nhưng cũng vừa mang tính răn đe, cưỡng chế nhằm ngăn ngừa các đối tượng này thực hiện những hành vi phạm tội nói chung và tội phạm về XPSH nói riêng. Biện pháp áp dụng cho người đã phạm tội là những biện pháp mang tính nghiệp vụ do các chủ thể là cơ quan nhà nước áp dụng trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến việc áp dụng trách nhiệm hình sự, thi hành án hình sự. Các biện pháp này ngoài mục đích trừng trị người phạm tội còn mục đích phòng ngừa không tái phạm và phòng ngừa chung trong xã hội. Như vậy ở cách phân chia này thì các biện pháp phòng ngừa các tội XPSH bao gồm cả những biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước lẫn những biện pháp mang tính xã hội.

Căn cứ vào địa bàn, lĩnh vực cần phòng ngừa, các biện pháp phòng ngừa nhóm tội phạm XPSH có thể bao gồm những biện pháp áp dụng trong cả nước hoặc tại một khu vực, địa phương nhất định hay trong những ngành nghề khác nhau. Những biện pháp áp dụng chung, là những biện pháp tác động đến tất cả mọi người đang sinh sống trong lãnh thổ, quốc gia. Các biện pháp phòng ngừa này có thể là những biện pháp mang tính xã hội, có thể là các quy định của pháp luật trong việc phòng ngừa và xử lý tội phạm về XPSH hoặc các biện pháp mang tính cưỡng chế bắt buộc trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi phạm tội XPSH. Biện pháp phòng ngừa áp dụng trong từng địa phương là những biện pháp phòng ngừa phù hợp với những đặc điểm địa lý, dân cư, lịch sử của từng vùng có liên quan đến các tội phạm về các tội XPSH.

Các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng như việc thực hiện phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung được tiến hành bằng hệ thống các biện pháp khác nhau, mỗi biện pháp phòng ngừa gắn liền với chức năng, vai trò của tổ chức nhà nước và xã hội nhất định. Việc phân loại các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm cũng như phạm vi và thẩm quyền của các chủ thể phòng ngừa. Về cơ bản có bốn biện pháp phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện sau đây:

Một là: Phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện theo cấp độ xã hội chung

Hai là: Phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện theo cấp độ chuyên ngành tội phạm học

Ba là: Phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện theo phạm vi lãnh thổ

Bốn là: Phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện theo tính chất của sự phòng ngừa.

2.6. Chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Phòng ngừa tình hình tội phạm là hoạt động đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân công dân trong phạm vi chức năng hoạt động của mình; các chủ thể này thực hiện hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm cần phải được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Các cơ quan và tổ chức sau đây có thể coi là những chủ thể chính của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm gồm: (1) *Các tổ chức của đảng Cộng sản Việt Nam;* (2) *Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, chủ thể quan trọng của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm;* (3) *Các cơ quan hành chính nhà nước, kinh tế nhà nước;* (4) *Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân) và* (5) *Các tổ chức*

chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tập thể quần chúng lao động, cá nhân công dân là những chủ thể của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm (Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội người cao tuổi Việt Nam và Công dân)

Với các chủ thể phòng ngừa chung của nước ta rất đa dạng, nhiều thành phần; do đó, người nghiên cứu chỉ tập trung phân tích chủ thể phòng ngừa các tội XPSH. Các phần nội dung khác sẽ được lồng ghép vào phần đánh giá thực trạng thực hiện của các tổ chức kể trên nhằm tránh trùng lặp.

Chủ thể phòng ngừa các tội phạm XPSH bao gồm chủ thể lãnh đạo quá trình phòng ngừa và chủ thể thực hiện quá trình phòng ngừa tội phạm [166, tr.226]. Với cách hiểu này, chủ thể phòng ngừa các tội XPSH bao gồm các chủ thể sau đây:

- *Chủ thể lãnh đạo hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu:*

Chủ thể lãnh đạo quá trình phòng ngừa các tội XPSH hiện nay tại Việt Nam là Đảng Cộng sản Việt Nam. Với vai trò là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo xã hội (Điều 4 Hiến pháp 2013), Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ đạo công tác phòng ngừa các tội XPSH thông qua việc định hướng phòng ngừa tội phạm nói chung, trong đó có các tội phạm về XPSH trong từng giai đoạn, định hướng hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan đấu tranh phòng ngừa tội phạm, thông qua các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng. Bên cạnh đó vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong hoạt động phòng ngừa nhóm tội phạm này còn thể hiện ở sự tiên phong, giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động phòng ngừa tội phạm của các Đảng viên.

- *Chủ thể thực hiện hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu:*

Quá trình phòng ngừa tội phạm bao gồm khâu ban hành các quy định của pháp luật đến khâu triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, do đó chủ thể phòng ngừa các tội XPSH bao gồm các chủ thể ban hành pháp luật phòng ngừa tội phạm và chủ thể triển khai thi hành các quy định pháp luật phòng ngừa tội phạm.

Chủ thể ban hành pháp luật phòng ngừa các tội XPSH bao gồm: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp:

Quốc hội: Là cơ quan quyền lực nhà nước duy nhất có quyền lập Hiến và lập

pháp, Quốc hội là chủ thể phòng ngừa tội phạm có vai trò quan trọng trong việc ban hành các luật điều chỉnh hoạt động phòng ngừa các tội phạm, trong đó có các tội phạm về XPSH như ban hành Hiến pháp, các văn bản luật như..., Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự...Ngoài ra, Quốc hội còn có vai trò trong việc kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ nhằm phòng ngừa các hành vi phạm tội, trong đó có các tội phạm về XPSH; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật về phòng ngừa các tội XPSH. (Điều 1 Luật Tổ chức Quốc hội 2014).

Hội đồng nhân dân các cấp: Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, Hội đồng nhân dân các cấp có vai trò phòng ngừa các tội phạm về các tội XPSH thể hiện trong việc quyết định những chủ trương, biện pháp kinh tế xã hội quan trọng để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân nhằm phòng ngừa tội phạm (Điều 1 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003). Bên cạnh đó, thông qua Nghị quyết trong các kỳ họp, Hội đồng nhân dân quyết định ban hành các văn bản pháp luật về phòng ngừa tội phạm ở địa phương, đồng thời kiểm tra giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương để phòng ngừa các hành vi phạm tội.

Chủ thể triển khai, thi hành pháp luật phòng ngừa các tội XPSH: Chủ thể triển khai thi hành pháp luật phòng ngừa tội phạm bao gồm Chính phủ, UBND các cấp, các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan tiến hành tố tụng, các tổ chức và công dân.

Chính phủ: Theo điều 20 Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; Qua đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật xây dựng nền an ninh nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Chính phủ có vai trò quan trọng đặc biệt trong việc phòng ngừa các tội phạm về XPSH thông qua triển khai thi hành các quy định của pháp luật thông qua việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật phòng ngừa tội phạm do Quốc hội ban hành; triển khai các biện pháp mang tính xã hội như xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, trong toàn quốc gia nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nhằm phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, Chính phủ còn có vai trò lãnh đạo hoạt động phòng ngừa tội phạm XPSH thông qua Ban chỉ đạo quốc gia phòng ngừa tội phạm, xây dựng chương trình quốc gia phòng ngừa các tội phạm về XPSH.

Ủy ban nhân dân các cấp: Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính nhà nước có nhiệm vụ triển khai các chương trình phòng ngừa các tội phạm XPSH của Chính phủ, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về các chương trình phòng ngừa tội phạm về XPSH tại địa phương. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân các cấp còn xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục ở địa phương nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân có tác dụng phòng ngừa tội phạm; xây dựng các chương trình kế hoạch, lãnh đạo hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XPSH ở địa phương. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các cấp có vai trò quan trọng trong việc phát động quần chúng nhân dân tham gia phòng ngừa tội phạm, quản lý các đối tượng có tiền án, tiền sự, người có nhân thân xấu, tham gia cùng với các cơ quan khác giám sát, giáo dục NCTNPT XPSH tại địa phương.

Các cơ quan hành chính nhà nước chuyên môn: bao gồm các Bộ, Ngành, từ trung ương đến địa phương. Tùy vào chức năng, nhiệm vụ của mình, các chủ thể này tiến hành hoạt động triển khai, thi hành pháp luật phòng ngừa các tội XPSH trong phạm vi toàn quốc hay trong từng địa phương nhất định. Hình thức của hoạt động triển khai, thi hành pháp luật phòng ngừa các tội được quy định tại Chương XIV thể hiện thông qua việc ban hành pháp luật phòng ngừa các tội phạm về XPSH hoặc thông qua việc xây dựng, triển khai các biện pháp phát triển kinh tế, văn hóa cho người dân nhằm tạo cơ sở cho phòng ngừa tội phạm trên thực tế.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng: bao gồm cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án.

Công an nhân dân: Theo điều 4 và điều 5 luật công an nhân dân năm 2014, là lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã. Công an nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an. Công an nhân dân được tổ chức tập trung, thống nhất và theo cấp hành chính từ trung ương đến cơ sở. Hoạt động của Công an nhân dân phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Cơ quan công an là lực lượng nòng cốt trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội cho nên cơ quan công an có vai trò tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong việc hoạch định các chương trình phòng ngừa tội phạm, trong đó có các tội phạm về XPSH; trực tiếp tham gia hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XPSH thông qua chức năng nhiệm vụ của mình như kịp thời phát hiện, điều tra, khởi tố vụ án, khởi tố bị can; là chủ thể giữ vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, tạo điều kiện cho các chủ thể khác, nhất là quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XPSH.

Viện Kiểm sát nhân dân: là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp (khoản 2, Điều 17 và điều 39 Luật Tổ chức VKSND năm 2014) còn có vai trò trong việc phối hợp với các chủ thể khác xây dựng, triển khai các chương trình phòng ngừa tội phạm nói chung, thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật phòng ngừa XPSH nói riêng, thống kê tội phạm và đưa ra những kiến nghị về các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, VKS có vai trò trực tiếp trong việc kiểm sát hoạt động điều tra tội phạm, thực hiện chức năng truy tố và kết tội trong hoạt động xét xử các tội phạm.

Tòa án nhân dân: Điều 2 và điều 17, Luật Tòa án nhân dân năm 2014, quy định: *“Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành*

với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác” và “Tòa án nhân dân phối hợp với cơ quan, tổ chức phát huy tác dụng giáo dục của phiên tòa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân cùng với cơ quan, tổ chức nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”.

Với chức năng là xét xử TAND các cấp có vai trò phòng ngừa các tội XPSH thông qua hoạt động xét xử các tội phạm về XPSH để phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội, giám sát hoạt động thi hành án đối với người phạm tội. Ngoài ra, TAND các cấp còn có vai trò trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phối hợp với các chủ thể khác xây dựng và triển khai các kế hoạch phòng ngừa tội phạm, trong đó có các tội XPSH.

Các tổ chức và các cá nhân, công dân: Các tổ chức có vai trò phòng ngừa các tội XPSH bao gồm các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế. Các tổ chức này tham gia phòng ngừa các tội phạm về XPSH thông qua việc giáo dục, kiểm tra, giám sát cán bộ, nhân viên thuộc tổ chức đó thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm, cung cấp thông tin, tài liệu có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm nói chung, trong đó có các tội phạm về XPSH cho các cơ quan chức năng, phối hợp với các chủ thể khác thực hiện các chương trình phòng ngừa các tội phạm về XPSH. Bên cạnh đó, tùy thuộc vào chức năng của mình, các tổ chức này giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, nâng cao trình độ văn hóa cho người dân - những yếu tố bảo đảm cho việc ngăn ngừa cá nhân một người không phạm tội XPSH vì thiếu thôn vật chất hoặc hạn chế trong ý thức pháp luật.

Các cá nhân công dân tham gia vào hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XPSH thông qua việc phát hiện và tố giác tội phạm, giúp đỡ những người có tiền án tiền sự tại địa phương cải tạo hòa nhập cộng đồng, tích cực hưởng ứng các chương trình kế hoạch phòng ngừa các tội phạm về các tội XPSH từ các cơ quan chức năng, đặc biệt là có vai trò quan trọng trong việc quản lý các thành

viên trong gia đình không thực hiện các hành vi phạm tội nói chung, trong đó có các tội phạm về XPSH.

Trên đây là các chủ thể phòng ngừa các tội XPSH nói chung, trong hoạt động phòng ngừa các tội XPSH, tại Chương XVI từ điều 168 đến điều 180 (133 -145 BLHS năm 1999). [26, tr13]

Nhìn chung, các chủ thể phòng ngừa các tội XPSH bao gồm nhiều chủ thể khác nhau với những chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Tuy nhiên, mặc dù mỗi chủ thể có nhiệm vụ khác nhau nhưng các chủ thể này phải thường xuyên phối hợp hoạt động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động phòng ngừa tội phạm. Mặt khác, qua việc trình bày chủ thể phòng ngừa các tội phạm này chúng tôi nhận thấy rằng hiện nay Việt Nam chưa có chủ thể phòng ngừa tội phạm chuyên trách, tức là chưa có cơ quan chuyên nghiên cứu về Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm nhóm các tội XPSH do NCTNPT như các quốc gia phát triển trên thế giới.

Tóm lại, phòng ngừa các tội XPSH được tiến hành trên cơ sở áp dụng gồm nhiều loại biện pháp khác nhau, được tiến hành bởi những chủ thể khác nhau dựa trên những nguyên tắc nhất định; là một chỉnh thể bao gồm nhiều bộ phận hợp thành cho nên hoạt động này không là nhiệm vụ của riêng biệt của một chủ thể, một địa bàn hay một quốc gia mà cần có sự phối hợp, thống nhất và đặc biệt phải gắn liền với hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, phòng ngừa nhóm tội phạm này chỉ có thể được thực hiện khi loại bỏ những yếu tố, quá trình làm phát sinh ra nó đồng thời phải thúc đẩy các hiện tượng, quá trình tích cực khác nhằm ngăn ngừa không cho tội phạm xảy ra. Các biện pháp phòng ngừa các tội XPSH phải được xem xét ở trạng thái động, tức là phải xem xét trong quá khứ, hiện tại và thiết kế những biện pháp phòng ngừa trong tương lai và các biện pháp này phải luôn linh hoạt và đổi mới cho phù hợp với sự thay đổi của xã hội. Ngoài ra, xuất phát từ bản chất của tình hình tội phạm không phải là hiện tượng xã hội tiêu cực duy nhất mà tồn tại song song, đồng hành với tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực, những tệ nạn xã hội cho nên các biện pháp phòng ngừa phải được xây dựng dựa trên các mối quan hệ với các biện pháp phòng ngừa những hiện tượng xã hội tiêu cực và tệ nạn xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án đã giải quyết những vấn đề cơ bản về lý luận phòng ngừa tình hình các tội XPSH, bao gồm:

Một là, Chương 2 xác định khái niệm, đặc điểm pháp lý các tội XPSH được quy định tại chương XIV từ Điều 133 đến 145 của BLHS 1999 được sửa đổi thành Chương XVI từ điều 168 đến điều 180 (BLHS năm 2015).

Hai là, Chương 2 xác định khái niệm và ý nghĩa của phòng ngừa tình hình các tội XPSH, bao gồm:

1) Định nghĩa phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở định nghĩa phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung.

2) Bản chất của phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: thực chất là tác động vào nguyên nhân và điều kiện phạm tội XPSH; nhằm tác động làm triệt tiêu các nguyên nhân điều kiện phạm tội, từ đó ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra; bên cạnh đó phòng ngừa tội phạm bao gồm cả việc phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm.

3) Ý nghĩa của phòng ngừa các tội XPSH, bao gồm ý nghĩa trong việc bảo vệ con người, ý nghĩa về mặt kinh tế và các ý nghĩa khác.

Ba là, chương xác định cơ sở của phòng ngừa tình hình các tội XPSH, bao gồm cơ sở lý luận, cơ sở chính trị - pháp lý và cơ sở thực tiễn. Đây là nội dung Chương được xây dựng mới so với các công trình khác, đặc biệt tác giả luận án đã xây dựng khái niệm nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm, làm tiền đề xây dựng khái niệm phòng ngừa nhóm tội phạm XPSH do NCTN thực hiện và xác định bản chất phòng ngừa nhóm tội phạm. Những vấn đề lý luận này không chỉ làm nền tảng cho phòng ngừa các tội phạm được quy định tại Chương XIV của BLHS 1999, sửa đổi tại (Chương XVI của BLHS năm 2015) mà còn là cơ sở lý luận cho phòng ngừa các nhóm tội phạm khác.

Bốn là, Chương 2 đã xác định các nguyên tắc của phòng ngừa tình hình các tội XPSH, đó là nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc dân chủ, nguyên tắc nhân đạo,

nguyên tắc khoa học tiến bộ, nguyên tắc phối hợp chặt chẽ hoạt động của các chủ thể phòng ngừa, nguyên tắc cụ thể của hoạt động phòng ngừa.

Năm là, Chương 2 xác định các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH được xác định tùy thuộc vào các tiêu chí khác nhau.

Sáu là, Chương 2 xác định các chủ thể phòng ngừa tình hình các tội XPSH bao gồm các chủ thể lãnh đạo về đường lối chủ trương và các chủ thể triển khai kế hoạch phòng ngừa tình hình tội phạm.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phòng ngừa tội phạm nói chung và các tội XPSH do NCTN thực hiện nói riêng, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, đó là nguyên tắc Hiến định. Điều 8 Hiến pháp năm 2013, qui định: *“Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật...”*.

Cả hệ thống chính trị và chính xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đều có trách nhiệm trong hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện nói riêng. Tình hình chung ở nước ta hiện tại chưa thể có các chủ thể tham gia phòng ngừa riêng cho từng loại tội phạm. Do đó, các chủ thể phòng ngừa tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, thực hiện các biện pháp phòng ngừa chung cho tất cả các đối tượng. Chỉ có các biện pháp phòng ngừa riêng các tội phạm về ma túy, mại dâm. Những nội dung phân tích dưới đây sẽ phần nào chi tiết được các thể chế chính trị, cơ sở pháp lý trong việc phòng ngừa tội phạm với vai trò, chức năng nhiệm vụ của các chủ thể.

3.1. Thực trạng về hệ thống lý luận và cơ sở chính trị - pháp lý

3.1.1 Thực trạng về hệ thống lý luận

Xã hội loài người và những kinh nghiệm đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội đã chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp đã từng áp dụng. Trong nhiều thế kỷ qua nhận thức của con người vẫn quan niệm: Nếu như nhà nước có một hệ thống pháp luật nghiêm khắc, tòa án sử dụng hình phạt rộng rãi thì chắc chắn tội phạm sẽ bị chấm dứt. Tư tưởng này thịnh hành vào thời trung cổ và ngày nay không phải đã mất đi. Ai cũng biết, các biện pháp trừng phạt kẻ phạm tội hết sức dã man đã từng được áp dụng phổ biến vào thời trung cổ như: Chém đầu, ném vào vạc dầu, đưa lên giàn hỏa thiêu, cho thú vật xé xác, chặt chân, tay, tru di tam tộc v.v, nhưng tội phạm vẫn tồn tại, thậm chí gia tăng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết cách mạng sinh động, C. Mác đã khẳng định rằng: *“Tính tàn bạo đặc trưng cho những pháp luật để trừng phạt sự hèn*

nhất, bởi vì sự hèn nhất chỉ có thể năng động khi nó trở thành tàn bạo”. Thực tế đã chứng minh, sự tàn bạo sẽ làm nảy sinh ra một sự tàn bạo khác tương ứng. Những hình phạt đau đớn và sỉ nhục con người không bao giờ làm giảm được tội phạm. Hơn nữa, gieo rắc sự tàn bạo sẽ ảnh hưởng cực kỳ bất lợi trong nhận thức xã hội, nó làm chai sạn tình cảm của con người, nó xa lạ với chủ nghĩa nhân đạo đang mong muốn ở xã hội loài người. V.I. Lênin đã viết: “Trong lý tưởng của chúng ta không có chỗ cho bạo lực đối với con người” [77, tr.122].

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã cho rằng, giải quyết nhiệm vụ tiêu diệt nguồn gốc chống xã hội của tội phạm không phải chỉ tiến hành bằng cuộc đấu tranh chống tội phạm với sự giúp đỡ của pháp luật và hoạt động của các cơ quan trừng phạt, mà là trong một kế hoạch rộng lớn hơn: Tổ chức lại xã hội, hoàn thiện hệ thống và các tổ chức xã hội, giải phóng nó khỏi các lề thói xấu của những hình thức kinh tế - xã hội của giai cấp bóc lột, giáo dục con người mới. Theo các Ông, chính lối sống cộng sản chủ nghĩa sẽ loại trừ hành vi phạm tội, như vậy, không thể loại trừ tội phạm bằng con đường cải cách những mặt riêng rẽ của cuộc sống xã hội, mà chỉ bằng con đường thay đổi toàn bộ hệ thống các quan hệ xã hội: Cải tạo những quan hệ xã hội bóc lột thành quan hệ xã hội cộng sản chủ nghĩa. Kết luận của các Ông đã đặt nền móng cơ sở lý luận cho cuộc đấu tranh loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội [172, tr.58]. Việc phòng ngừa tội phạm và các hành vi an sinh xã hội, đó là sự chăm lo về các lợi ích của xã hội và của mỗi người lao động chân chính. C. Mác nói về nguyên tắc xuất phát của hoạt động phòng ngừa đã viết rằng ở kẻ phạm tội cần phải nhìn thấy được đó là một “con người, một phần cơ thể sống của nhà nước; đó là một người lính cần phải bảo vệ tổ quốc; đó là nhân chứng mà tòa án phải lắng nghe ý kiến; đó là thành viên của xã hội; đó là một thành viên của gia đình và cuối cùng điều cơ bản nhất- đó là công dân của một đất nước”. Kế thừa những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã đề xuất và dựa vào hiện thực việc tăng cường công tác giáo dục và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân tạo điều kiện cho việc thủ tiêu các hiện tượng tiêu cực và tội phạm. Phòng ngừa xã hội với nhiệm vụ chủ yếu là loại trừ điều kiện dẫn đến tội phạm và các hành vi xâm hại an ninh xã hội, loại trừ những ảnh hưởng xấu có thể tác động

đến con người. Đó là con đường thực tế để đạt tới mục đích loại trừ tận gốc tình trạng phạm tội, các tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Lênin cho rằng giải quyết nhiệm vụ phòng ngừa xã hội thể hiện bằng việc nâng cao phúc lợi vật chất quần chúng sự giác ngộ, tính tích cực, dạy cho quần chúng cách quản lý các công việc nhà nước hình thành những con người được đào tạo và phát triển toàn diện [172, tr.59].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức được tầm quan trọng của Chủ nghĩa Mác - Lênin với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin trong điều kiện thực tế Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho lý luận về đấu tranh phòng chống tội phạm, khắc phục các tệ nạn xã hội, các vi phạm pháp luật. Phòng ngừa tội phạm theo tư tưởng nhân đạo của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ khi tội phạm đã xảy ra thì phải tìm mọi cách hạn chế tác hại, không để tội phạm tái diễn gây tội ác cho xã hội, Người đã nói: xã hội tốt đẹp sẽ là môi trường xã hội tạo điều kiện cho kẻ phạm tội tự cải tạo, chiến thắng cái ác, tìm lại chất người đã bị đánh mất, bọn gian phi côn đồ, v.v. chúng sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng. Tin vào dân, dựa vào dân để cải tạo con người phạm tội là một nội dung trong tư tưởng nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một nội dung sâu sắc nữa chứa đầy tính nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đối với kẻ phạm tội, trừ những người đã hoàn toàn đánh mất tính người, đa số người phạm tội ít nhiều còn giữ được một phần chất người, do đó phải tôn trọng nhân cách và phẩm giá của họ. Tư tưởng này ngày nay đã trở thành tư tưởng chủ đạo đối với chính sách giáo dục, cải tạo phạm nhân của lực lượng công an nhân dân Việt Nam. Năm 1945 Bác Hồ đã khẳng định: “cách mạng tiên cách tâm cải tạo xã hội tiên cải tạo tự kỷ” nghĩa là: “cách mạng trước hết là cải tạo tâm lòng, cải tạo xã hội trước hết là cải tạo con người”. Chính tư tưởng này của Bác, lực lượng công an nhân dân đã vận dụng thành công và đề ra chính sách pháp luật vận động người phạm tội ra tự thú, đầu thú, lập công chuộc tội, đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự. Quần chúng nhân dân được giác ngộ pháp luật đã phát hiện tố giác tội phạm, tham gia giáo dục cải tạo người phạm tội, kêu gọi vận động người phạm tội ra tự thú, tổ chức phòng

ngừa xã hội như giáo dục thanh thiếu niên chậm tiến, tìm kiếm công việc làm cho thanh niên, tổ chức cai nghiện cho những người nghiện ma túy, mở rộng các loại hình giáo dục, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng...góp phần quan trọng trong việc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống tội phạm ở nước ta [172, tr.62, 63].

Nhà tội phạm học Nhật Bản Ueda Can cũng đã thừa nhận, Ông viết: “Một quyết định thực chất có thể giải quyết được vấn đề nói trên có thể có khi mà có sự thay đổi chế độ xã hội” [189]

Lẽ dĩ nhiên, trên con đường lâu dài để tiến tới một xã hội không còn tội phạm thì hình phạt nghiêm khắc (chứ không phải là dã man) vẫn và sẽ luôn luôn là công cụ quan trọng để góp phần ngăn chặn sự gia tăng của tình hình tội phạm và trong nhiều trường hợp nó có ý nghĩa quyết định đối với việc giáo dục và cải tạo kẻ phạm tội, ngăn ngừa họ và những người khác không tiếp tục phạm tội hoặc tái phạm. Tuy vậy, hình phạt chỉ được áp dụng khi mà một tội phạm hay một hành vi vi phạm pháp luật đã xảy ra và điều đó có nghĩa là, xã hội đã không biết cách, không có cách hoặc không kịp thời phòng ngừa chúng. Đối với toàn xã hội, điều quan trọng hơn cả là không để lọt bất cứ một hành vi phạm tội nào, ngăn ngừa những hành vi không tuân thủ pháp luật có thể xảy ra. Nếu làm được điều này xã hội sẽ đỡ mất công sức, tiền của để khắc phục những hậu quả do tội phạm gây ra (nhiều khi không thể khắc phục được, ví dụ: chết người, thương tật vĩnh viễn v.v...) và cũng không phải phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử hay cải tạo, giam giữ kẻ phạm tội. Tác giả Spock, một chuyên gia về trẻ em ở Mỹ cho biết: Chi phí cho việc phát hiện, điều tra, bắt giữ và giáo dục lại một trẻ em phạm tội tốn khoảng 30.000 đô la và nếu như khoản tiền đó giành cho việc phòng ngừa thì chắc chắn sẽ cứu được rất nhiều trẻ em khỏi sa vào con đường đó. Rõ ràng là, trong cuộc đấu tranh với hiện tượng tội phạm, phương hướng cơ bản là “phòng ngừa” chứ không phải là “chống”. C. Mác đã nói: “Người làm luật thông thái cần phải phòng ngừa tội phạm làm sao để khỏi phải trừng phạt nó”.

Trong lý luận cũng như thực tiễn đấu tranh với hiện tượng tội phạm, các thuật ngữ “phòng ngừa” và “chống” hay “đấu tranh chống tội phạm” vẫn được sử dụng

thường xuyên thành một cụm từ như: cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm “hay” đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nhưng chưa cắt nghĩa một cách rõ ràng. Tình trạng lẫn lộn giữa các khái niệm cũng diễn ra phổ biến. Sự nhầm lẫn giữa khái niệm “phòng ngừa tội phạm” và “chống tội phạm” có thể dẫn đến những hậu quả, *thứ nhất*, thiếu cơ sở lý luận để soi sáng những hoạt động thực tiễn, cải tạo thực tiễn và tiếp tục phát triển lý luận khoa học; *thứ hai*, không xác định được phương hướng chính của cuộc đấu tranh với hiện tượng tội phạm và làm lu mờ mặt này hay mặt khác của cuộc đấu tranh; *thứ ba*, không thấy cái đích cần đạt được của các biện pháp đưa ra để áp dụng, không xác định được phạm vi tác động và không có cơ sở để đánh giá hiệu quả của nó; *thứ tư*, không biết cách chủ động tạo ra những tiền đề cần thiết đảm bảo hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa cũng như chống tội phạm như: Hệ thống tổ chức, các trang thiết bị, cơ sở pháp lý, cán bộ; *sau cùng*, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh nói chung, hiệu quả của hoạt động phòng ngừa nói riêng. Như vậy, việc làm sáng tỏ bản chất của các khái niệm “phòng ngừa tội phạm” và “chống tội phạm” đã đặt ra như một nhu cầu vừa có ý nghĩa lý luận, vừa mang ý nghĩa thực tiễn.

Theo nghĩa nguyên nghĩa của cụm từ này thì “phòng ngừa tội phạm” tức là không để cho tội phạm xảy ra và gây nên những hậu quả nguy hiểm cho xã hội, không để cho các thành viên của xã hội phải gánh chịu những hình phạt nghiêm khắc của pháp luật. Rõ ràng, mục tiêu xuyên suốt của phòng ngừa chính là không để cho tội phạm xảy ra, và điều này đã qui định phương hướng chủ yếu của phòng ngừa là tập trung vào việc hạn chế, “cô lập” tiến tới loại trừ và triệt tiêu những hiện tượng, quá trình là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội. Khác với “phòng ngừa”, “chống tội phạm” thực chất chỉ được áp dụng khi mà tội phạm đã xảy ra, điều đó có nghĩa phòng ngừa chưa triệt để. Mục đích của “chống tội phạm” xét cho cùng là mọi tội phạm không tránh khỏi hình phạt và ngăn chặn không cho hậu quả tiếp tục xảy ra. Mục đích này đã qui định phương hướng chính của “chống tội phạm” là kịp thời phát hiện tội phạm, nhanh chóng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành hình phạt đối với kẻ phạm tội trước pháp luật.

Trong thực tiễn, do ý nghĩa to lớn của các biện pháp chống tội phạm (phát hiện, điều tra, truy tố xét xử, thi hành hình phạt) đối với việc ngăn ngừa tội phạm mà nhiều người cho rằng: chống tội phạm là một bộ phận cần thiết và quan trọng của phòng ngừa tội phạm nhằm đảm bảo tính triệt để của các biện pháp phòng ngừa, có hiệu quả. Bởi vì ai cũng thấy rõ: Khi áp dụng hình phạt đối với kẻ phạm tội, hình phạt không chỉ tác động trực tiếp đối với người đó để đảm bảo cho tính bắt buộc phải chịu trách nhiệm pháp lý khi gây ra tội phạm mà còn ngăn chặn chính họ khỏi tiếp tục phạm tội hoặc phạm tội mới (tái phạm). Đồng thời, hình phạt còn có ý nghĩa phòng ngừa chung thông qua việc tuyên truyền tác động giáo dục xã hội tích cực tham gia đấu tranh với tội phạm, thức tỉnh những người chưa vi phạm pháp luật và phạm tội. Trong Điều 20 Bộ luật hình sự của nước ta ghi rõ: “hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các qui tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới... giáo dục người khác tuân theo pháp luật đấu tranh và phòng ngừa tội phạm...”.

Rõ ràng ý nghĩa to lớn của hình phạt đối với việc phòng ngừa tội phạm là không thể bác bỏ. Ở giai đoạn đầu xây dựng chính quyền Xô Viết non trẻ, do thấu hiểu sâu sắc ý nghĩa của hình phạt, nắm được bản chất của hành vi chống đối xã hội của con người và niềm tin vô hạn vào khả năng có thể loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội V.I. Lênin đã nêu lên quan điểm nổi tiếng như sau:

- 1- Kết án có điều kiện;
- 2- Lên án trước xã hội;
- 3- Thay thế việc tù giam bằng lao động cưỡng bức ở nhà;
- 4- Thay thế nhà tù bằng các cơ quan giáo dục;
- 5- Đưa ra các tòa án đồng chí (kể cả trong quân đội và công nhân). [77, tr. 490].

Quan điểm của V.I. Lênin cho thấy không thể thủ tiêu nguồn gốc của tội phạm chỉ bằng hình phạt mà phải cải biến hệ thống hình phạt theo hướng phòng ngừa. Quan điểm này đã trở thành kim chỉ nam cho các hoạt động xây dựng hệ thống hình phạt của pháp luật hình sự các nước xã hội chủ nghĩa để nó ngày càng năng động

hơn, trong nhiều trường hợp nó mất đi tính chất cưỡng chế - trừng phạt và chuyển sang cưỡng chế giáo dục. Những hình phạt dạng đó đang được qui định trong pháp luật hình sự của nước ta và đã phát huy tác dụng tích cực trong cuộc sống. Đó là các hình phạt: Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; phạt tù nhưng cho hưởng án treo; quản chế.

Các loại hình phạt mang tính chất cưỡng chế - giáo dục để gây tác động giáo dục - phòng ngừa đối với những người không vững bền về tính cách và khẳng định vai trò đặc biệt của pháp luật hình sự trong phòng ngừa tội phạm. Ngay cả các cơ quan bảo vệ pháp luật, ví dụ như: hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra các ngành chuyên môn...thì vấn đề “nổi cộm” vẫn chỉ là phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu phạm tội để xử lý hoặc kiến nghị xử lý, còn việc phát hiện nguyên nhân, điều kiện để kiến nghị khắc phục nhằm đảm bảo cho những hành vi đó không xảy ra nữa thì ít được quan tâm. Hoạt động của các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, cảnh sát đã nghiêng hẳn về hướng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành hình phạt (chống tội phạm) đối với những kẻ phạm tội và như vậy, các hoạt động có mục đích nhằm loại trừ hoặc cô lập các nhân tố là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội hay các biến động xấu về nhân cách của những cá nhân có nguy cơ phạm tội đã ít được chú ý đến hoặc được giải quyết như những nhiệm vụ thứ yếu, phụ thêm. Đó là biểu hiện của quan điểm cho rằng: phòng ngừa tội phạm chỉ là một bộ phận của chống tội phạm.

Thực ra những người đặt khái niệm “phòng ngừa” lên trên đã bao hàm cả khái niệm “chống tội phạm” hoặc coi “phòng ngừa” chỉ là một bộ phận của “chống tội phạm”, đã có sự nhầm lẫn giữa ý nghĩa và bản chất của vấn đề, giữa thực tiễn (cách thức tổ chức, chức năng hoạt động của các chủ thể phòng ngừa và chống tội phạm, các biện pháp tiên hành v.v..) và lý luận. Cũng ví như sự nhầm lẫn giữa công dụng của con dao và cái liềm, tuy chúng có thể dùng để chặt cắt, chém, cưa, nhưng vẫn là hai công cụ có tính năng khác nhau. Chúng không được nhầm lẫn giữa điều trị bệnh và phòng bệnh trong y tế.

Về mặt lý luận người ta dễ thống nhất với nhau một điểm là: “Phòng ngừa tội phạm” chỉ đạt được hiệu quả một khi đã hiểu rõ nguyên nhân và điều kiện dẫn đến

phạm tội, “chống tội phạm” sẽ giảm bớt một gánh nặng khi “phòng ngừa” mang lại kết quả. Trong thực tiễn, do những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội rất đa dạng, phức tạp và có thể biến đổi cùng với những thay đổi của cuộc sống xã hội nên nhận thức của con người nhiều khi không theo kịp. Sự “bị động” trong phòng ngừa tội phạm tất yếu dẫn đến hậu quả là tội phạm xảy ra và lúc đó chống tội phạm cần phải phát huy tác dụng. Kinh nghiệm đấu tranh với hiện tượng tội phạm cho biết: Trong nhiều trường hợp, những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội được phát hiện và tổng kết thông qua các hoạt động chống tội phạm. Như vậy rõ ràng, giữa phòng ngừa tội phạm và chống tội phạm đã có mối quan hệ hữu cơ, ràng buộc lẫn nhau bổ sung cho nhau như hai bộ phận cấu thành không thể tách rời của cuộc đấu tranh với hiện tượng tội phạm nói chung và tội phạm của NCTN nói riêng. Mối quan hệ này có thể được hình dung như mối quan hệ giữa phòng bệnh và chữa bệnh trong y tế. Tức là: thông qua chữa để hiểu rõ nguyên nhân và điều kiện mắc bệnh để phòng; và qua phòng để khỏi phải chữa. Một khi đã thừa nhận mối quan hệ tương hỗ giữa hai phương hướng cơ bản của cuộc đấu tranh với hiện tượng tội phạm thì có nghĩa là không được coi nhẹ bất kỳ một phương hướng nào những hoàn cảnh và điều kiện xã hội cụ thể chưa cho phép. Trong hoàn cảnh hiện nay của xã hội tiến hành đồng thời cả hai phương hướng trên là nhiệm vụ có tính nguyên tắc.

3.1.2. Thực trạng về cơ sở chính trị - pháp lý

Cơ sở chính trị - pháp lý của hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng; những năm qua, công tác phòng, chống tội phạm được Đảng và Nhà nước quan tâm thể hiện ở các văn bản chỉ đạo:

- *Những văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng:*

Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*

Kết luận số 86-KL/TW ngày 05/11/2010 của Bộ Chính trị về tiếp thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14/10/2006 về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới”*.

Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc trong tình hình mới”*.

Chỉ thị số 18-CT/ TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư trung ương Đảng (khoá XII) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông”*.

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về *Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới*.

Kết luận số 95-KL/TW ngày 02/4/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/ TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị (khoá X) về *“Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới”*;

Chỉ thị số 46-CT/T W ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị (khoá XI) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới”*;

Những văn bản chỉ đạo của Đảng là cơ sở chính trị, kim chỉ Nam cho việc triển khai những văn bản pháp luật.

- *Những Nghị quyết của Quốc hội:*

Quán triệt những chỉ thị của Đảng, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành các Nghị quyết cụ thể hóa quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng thành pháp luật

Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác thi hành án năm 2013.

Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm;

Nghị quyết số 64/2013/QH13 ngày 20/11/2013 quy định một số điểm thi hành Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 67/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội;

Nghị quyết số 111/2015/QH 13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, của Toà án nhân dân và công tác thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo.

- Những Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Thông tư, Kế hoạch của các Bộ, Ngành hướng dẫn thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thể hiện trong thời gian qua

Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

Nghị quyết số 98/NQ-Cp ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới.

Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới,

Quyết định số 1217/QĐ- TTg ngày 06/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015;

Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT – VKSTC – TANDTC - BCA-BTP - BLĐTB&XH, ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên;

Kế hoạch số 130/KH-VKSTC ngày 07/12/2012 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012- 2015 và chỉ đạo các đơn vị thuộc VKSND tối cao;

Thông tư liên tịch số 06/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT, ngày 02/8/2013 hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố

giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và tổ chức thực hiện trong toàn Ngành;

Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC¹.

- Cơ sở chính trị - pháp lý của thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo thực hiện phòng ngừa tội phạm trên địa bàn thành phố

Trên cơ sở chính trị pháp lý nêu trên Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã nhận thức rất sâu sắc về tình hình tội phạm, thành phố cũng đã dự báo tình hình tội phạm và triển khai các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; cụ thể Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra Nghị quyết về thực hiện 12 chương trình, công trình trọng điểm của thành phố, trong đó có chương trình mục tiêu ba giảm: giảm tội phạm, tệ nạn ma túy và tệ nạn xã hội.

Ban Chỉ đạo 138 thành phố cũng đã chủ động tham mưu cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành nhiều văn bản về thực hiện mục tiêu kéo giảm tội phạm; nâng cao chất lượng, hiệu quả thông qua phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; bằng các giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân; đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm; thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. thể hiện qua các văn bản sau:

Văn bản số 144/BC-UBND, ngày 21/11/2011, “*Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”

Văn bản số 201/BC-UBND, ngày 15/11/2013, “*Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 48-/CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” trên địa bàn thành phố.*

¹<http://www.vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-5248>

Văn bản số 148/BC-UBND, ngày 21/12/2009, “Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị số 37/TTg về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm năm 2009”;

Văn bản số 131/BC-UBND, ngày 20/10/2010 “Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP”;

Văn bản số 159/BC-UBND, ngày 30/12/2010, “Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị số 37/TTg về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09/CP”;

Văn bản số 109/BC-UBND, ngày 13/6/2013, “Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn TP 05 tháng đầu năm 2013”;

Văn bản số 94/BC-UBND, ngày 28/5/2013, “Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn TP 05 tháng đầu năm 2013 (phục vụ công tác giám sát của HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TP)”;

Văn bản số 160/BC-UBND, ngày 30/6/2015, “Báo cáo sơ kết tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm và phòng, chống mua bán người 06 tháng đầu năm 2015”;

Văn bản số 289/BC-UBND, ngày 26/11/2015, “Báo cáo tình hình công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn TP năm 2015”.

Thành phố Hồ Chí Minh triển khai một số hoạt động phòng chống tội phạm đề cập đến trẻ em như sau:

Điện mật số 213-C45 (P6) ngày 02/11/2010 của Cục C45 Bộ Công an về việc báo cáo thực hiện đề án “Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên”;

Văn bản số 2118/KH-UBND, ngày 08/05/2013, “Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”

Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 03/8/2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ, chăm

sóc, giáo dục trẻ em và xây dựng, phát huy vai trò của *Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*”;

Văn bản số 3213/QĐ-UBND, ngày 18/6/2013, “*Về triển khai thực hiện Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2013 - 2020*”;

Văn bản số 6258/KH-UBND, ngày 27/11/2014, “*Về việc triển khai Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chuẩn xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em*”;

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có văn bản báo cáo số 160/VP-VKS, ngày 7/5/2014, “*Báo cáo về kết quả thực hiện công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng 06 tháng đầu năm 2014 và phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2014*”;

Thành phố Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa bằng việc kịp thời ban hành những văn bản, triển khai Kế hoạch bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2015 bao gồm 5 hoạt động:

Hoạt động 1: Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền của trẻ em.

Hoạt động 2: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

Hoạt động 3: Tăng cường sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân, trẻ em tham gia vào công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em, xây dựng các loại hình dịch vụ trẻ em, tạo cơ hội cho trẻ em thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Hoạt động 4: củng cố tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm việc với trẻ em ở các cấp, các ngành; kiện toàn, phát triển mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên ở cơ sở. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi, giám sát, đánh giá; tiếp tục thực hiện việc khảo sát, thống kê tình hình trẻ em, sơ kết, tổng kết đánh giá các chương trình, kế hoạch bảo vệ chăm sóc trẻ em. Triển khai sổ theo dõi trẻ em trong gia đình.

Hoạt động 5: Tổ chức tổng kết, sơ kết đánh giá các Chương trình, kế hoạch bảo vệ trẻ em thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015; thực hiện kế hoạch số 623/C45-P6 ngày 22/5/2015 của Cục Cảnh sát hình sự về Tổng kết chương trình mục tiêu bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015. Trong 5 năm Tỷ lệ người dưới 16 tuổi phạm tội chiếm 5,13%, từ 16 đến 18 tuổi chiếm 19,14%.

Tuy các văn bản này không nêu cụ thể về phòng ngừa tội phạm XPSH do NCTN thực hiện nhưng những hoạt động triển khai chung cho NCTN góp phần phòng chống tội phạm XPSH do NCTN thực hiện.

+ Hoạt động giáo dục, cải tạo người đang chấp hành hình phạt tù và người đã chấp hành xong hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và công tác nghiệp vụ của ngành Công an và pháp luật quy định, trong thời gian qua, lực lượng CSĐTTP về TTXH công an thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai giải pháp phòng ngừa mang tính giáo dục như: Phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc. Phát động quần chúng là một trong những biện pháp nghiệp vụ cơ bản, quan trọng của lực lượng Công an trên mặt trận giữ gìn an ninh trật tự. Lực lượng CSĐTTP về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh luôn coi trọng biện pháp vận động quần chúng nhân dân tích cực cộng tác, giúp đỡ lực lượng Công an trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội XPSH do NCTN thực hiện nói riêng. Thực hiện tinh thần của Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ đã xác định: *“Tiếp tục phát động quần chúng xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp ngăn ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường và xã hội”*. Trong thời gian qua, lực lượng CSĐTTP về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với các đơn vị chức năng, các cơ quan hữu quan, đoàn thể, tổ chức xã hội như Hội liên hiệp phụ nữ, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em, ngành Giáo dục, Sở Lao động thương binh và xã hội, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh v.v...tổ chức được 3.618 cuộc họp dân, với 36.389 lượt người tham gia, tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia phòng,

chống tội phạm, ở một số địa bàn trọng điểm, một số địa bàn cụ thể có triển khai việc tuyên truyền tội phạm XPSH do NCTN thực hiện.

Cũng trong giải pháp giáo dục và giải pháp xã hội, Công an đã sử dụng một kênh thông tin phòng ngừa khá hữu hiệu đó là thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, với 153 buổi phát hình trên các đài truyền hình VTV9, HTV7, HTV9 do Công an thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Biện pháp này đã đóng vai trò rất lớn trong công tác phòng ngừa tội XPSH do NCTN thực hiện. Theo thống kê chưa đầy đủ trung bình hàng năm có khoảng trên 1000 bài viết trên báo Công an và báo khác thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội của tội XPSH do NCTN thực hiện.

Theo lãnh đạo thành phố: “Đảm bảo cuộc sống an toàn cho người dân, môi trường kinh doanh lành mạnh là nhiệm vụ quan trọng. thành phố Hồ Chí Minh hướng đến văn minh, hiện đại, nghĩa tình thì phải dẹp sạch tệ nạn ma túy, cướp giật, trộm cắp”, chỉ đạo Công an thành phố Hồ Chí Minh tái lập lực lượng sẵn bắt cướp, lực lượng phản ứng nhanh, góp phần bảo vệ an ninh cho người dân, du khách. “Cuộc sống người dân đầy đủ, no ấm nhưng lúc nào cũng thấp thỏm lo âu về trộm cắp, cướp giật thì không thể là thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình được”², Với tình hình tội phạm ngày càng tinh vi, phức tạp. Do đó, lực lượng công an phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phòng chống tội phạm nói chung và NCTNPT XPSH.

Mặt khác với vai trò là chủ thể phòng chống tội phạm trực tiếp, công tác phòng chống của lực lượng Công an thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2007 đến năm 2016 được thực hiện thông qua công tác tuần tra kiểm soát CSĐTTP về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện hàng nghìn vụ phạm tội XPSH do NCTN thực hiện, kịp thời phòng chống theo hướng khởi tố đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Giúp rắn đe phòng ngừa tội XPSH do NCTN thực hiện cũng là một trong những biện pháp phòng ngừa mang tính loại trừ tội phạm.

² (<http://thanhnien.vn/thoi-su/bi-thu-thanh-uy-thanh-pho-ho-chi-minh-dinh-la-thang-phai-dep-sach-nan-cuop-giat-trom-cap-668404.html>)

Phân loại tội phạm các tội xâm phạm sở hữu: Căn cứ theo luật có 4 loại tội gồm cướp tài sản; cưỡng đoạt tài sản; trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản. Từ 2007 đến 2016, tội trộm cắp tài sản vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất, năm 2012 tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất trong tất cả các năm là khoảng 52% (304 vụ). Mặc dù tình hình các tội xâm phạm sở hữu qua các năm có xu hướng giảm nhưng các tội cướp tài sản, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản do NCTN thực hiện vẫn còn tiếp diễn, cho thấy công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phạm tội diễn ra khá tốt, nhưng vẫn cần hoàn thiện hơn nữa để giảm số lượng các vụ án xuống mức thấp nhất có thể. Đến năm 2015 không có bất kỳ một vụ cưỡng đoạt tài sản nào xảy ra, đó là một thành công lớn của toàn thành phố khi thực hiện phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.2 và Phụ lục I, Bảng 3.9).

Về các biện pháp quản lý giáo dục sau xét xử:

Người chưa thành niên vi phạm sau xét xử có 4 hình thức gồm (1) Giao gia đình quản lý giáo dục; (2) Có QĐ giáo dục tại Ủy ban nhân dân cấp xã; (3) Đưa đi trường giáo dưỡng và (4) Các biện pháp khác. Tỷ lệ NCTN được giao gia đình quản lý giáo dục chiếm từ 16% đến 30%, Biện pháp giáo dục tại đại phương cũng chiếm một phần không nhỏ dao động từ 18,1% đến 29,1%. Riêng biện pháp “Đưa đi trường giáo dưỡng” của năm 2008 đến 2013 chiếm tỉ lệ khá cao, dao động từ 35.9% đến 41%. (Năm 2014 và năm 2015 số liệu cung cấp không sát thực tế, nên người nghiên cứu không phân tích) (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.5).

Việc áp dụng biện pháp “Đưa đi trường giáo dưỡng” là gánh nặng cho xã hội và các đơn vị liên quan. Kết quả thống kê được rút ra có 698 đối tượng được áp dụng thi hành án đưa đi trường giáo dưỡng trên tổng số 2.579 đối tượng (xem Phụ lục I, Bảng 3.5), cho thấy thời gian thi hành án của các đối tượng trung bình là 24 tháng (thời gian do Tòa án xét xử). Ước số tiền mà Nhà nước phải bỏ ra cho các đối tượng này trong vòng 2 năm là khá lớn, nếu thực hiện theo thời gian mà Viện Kiểm sát đề nghị là gấp đôi thời gian của Tòa án thì chi phí tăng gấp đôi. Chi phí này Nhà nước phải bỏ ra hàng năm là rất lớn, nếu có biện pháp phòng ngừa tốt sẽ giảm được số người phạm tội và ắt sẽ giảm chi phí cho nhà nước. Thời gian thi hành án của các đối tượng vi phạm của NCTNPT XPSH (xem Phụ lục I, Bảng 3.3).

3.2. Thực trạng tổ chức lực lượng phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Về lực lượng đội ngũ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

- Những kết quả đạt được về đội ngũ phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện:

Về cơ bản, Thành Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phòng ngừa tội phạm trên các phương diện sau: Chủ động, kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch các văn bản pháp lý về phòng ngừa tội phạm chung, làm cơ sở cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, mỗi công dân làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm phù hợp với điều kiện và thực trạng tội phạm trên đại bàn. Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói riêng của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội. Xác định rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm tại thành phố Hồ Chí Minh nói chung và nguyên nhân, điều kiện của các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng để làm rõ đâu là nguyên nhân trực tiếp, đâu là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh tội phạm, những điều kiện nào làm tội phạm gia tăng nhằm đề ra các phương hướng, biện pháp kéo giảm tình hình tội phạm, nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống đối với các loại tội phạm này.

Theo thống kê của Phòng Cảnh CSĐTTP về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2007 đến năm 2015, tại thành phố Hồ Chí Minh xảy ra 5.594 vụ phạm pháp hình sự do NCTN thực hiện, trong đó đối với tội XPSH do NCTN từ năm 2007 đến năm 2015 xảy ra 4.484 vụ phạm tội, chiếm tỷ lệ 80,589% tổng số (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.1).

Thông kê tỷ lệ người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu: Trong 24 quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh cho thấy các quận Tân Bình (15,1%), quận Tân Phú (13,4%), quận 12 (9,1%) quận 1 (8,3%), quận 11 (7,3%), quận 6 (6,9%) và huyện Củ Chi (6,3%) lần lượt là các quận có tỷ lệ NCTN phạm các tội

XPSH nhiều nhất. Ngược lại các quận có tỷ lệ thấp như quận 4, Quận 2, huyện Nhà Bè, Quận Thủ Đức (xem Phụ lục I, Bảng 3.11).

Kết quả cũng cho thấy để có được giải pháp phòng ngừa các tội XPSH do NCTN thực hiện một cách triệt để, hiệu quả là một trong những bài toán khó cho các chủ thể lãnh đạo phòng chống khi đề xuất giải pháp để thực hiện. Khi mà các tệ nạn xã hội ngày càng nhiều, các loại tội phạm cũng ngày càng tinh vi, phức tạp hơn.

Công an thành phố Hồ Chí Minh trong hoạt động phòng ngừa tội phạm là chủ thể chính trong công tác phòng chống tội phạm với những chức năng, vai trò nhiệm vụ được quy định rõ ràng. Lực lượng công an nói chung và công an thành phố Hồ Chí Minh phải trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng ngừa tội phạm theo hai hướng: Tham gia phòng ngừa xã hội (phòng ngừa chung) và trực tiếp tiến hành toàn diện hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra tội phạm (phòng ngừa riêng). Xét theo giải pháp phòng ngừa thì đơn vị này thực hiện song song 2 giải pháp vừa giải pháp ngăn chặn vừa giải pháp loại trừ. Trong giai đoạn 10 năm qua lực lượng này đã thực hiện các hoạt động phòng chống tội phạm nói chung và tội XPSH do NCTN thực hiện nói riêng

Xét về chức năng, nhiệm vụ thì Viện Kiểm sát đóng vai trò là chủ thể triển khai, thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố. Thông qua hoạt động giám sát điều tra cũng như trực tiếp điều tra các vụ án XPSH do NCTN thực hiện, Viện Kiểm sát có cơ sở để xác định các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các đặc điểm nhân thân của người phạm tội từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa loại tội phạm này một cách thiết thực mang lại hiệu quả cao trong phòng ngừa. NCTNPT có xu hướng giảm qua các năm, số vụ đã điều tra khám phá và bị truy tố kịp thời. Từ đó, có thể nhận thấy lực lượng công an, Viện kiểm sát thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.3).

Viện Kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với Tòa án cùng cấp tổ chức 32.939 phiên tòa xét xử lưu động trên tổng số 34.035 vụ về các tội XPSH (xem Phụ lục I, Bảng 3.10). Nhiều phiên tòa được tổ chức ngay tại nơi xảy ra tội phạm, khu

dân cư, vùng sâu, vùng xa thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham dự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên lồng ghép việc phổ biến những quy định của pháp luật, phòng ngừa tội phạm, có tác dụng tuyên truyền, giáo dục sâu sắc. Cơ cấu tình hình các tội phạm cụ thể trong mối tương quan các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) theo BLHS năm 2015 (xem Phụ lục I, Bảng 3.12).

Xét về vụ các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện: Kết quả do Công an thành phố Hồ Chí Minh thống kê và cung cấp cho thấy đối tượng vi phạm lần 2 trở lên khá cao giao động từ 15% đến 36%. Số tái phạm lần 2 trở lên cao nhất là năm 2008 (xem Phụ lục I, Bảng 3.1)

Về mức độ vi phạm: Có 2 loại vi phạm được xét xử đó là vi phạm hành chính và vi phạm hình sự, tỷ lệ xét xử hình sự luôn cao gấp đôi số vụ vi phạm hành chính ngoại trừ năm 2007, số vụ xét xử vi phạm hành chính (54.7%) và hình sự (45,3%) chênh lệch không nhiều, kéo theo đối tượng chịu hình phạt của hình sự cao hơn chịu hình phạt hành chính (xem Phụ lục I, Bảng 3.2).

Các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng giảm dần qua các năm, số vụ về tội XPSH bị phá án cũng tăng qua các năm. Nhận thấy công tác điều tra, truy tố, xét xử của các lực lượng, cơ quan chức năng rất kịp thời và nhanh chóng, tránh những trường hợp các đối tượng vi phạm nhờn nhờ ngoài vòng pháp luật (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.4).

Mặt trận tổ quốc và các thành viên của mặt trận tích cực phối hợp tuyên truyền ngăn chặn các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong khu dân cư, hộ gia đình; đưa nội dung phòng chống các loại tội phạm (trong đó có các tội XPSH do NCTNPT) vào quy ước khu dân cư, gắn với đăng ký phần đầu đạt các danh hiệu thi đua xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá; Phối hợp tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm của các gia đình trong đấu tranh, phòng chống tội phạm và đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội bằng việc quản lý, giáo dục người thân, con em ngay từ trong gia đình. Phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức thành viên, các vị chức sắc,

chức việc trong các tôn giáo, người uy tín trong cộng đồng dân cư... trong vận động, tuyên truyền công tác phòng, chống các tội XPSH do NCTN phạm tội.³

Gia đình và Nhà trường là các chủ thể chủ chốt trong công tác phòng ngừa tội phạm trong tình hình mới. Ngoài ra bản thân NCTN cũng có vai trò vô cùng quan trọng trong phòng ngừa các tội XPSH, một khi bản thân họ nhận thức được các hành vi sai trái thì sẽ hạn chế được tối đa số lượng các vụ án về XPSH do NCTN phạm tội.

- *Đối với gia đình*: gia đình cần giáo dục cho con em mình hiểu sâu sắc những tác hại về hành vi trộm cắp, cướp giật... để các em phòng ngừa và lôi kéo. Bên cạnh đó, gia đình cần kết hợp chặt chẽ với nhà trường và xã hội; giữa gia đình và đoàn thể ở khu dân cư, thôn xóm nơi cư trú trong việc quản lý, giáo dục con em, cũng như góp phần phát hiện và ngăn chặn các hành vi tiêu cực, kiên quyết đấu tranh với các hành vi xâm phạm sở hữu để từ đó có biện pháp phòng, chống có hiệu quả tệ nạn này. Có thể nói gia đình có vai trò to lớn trong phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội và tội phạm, trong đó có tội phạm về XPSH.

Xây dựng gia đình văn hoá, hạnh phúc, các thành viên tôn trọng, quan tâm lẫn nhau sẽ là bức tường ngăn chặn có hiệu quả sự xâm nhập của những hành vi phạm pháp. Vì gia đình là tế bào của xã hội, tế bào trong sạch thì xã hội trong sạch. Có như vậy xã hội mới phát triển, cuộc sống của mọi người dân mới được bình an, ấm no và hạnh phúc.

- *Đối với nhà trường*: tổ chức các chương trình nhằm tuyên truyền pháp luật đến học sinh, hiện nay môn học pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu trang bị kiến thức pháp luật cho các em. Nhằm trang bị kiến thức pháp luật cho học sinh, tiếp cận môi trường pháp luật để các em nhận thức được hành vi phạm tội. Sở Tư pháp, Cơ quan Thường trực của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố có kế hoạch phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội thi Thanh thiếu niên với pháp luật năm 2013, cho học sinh các Trường Trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung cấp chuyên nghiệp

³ (<http://ubmttg.baclieu.gov.vn/tintuc/Lists/Posts/Post.aspx?List=b8ae59ce-3b59-4f64-8af9-23c4a37c33dc&ID=247>)

trên địa bàn thành phố. Vòng thi sơ khảo được tổ chức từ tháng 10/2013 với sự tham gia của 112 trường, 560 học sinh tham dự đề thi trắc nghiệm và tự luận, sáng tạo slogan tuyên truyền pháp luật, Ban Tổ chức đã chọn được 06 đội vào Vòng chung kết khối trường Trung học phổ thông đó là các trường: Quang Trung, Võ Trường Toản, Võ Thị Sáu, Giồng Ông Tố, Trần Khai Nguyên, Marie Curie. Vòng chung kết Hội thi Thanh thiếu niên với pháp luật đã được tổ chức vào ngày 23/11/2013, tại Hội trường Nhà Văn hóa Thanh niên, số 4 Phạm Ngọc Thạch, phường Bến Nghé, quận 1.

Những năm qua sự phối hợp giữa trung tâm trợ giúp pháp lý, Phòng Tư pháp, Phòng Giáo dục và các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở đã có chuyển biến tích cực, mô hình tổ chức các buổi trợ giúp pháp lý lưu động tại các trường, lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật, mô hình diễn án phiên tòa giả định, các vụ án xét xử NCTNPT XPSH và tư vấn pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho học sinh.

Một thực tế cần được ghi nhận đó là một số tội phạm do NCTN gây ra khi các cơ quan pháp luật xét xử cho thấy sự vắng bóng của nhà trường và gia đình do họ đã bỏ gia đình, không học tập ở bất kỳ môi trường nào của nhà trường hay cộng đồng. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc phòng ngừa tội phạm khó khăn cho hầu hết các chủ thể. Tuy nhiên vẫn có số lượng không nhỏ NCTNPT ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường và đang được gia đình bảo bọc, thuộc gia đình khá giả.

Độ tuổi vi phạm các tội XPSH thường ở nhóm 2 từ 16 đến dưới 18 tuổi, loại tội vi phạm nhiều nhất là cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản. Gia đình và Nhà trường phải đặt ra câu hỏi: Tại sao các em lại trộm cắp và cướp tài sản ở độ tuổi này? Thứ nhất, ở độ tuổi này các em có rất nhiều nhu cầu cho bản thân, có thể xuất phát từ việc chơi game nhưng hết tiền, đua đòi muốn mua thứ gì đó cho bằng bạn bè nhưng điều kiện gia đình không cho phép, các em chưa hiểu rõ được làm như vậy là phạm pháp, hoặc có nhiều em mặc dù biết là sai trái nhưng vẫn thực hiện chỉ vì các em nghĩ đó chỉ là việc làm nhỏ nhặt chắc không vấn đề gì mà các em không biết hậu quả sau này của nó là tạo cho các em một thói quen trộm cắp, cướp giật...chỉ từ những suy nghĩ non nớt, những hành động không suy nghĩ, thiếu hiểu biết đó nhưng

lại làm cho các em vi phạm pháp luật. Từ đó, chỉ ra được vai trò, trách nhiệm của gia đình và Nhà trường đối với các em ở độ tuổi này (xem Phụ lục I, Bảng 3.4).

- Những hạn chế trong đội ngũ phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự còn nhiều yếu kém, bất cập, thiếu toàn diện, sâu sát như quản lý đối tượng tại cộng đồng dân cư, quản lý nhân, hộ khẩu, quản lý tạm trú, tạm vắng, có nhiều trường hợp đối tượng đi khỏi địa phương nhiều tháng đến khi có thông báo về việc bắt đối tượng phạm tội của Công an địa phương khác thì chính quyền địa phương mới nắm được việc đi khỏi địa phương của đối tượng, đây chính là một trong những sơ hở làm tội phạm nảy sinh, tồn tại và phát triển.

Các hoạt động phòng ngừa riêng của các lực lượng chuyên trách còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Các hoạt động quản lý đối tượng có điều kiện khả năng phạm tội còn chưa chặt chẽ, thiếu tính hệ thống và thiếu thông tin giữa các địa bàn. Các hoạt động nghiệp vụ trình sát trong ngăn chặn, phát hiện NCTNPT còn gặp nhiều khó khăn do một phần hạn chế của cán bộ làm công tác này.

Các chủ thể lãnh đạo sử dụng hệ thống pháp luật về NCTN để đưa ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm NCTNPT nói chung để phòng ngừa tuy nhiên hệ thống pháp luật này cũng là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm do NCTN thực hiện. Nội dung quản lý Nhà nước về NCTN bao gồm: thể chế quản lý nhà nước về NCTN; tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước về NCTN.

Về thực hiện pháp luật: Nhà nước đã ban hành một số văn bản pháp luật liên quan đến NCTN như: Luật trẻ em; Luật Thanh niên; Luật Lao động; Luật Giáo dục; Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Nhưng việc tổ chức thực hiện các văn bản luật này còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong đó, các quyền của trẻ em, NCTN và các nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân chưa được đảm bảo thực hiện. Điển hình như Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Thanh niên có quy định về việc trẻ em, thanh thiếu niên có quyền được học tập nhưng trên thực tế rất nhiều em lại không được đi học, bị nghỉ học giữa chừng lại không có một cơ quan, tổ chức nào bảo vệ quyền này của các em. Thiết nghĩ, các cơ quan có thẩm quyền mà trước hết

là Quốc Hội và Hội đồng nhân dân cần tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật liên quan đến trẻ em, NCTN. Qua đó, kịp thời phát hiện những sai sót, bất cập, chưa đi vào cuộc sống của các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế nhằm hoàn thiện hơn.

Về tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước đối với người chưa thành niên:
Hiện nay, có quá nhiều cơ quan, tổ chức với nhiều chức năng quản lý liên quan đến NCTN như: Ủy ban nhân dân các cấp; Ủy ban Quốc gia về thanh niên; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ giáo dục và Đào tạo; Tổng cục dân số - kế hoạch hóa gia đình; Cục Bảo vệ - Chăm sóc trẻ em. Ngoài ra còn có các tổ chức như Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Với nhiều cơ quan Nhà nước, các tổ chức có liên quan đến quản lý NCTN, nhưng công tác giáo dục, bồi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ đối với NCTN có lúc, có khi chưa hiệu quả, chưa thường xuyên chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn.

Đối với ngành Công an cũng chưa có sự phân công trách nhiệm cụ thể, chưa hình thành một hệ thống chỉ đạo, theo dõi, thống kê hình sự, quản lý người phạm tội là NCTN từ trung ương đến cơ sở, cũng chưa có văn bản cụ thể nào giao qui định lực lượng chuyên trách làm công tác phòng ngừa NCTNPT, nên các cấp cơ sở chưa có lực lượng chuyên trách. **Công an cấp quận huyện** có lực lượng CSĐTTP về Trật tự xã hội, và cảnh sát khu vực thuộc Công an cấp xã. Tuy nhiên, **lực lượng mỏng**, chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, trùng lặp, không sâu sát, chủ yếu là làm theo chức năng của từng lực lượng. Việc phòng ngừa theo chuyên đề chưa chuyên sâu, việc tham mưu cho cấp ủy Đảng, Chính quyền các biện pháp phòng ngừa NCTNPT còn nhiều hạn chế.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân là lực lượng nòng cốt trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cũng như tội phạm do NCTN thực hiện, tuy nhiên tại nhiều nơi lực lượng này lại chưa thể hiện vai trò của mình trong việc duy trì thường xuyên công tác phòng ngừa tội phạm do NCTN thực hiện. Việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ đối với tội phạm do NCTN thực hiện chưa đồng bộ. Sự phối hợp giữa các đơn vị nghiệp vụ trong cùng lực lượng CAND và các ngành, các cấp trong thực hiện biện pháp phòng ngừa chưa đồng bộ, nhất là

trong quản lý, giáo dục và trong xử lý NCTNPT như phối hợp lực lượng giữa Cảnh sát nhân dân với Ủy ban bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, sự phối hợp giữa Công an với Tòa án, Viện Kiểm Sát hay giữa Công an với gia đình và nhà trường.

Trên thực tế, có hiện tượng tụ tập băng nhóm, thường bị các cơ quan chức năng xem nhẹ. Việc không ngăn chặn, răn đe, giáo dục kịp thời ngay từ những “mầm mống” đầu tiên sẽ tiềm ẩn các nguy cơ phạm tội của NCTN.

Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước khi xử lý vi phạm pháp luật của NCTN chủ yếu là mang tính giáo dục, giúp đỡ, định hướng họ thành người tốt, có ích cho xã hội. Một trong những biện pháp phù hợp và hữu hiệu đó là biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn. Hiện nay đang thực hiện các qui định về giáo dục tại phường, xã, thị trấn như: Nghị định số 163/2003/NĐ-CP, Nghị định số 10/2012/NĐ-CP (có hiệu lực ngày 10/4/2012, thay thế Nghị định 59/2000/NĐ-CP). Tại thành phố Hồ Chí Minh có Kế hoạch số 47/KH-CATP (PX28) ngày 20/4/2009 của Công an thành phố Hồ Chí Minh về “Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc phòng chống tội phạm và giữ gìn an ninh trật tự tại cộng đồng dân cư” cũng có nội dung về quản lý, giáo dục tại phường, xã, thị trấn. Tuy nhiên, việc thực hiện một trong những biện pháp hữu hiệu này lại không thật sự hữu hiệu và không phát huy hiệu quả tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc áp dụng biện pháp này phụ thuộc quá nhiều vào sự phối hợp của nhiều ngành (Công an, Lao động thương binh và xã hội, Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Hội cựu chiến binh) và sự hỗ trợ của cộng đồng. Do sự phối hợp của nhiều ngành nên chủ yếu là phối hợp, không định hình rõ một bộ phận “chủ công” thật sự chịu trách nhiệm chính. Còn sự hỗ trợ của cộng đồng lại không được quy trình hóa dễ dẫn đến sự buông xuôi hoặc thờ ơ, không hiệu quả. Các ban ngành, đoàn thể của địa phương thì quá nhiều công tác, không thể tiếp xúc thường xuyên, giáo dục, vận động NCTN đang bị quản lý tham gia các hoạt động lành mạnh, bổ ích để rèn luyện, tiến bộ hơn. Còn cộng đồng dân cư, mà chủ yếu là Ban điều hành Khu phố, Tổ dân phố, cũng không thật sự hiểu hết ý nghĩa của biện pháp này, không quan tâm cùng tham gia thực hiện với địa phương. Đồng thời, việc bình xét, phân tích sự tiến bộ của NCTN

đang bị quản lý, giáo dục tại địa phương hàng năm còn mang tính hình thức, chạy theo chỉ tiêu. Do đó, khi NCTN chưa thật sự được giáo dục đầy đủ, chưa đủ độ “chín” về nhận thức hành vi vi phạm của mình thì đã được xét tiến bộ và đưa ra khỏi diện.

Về vấn đề xử lý hình sự, hình phạt cải tạo không giam giữ, tù cho hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp với NCTN và đúng với tinh thần của BLHS. Tuy nhiên, chính quyền địa phương lại chưa thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục, cảm hóa NCTNPT khi nhận bàn giao của Tòa án. Rất nhiều địa phương vẫn cho rằng, NCTN chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, án treo, chỉ cần không vi phạm gì là đạt kết quả, nhưng lại không quan tâm tạo điều kiện cho NCTN này học tập, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động lành mạnh, bổ ích tại địa phương để không chỉ không vi phạm mà còn phải thật sự rèn luyện, phấn đấu, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Phân tích các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH do NCTN trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm làm rõ đâu là nguyên nhân từ phía người phạm tội; một phần không nhỏ từ phía người bị hại và một nguyên nhân bao quát từ quản lý Nhà nước và hệ thống pháp luật. Nắm rõ các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh và tội phạm này sẽ là cơ sở vô cùng quan trọng để đưa ra các dự báo, giải pháp phòng, chống tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả và mang tính thực tiễn.

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, văn hóa, đạo đức, lối sống trong quần chúng nhân dân nhất là thanh thiếu niên chưa được coi trọng đúng mức, còn thiếu cả về bề rộng và chiều sâu. Do vậy, việc nắm vững pháp luật và thực hiện pháp luật còn hạn chế, nhiều người chưa nhận thức đầy đủ về tội phạm, tính nguy hiểm của mình do không hiểu biết pháp luật. Một bộ phận không nhỏ đối tượng là NCTN khi thực hiện hành vi mà không biết rằng đó là hành vi phạm tội. Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự còn nhiều yếu kém, bất cập, thiếu toàn diện, sâu sát như quản lý đối tượng tại cộng đồng dân cư, quản lý hộ khẩu, quản lý tạm trú, tạm vắng, có nhiều trường hợp đối tượng đi khỏi địa phương nhiều tháng đến khi có thông báo về việc bắt đối tượng phạm tội của Công an địa phương khác thì chính

quyền địa phương mới nắm được việc đi khỏi địa phương của đối tượng, đây chính là một trong những sơ hở làm tội phạm nảy sinh, tồn tại và phát triển.

3.2.2. Thực trạng cơ chế phối hợp giữa các chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Hầu hết các hoạt động được các chủ thể triển khai đều đồng bộ với nhau từ việc nhận chỉ thị, nghị quyết của trung ương để các cấp thực hiện cần kể đến đó là các chủ thể lãnh đạo là Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong việc nhận nghị quyết chung về phòng ngừa các loại tội phạm nói chung, kể đến tùy thuộc vào tình hình địa phương và từ tư vấn tham mưu của các cơ quan bảo vệ pháp luật mà đặt biệt là Sở Tư pháp chủ thể lãnh đạo sẽ ban hành các kế hoạch, chương trình hành động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Các chủ thể thực hiện chia thành 2 chủ thể nhỏ hơn đó là chủ thể ban hành và chủ thể triển khai. Tương ứng với chủ thể ban hành là các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhận lệnh trực tiếp từ chủ thể lãnh đạo là Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Trong chủ thể ban hành có bộ phận Công an vừa đóng vai trò ban hành vừa là chủ thể thực hiện. Chủ thể thực hiện ngoài công an còn có các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tập thể quần chúng lao động, cá nhân công dân với hoạt động phòng ngừa tội phạm XPSH do NCTN thực hiện. Trong các chủ thể thực hiện này, người nghiên cứu chỉ tập trung vào các cơ quan đóng vai trò chủ đạo gồm Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, gia đình, nhà trường, các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý). Các tổ chức khác như Hội người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân không đóng vai trò trực tiếp hoặc không có những kế hoạch triển khai riêng phòng ngừa cho loại tội phạm XPSH do NCTN thực hiện do đó không được người nghiên cứu đưa vào sơ đồ phối hợp của các chủ thể phòng ngừa.

Nhận thấy rằng trong thời gian qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thường xuyên chỉ đạo cho các cơ quan chuyên trách như Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, xây dựng các chương trình giáo dục, tuyên truyền phòng ngừa các tội phạm nói chung và cho NCTN nói riêng. Điển hình của hoạt động này là thành lập Hội

đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh do Sở Tư pháp làm cơ quan thường trực theo Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chính là mô hình điển hình cho công tác tổ chức lực lượng phòng ngừa tội phạm, nối kết các chủ thể phòng ngừa trên địa bàn thành phố trong biện pháp phòng ngừa tội phạm bằng hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân đang sống trên địa bàn thành phố.

Qua các phân tích trên, có thể khái quát, sự phối hợp, phân công nhiệm vụ của các chủ thể trong công tác phòng ngừa tội phạm XPSH do NCTN thực hiện qua sơ đồ 3.1.

Tổng hợp và phân tích kết quả dựa trên các báo cáo hàng năm, phương hướng nhiệm vụ của Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy các chủ thể vừa ban hành vừa đóng vai trò thực hiện đều báo cáo và xác định chung một vấn đề đó là thường xuyên phối hợp công tác bằng những kỳ họp định kỳ để đưa ra cùng phương án phòng ngừa. Nội dung thường xuyên được trao đổi giữa ba cơ quan chính là việc đánh giá tình hình tội phạm bị phát hiện, xét xử, tìm ra nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc phòng ngừa tội phạm theo từng chức năng hoạt động của từng chủ thể. Sau khi thực hiện công tác này trong quá trình thực hiện các chủ thể ban hành mới đưa ra kế hoạch cụ thể, phản hồi với cơ quan cấp trên và hành động cùng chủ thể thực hiện khác. Chính nhờ điều này mà trong giai đoạn 10 năm qua, mặc dù có sự thay đổi lớn về kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu người lao động kéo theo đó đối tượng con em của những người lao động đến thành phố Hồ Chí Minh khá lớn nhưng tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện vẫn nằm trong giới hạn được đánh giá là ổn định; sự dao động tăng lên hoặc giảm xuống của các năm không vượt quá 10%. Tuy nhiên nhìn góc độ sự hình thành, phát triển nhân cách của một NCTN đang hứa hẹn thì tỷ lệ phạm tội XPSH do họ gây ra là cần có giải pháp căn cơ hơn. Nhằm đẩy lùi tỷ lệ NCTNPT này xuống cách thấp nhất có thể, nếu đạt được môi trường lý tưởng hoàn toàn không có người vi phạm càng tốt.

Sau khi phân tích được thực trạng kết hợp với phần nội dung về các biện pháp phòng ngừa mà các chủ thể phòng ngừa thực hiện cũng như phối hợp trong 10 năm qua sẽ giúp tác giả đưa ra được các giải pháp hiệu quả hữu ích trong công tác chung phòng chống tội phạm XPSH do NCTN thực hiện.

3.2.3. Thực trạng nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Qua khảo sát số liệu thống kê của công an thành phố Hồ Chí Minh về tình hình tội phạm XPSH theo giới tính từ năm 2007 - 2015 thì tỷ lệ nam phạm tội cao hơn nhiều so với nữ, tỷ lệ nam phạm tội luôn chiếm từ 80 đến 95.6% trở lên. Kết quả cho thấy rằng nam giới ở độ tuổi chưa thành niên thường rất hiếu động, tò mò, dễ bị kích động nên sẽ dễ dàng bị cám dỗ, thách thức làm những hành vi vi phạm pháp luật, chính vì đặc điểm tâm sinh lý này mà tỷ lệ nam giới ở tuổi chưa thành niên thường phạm tội nhiều hơn (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.6 và Phụ lục I, Bảng 3.7).

Trong số 4.484 do NCTN phạm tội XPSH có 7471 đối tượng, trong đó dưới 14 tuổi có 369 đối tượng (chiếm 4,94%), từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi có 2063 đối tượng (chiếm 27,61%) và từ đủ 16 đến 18 tuổi có 5039 đối tượng (chiếm 67,45%) (xem Phụ lục I, Bảng 3.6).

Trình độ học vấn, thống kê đối tượng là NCTNPT XPSH từ năm 2007-2015 cho thấy, số đối tượng không biết chữ chiếm tỉ lệ thấp nhất, kế đến là đối tượng có trình độ tiểu học. Còn tỷ lệ trung học phổ thông và trung học cơ sở phạm tội gần ngang bằng nhau, tuy có năm trình độ trung học phổ thông chiếm cao hơn có năm trình độ trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao hơn (xem Phụ lục II, Biểu đồ 3.7 và Phụ lục I, Bảng 3.8).

Điều này cho thấy không phải nguyên nhân là vì các em có trình độ thấp mà phạm tội. Ngay khi đang học trung học cơ sở hoặc phổ thông trung học mà các em vẫn chưa nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân. Như vậy, tỷ lệ đối tượng NCTNPT không phân biệt học thức thấp hay cao, yếu tố nhận thức của mỗi cá nhân trong loại tội phạm này bị chi phối bởi các yếu tố khác cần được đánh giá xem xét rõ hơn ở những nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân là từ tâm sinh lý của lứa tuổi NCTN: tâm sinh lý của NCTN như đã phân tích ở các phần trên là chưa ổn định cần được xem xét, lứa tuổi này các em hay tò mò, dễ bị kích động, dụ dỗ, lôi kéo bởi những thứ xung quanh, học đòi, đua đòi nên dẫn đến các hành vi như trộm cắp tài sản, cướp giật, lừa đảo và cao độ là đi cướp để thỏa mãn nhu cầu cá nhân... Cũng có thể do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, cha, mẹ ly hôn, gia đình không hạnh phúc làm cho các em bị hụt hẫng, bơ vơ nghĩ quẩn; nhà trường chưa quan tâm nhiều đến các em,... nên các em dễ bị cuốn vào vòng xoáy của tội lỗi

Nguyên nhân xuất phát từ gia đình: Trong những năm qua, vấn đề giáo dục con cái trong nhiều gia đình chưa thật sự được chú trọng. Do tập trung thời gian cho việc lo cuộc sống, rất nhiều gia đình gần như giao việc giáo dục con cái cho nhà trường. Một bộ phận gia đình kinh tế khó khăn thì quan niệm chỉ cần học biết chữ, biết đếm, sau đó bỏ học đi làm kinh tế. Hầu hết các em học sinh hư, học kém... đều rơi vào gia đình hoàn cảnh khó khăn hoặc éo le như bố mẹ ly hôn, ly thân... mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường còn lỏng lẻo dẫn đến con bỏ học, chơi bời hư hỏng mà bố mẹ không biết, không quan tâm đến việc học tập của con cái. Thiếu sự kèm cặp, giáo dục của gia đình cho nên các em quen với lối sống tự do, buông thả, dễ tiếp thu những mặt trái, từ đó các em dễ đi vào con đường phạm tội. Mặt khác, một số ít gia đình do chỉ có một con nên đã nuông chiều con quá mức, tạo cho trẻ lối sống thích gì được nấy dẫn đến có những nhu cầu vượt quá khả năng của gia đình và khi không đáp ứng được nhu cầu dẫn đến có những hành vi vi phạm pháp luật. Việc thất học về văn hóa dẫn đến sự non kém về nhận thức các vấn đề xã hội, pháp luật cũng là nguyên nhân phát sinh tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên. Những ảnh hưởng tiêu cực từ phía gia đình như: sự thiếu gương mẫu về đạo đức, lối sống, gia đình không hòa thuận, không tôn trọng lẫn nhau, một số thành viên trong gia đình sống buông thả, rượu chè, cờ bạc, thậm chí phạm tội, đã tác động trực tiếp đến nhận thức và hành động của thanh, thiếu niên.

Nguyên nhân xuất phát từ môi trường giáo dục ở nhà trường: Nhà trường là một môi trường giáo dục rất quan trọng, giúp cho các em ở lứa tuổi vị thành niên, hình thành nhân cách, định hướng cho các em trong cuộc sống sau này. Nếu không

được giáo dục một cách toàn diện, lại sớm phải va chạm với thực tế cuộc sống khó khăn, dễ dẫn các em vào con đường phạm tội. Mặt khác, trong những năm vừa qua, nhà trường chỉ chú trọng đến công tác giảng dạy kiến thức cơ bản về văn hóa, khoa học, kỹ thuật; việc giáo dục nhân cách cho các em chưa thực sự được quan tâm. Trong mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, giáo dục học sinh. Bên cạnh đó, trong học đường còn có một số tiêu cực, chính những tiêu cực này đã hình thành trong tâm hồn các em những nhận thức sai lệch về chuẩn mực xã hội, dẫn đến sự chán đời, lười học và bỏ học, từ đó nảy sinh tình trạng tụ tập, đàn đúm thực hiện hành vi phạm pháp.

Nguyên nhân xuất phát từ môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội: Môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội có tác động sâu sắc đến quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân và không thể tách rời sự phát triển của cá nhân với xã hội. Sau hơn ba mươi năm đổi mới, kinh tế nước ta đã có bước nhảy vọt diệu kỳ, từ nước nghèo đã lột tớp trung bình, hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới ACEAN, WTO, AFTA, APEC, TPP...sự hội nhập đã có những chuyển biến phát triển hết sức mãnh liệt; đa phương hóa, đa diện hóa giao lưu với các nền văn hóa thế giới; giao thương quốc tế và du khách đến giao lưu, tham quan, du lịch ngày càng nhiều. Trước thời cơ thách thức hội nhập đem lại phát triển kinh tế - xã hội, song song với nó là tác động tiêu cực mặt trái của kinh tế thị trường kéo theo sự thay đổi của các mặt đời sống văn hóa - xã hội như: sự du nhập qua Internet phim ảnh bạo lực, hình ảnh khiêu dâm phi văn hóa, môi trường sống ích kỷ, hưởng thụ...Trong khi đó, một bộ phận dân cư mà đa số là thiếu niên không được trang bị những kiến thức, hiểu biết để đề kháng với những thay đổi của đời sống xã hội đã bị tác động bởi các tiêu cực xã hội, hình thành lối sống thực dụng, hưởng thụ. Sự quan tâm của xã hội, nhà trường và gia đình đối với NCTN không đủ để trang bị cho họ những hiểu biết, uốn nắn trước những sai trái, lâu dần hình thành động cơ phạm tội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng sử dụng các biện pháp phòng ngừa của các chủ thể phòng ngừa, từ chủ thể lãnh đạo, chủ thể thực hiện đã tổng kết các giải pháp phòng ngừa

mà thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng từ 2007 đến 2015. Việc phân tích kỹ và đưa chủ thể phòng ngừa quan trọng trong phần phối hợp cùng phòng ngừa là một bước quan trọng mà chương 3 đã thực hiện được. Cũng thông qua nghiên cứu thực trạng về tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong những năm từ 2007 đến 2015 cho thấy tình hình tội phạm này có diễn biến phức tạp. NCTN thường phạm chủ yếu ở các tội trộm cắp tài sản, cướp và cướp giật tài sản. Người phạm tội thường là Nam giới và có xu hướng ngày càng trẻ hoá; trình độ học vấn thấp. Động cơ phạm tội chủ yếu nhằm thoả mãn các nhu cầu vật chất của bản thân. Thủ đoạn gây án của loại tội phạm này chủ yếu là mang tính cơ hội, lợi dụng sơ hở của nạn nhân để trộm cắp, cướp giật. Qua khảo sát, phân tích bản án, phân tích số liệu thống kê của Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, tác giả luận án đã tìm ra những nguyên nhân của tình hình các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố, cũng từ hai hướng phân tích trên là 2 kênh phân tích quan trọng làm cơ sở để nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm XPSH do NCTN thực hiện nói riêng và cho các loại tội phạm nói chung.

Chương 4
GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA
CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU DO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4.1. Dự báo hoạt động phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới

Những năm qua, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống vi phạm pháp luật trong lứa tuổi chưa thành niên đã đạt được nhiều thành công. Tuy nhiên, do tác động của môi trường sống nhiều nguyên nhân, tình trạng NCTN vi phạm pháp luật vẫn có nhiều diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, tính chất, mức độ nguy hiểm ngày càng cao hơn.

Dự báo về diễn biến tình hình tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Dự báo trong thời gian tới các vụ vi phạm pháp luật và số NCTN vi phạm pháp luật sẽ có xu hướng tiếp tục gia tăng với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn. Do mặt trái của kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo, tình hình nhập cư, tác động bởi ma túy và nếp sống đua đòi; tâm lý giới trẻ đòi ăn vụng, túm làm liều, vì thế hành vi phạm tội chủ yếu tập trung vào các nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu.

Dự báo về tính chất của tình hình tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Báo động hơn là xu hướng hình thành băng nhóm, phạm tội có tổ chức, có phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng là NCTNPT ngày càng gia tăng. Những đối tượng này ham thích khám phá, muốn thể hiện mình, thích phiêu lưu nhưng còn nông nổi, dễ bị lôi kéo, nhận thức pháp luật kém nên nhiều khi vi phạm pháp luật mà không biết. Phần lớn có trình độ văn hóa thấp (97% học dưới lớp 6, trong đó có 5,4% mù chữ), chơi bời, lêu lổng và sớm nhiễm những thói xấu như nghiện thuốc lá, uống rượu, nghiện ma túy, thích xem phim bạo lực, nghiện game online...

Tính chất phạm tội ngày càng nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, khi các đối tượng sử dụng đến dao, kiếm tự chế...xuất phát từ việc thiếu tiền tiêu, bị dụ dỗ, lôi kéo mà các em dễ rơi vào vòng lao lý. Các loại game, phim ảnh có tính bạo lực cao ngày càng nhiều trên thị trường, không phù hợp với lứa tuổi của các em, nhiều em do tâm lý yếu dẫn đến tình trạng ảo tưởng, không kiểm soát được hành vi phạm pháp của bản thân.

Dự báo về nhân thân người người chưa thành niên phạm tội xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, bố mẹ của NCTN vi phạm pháp luật, không có thời gian để chăm sóc đến con cái của mình, lo miếng cơm manh áo, các khoản chi phí cho gia đình, đặc biệt bố mẹ thường đi làm xa nên các em không có người chỉ dạy, chăm lo về mặt tâm lý, từ đó dễ sa ngã vào con đường tội lỗi vì bị lôi kéo, rủ rê; việc giáo dục con cái ngày càng bị bỏ quên. từ những phân tích về đặc thù tâm sinh lý lứa tuổi này, tự bản thân NCTN có thể vi phạm pháp luật do không tìm thấy niềm vui trong cuộc sống, ngay cả ở trong một gia đình không có khó khăn về kinh tế. Đối với trẻ, gia đình là đại diện cho thế giới rộng lớn xung quanh. Sự cảm nhận về thế giới, về xã hội và về chính bản thân của trẻ sẽ được ảnh hưởng trực tiếp bởi sự chăm sóc, nuôi dưỡng, thái độ, hành vi, niềm tin của bố mẹ chúng. Nhưng nếu sự chăm sóc không phù hợp (không được quan tâm hoặc chăm sóc quá mức cần thiết) thì sẽ gây nên những stress nặng nề, làm tổn thương sức khỏe tâm thần của trẻ. Trẻ dễ nảy sinh một số hành vi như chống đối, nói dối, thiếu tự tin, kém giao tiếp, bị động, thiếu hòa nhập hay sợ hãi. Các hành vi trên sẽ tiến triển lệch lạc, dẫn đến rối loạn hành vi chống đối như bỏ nhà, trốn học, đi lang thang, trầm cảm...Hậu quả là một số trẻ đã tự tử hoặc nghiện hút, phạm tội ở lứa tuổi NCTN.

Thứ hai, tình trạng ly hôn ở Việt Nam ngày càng nhiều, thực trạng hiện nay NCTN vi phạm pháp luật một phần chính là nạn nhân của các cuộc ly hôn, hoặc là hệ quả của ý muốn duy trì một mô hình gia đình khuyết của cha mẹ chúng. Kết quả phân tích về tội phạm học vị thành niên cho thấy, 71% NCTN vi phạm pháp luật được sinh ra từ những gia đình không hoàn thiện về mặt hôn nhân như: bố mẹ ly hôn, ly thân. Khi cha mẹ chấp nhận ly hôn, ly thân...xu hướng này gia tăng, có nghĩa là chấp nhận việc đẩy những đứa trẻ tội nghiệp ra xã hội. Bởi chính gia đình

không hoàn hảo đã dẫn tới việc quan tâm, chăm sóc con cái sẽ không được như khi có đầy đủ cha mẹ, cùng nhau chăm sóc và dạy dỗ con cái. Mặt khác, cuộc sống hiện đại với vô vàn lo toan, bươn chải cơm áo, gạo, tiền, địa vị...mà cha mẹ ít gần gũi, gắn kết với con; sức hấp dẫn của gia đình không bằng so với bạn bè, tính anh hùng rơm nổi lên, các em dễ bị mất tự chủ, bỏ nhà ra đi là dấu hiệu dự báo trẻ có nguy cơ phạm tội.

Dự báo về chủ thể phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Đáng lưu ý là tình trạng học sinh bỏ học có chiều hướng gia tăng là nguy cơ, điều kiện để tội phạm lợi dụng xâm hại hoặc dụ dỗ lôi kéo các em vào con đường phạm tội (số liệu của Bộ GD-ĐT cho thấy hiện nay có gần 255.000 học sinh, sinh viên bỏ học). Ngoài ra, công tác phối hợp đấu tranh, phòng ngừa tội phạm của các cơ quan chức năng, ban ngành, đoàn thể vẫn chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả, mới chỉ chú trọng xử lý các vụ việc đã xảy ra mà chưa coi trọng công tác phòng ngừa. Từ đây cho thấy Nhà trường có xu hướng không quan tâm đến học sinh, sinh viên nhiều.

Thành Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể, lực lượng Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án thành phố Hồ Chí Minh sẽ đưa ra những biện pháp cụ thể hơn. Giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ học sinh theo học trong các trường ngoài công lập tăng về số lượng và chất lượng sẽ được cải thiện đáng kể, các em có ý thức hơn về quyền và nghĩa vụ học tập, sẽ vào học ở các ngành nghề đáp ứng dần với thị trường lao động trong nước và quốc tế, tích cực tham gia vào xây dựng xã hội học tập; có tôn chỉ, mục đích: ở đâu, làm gì, học tập thường xuyên, suốt đời. Nếu bản thân NCTN chưa có hướng đi cho mình thì việc phòng ngừa NCTNPT trở nên rất khó khăn. Đa phần, những hành vi phạm tội của NCTN xuất phát từ lời lôi kéo, rủ rê của một bộ phận thanh niên thiếu ý thức, thất nghiệp. Dự báo tình hình phạm tội XPSH ở NCTN có nguy cơ tăng hơn trong những năm tới, vì vậy phải áp dụng các biện pháp nâng cao công tác phòng ngừa của các chủ thể phòng ngừa.

Dự báo về cơ cấu các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Các hành vi vi phạm pháp luật mà NCTN hay phạm phải là trộm cắp, cướp giật, cướp...Ngoài ra, NCTN còn bị ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội. Ý thức của người bị hại còn nhiều hạn chế, sơ hở trong việc bảo vệ tài sản của mình tạo điều kiện cho NCTNPT. Dự báo các hành vi cướp giật, trộm cắp...có xu hướng tăng trong tương lai. Nguyên nhân xuất phát từ người bị hại, ý thức của NCTN, các biện pháp phòng ngừa hiện nay chưa mang lại hiệu quả cao.

Dự báo về địa bàn hoạt động của các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Hàng loạt vụ án do NCTN gây ra khiến dư luận nhức nhối. Điển hình như năm 2010, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra trên 30 vụ cướp giật dây chuyền, điện thoại di động, có ngày xảy ra 2, 3 vụ. Nạn nhân của những vụ cướp hầu hết là phụ nữ đi mô tô, xe đạp đến những đoạn vắng người, bị đối tượng đi xe mô tô áp sát giật dây chuyền và nhanh chóng tẩu thoát.

Đối tượng phạm tội từ 16 đến dưới 18 tuổi chiếm tới trên 60% tổng số NCTNPT. Phần lớn các vụ án do NCTN gây ra là trên địa bàn trung tâm thành phố (chiếm 70%), trong đó tập trung ở những quận có các khu công nghiệp, công nhân đông đúc như: Quận Bình Tân, Quận Tân Phú, Quận 12, Quận 1, quận 5. Dự báo trong tương lai, địa bàn hoạt động của các tội XPSH do NCTN thực hiện vẫn sẽ tập trung cao ở những quận, huyện này, vì nhóm tội phạm này chủ yếu là mang tính chất cơ hội, mà các quận huyện như đã nêu, phức tạp về cư trú, lơ là trong việc quản lý, cơ sở hạ tầng đường sá, các khu nhà trọ còn yếu kém, là điều kiện thuận lợi cho tội phạm hoạt động.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới

4.2.1. Tăng cường hoàn thiện cơ sở lý luận, cơ sở chính trị - pháp lý của hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Hoàn thiện cơ sở lý luận phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra

những Chính sách, những Nghị quyết, Chỉ thị trong việc phòng ngừa tình hình tội phạm XPSH nói chung, tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng. Để đạt được hiệu quả tốt nhất trong việc phòng ngừa tình hình các tội XPSH (trong đó có tội phạm là người NCTNPT) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã có rất nhiều biện pháp được đưa ra. Để hoàn thiện các giải pháp đó thì trước hết phải hoàn thiện các qui phạm pháp luật về quyền của NCTNPT và các điều luật đối với các tội XPSH ở nước ta hiện nay.

Công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục đạt kết quả quan trọng; giải quyết việc làm có tiến bộ, mức sống của các tầng lớp dân cư ở các vùng, miền trong cả nước tiếp được cải thiện. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh kiên quyết hơn, có kết quả hơn. Giải quyết việc làm cả ở thành thị và nông thôn, bổ sung hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế chính sách và chỉ đạo kiên quyết việc lập lại trật tự, kỷ cương giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, tạo được chuyển biến tích cực. Để thực hiện được những điểm trên theo tác giả luận án cần hoàn thiện những điểm sau đây.

Hoàn thiện các qui phạm pháp luật về quyền của người chưa thành niên phạm tội

Để bảo đảm quyền của NCTNPT trong tổ tụng hình sự gắn liền với vấn đề quyền con người trong tiến trình xây dựng Nhà nước Pháp quyền và cải cách tư pháp, phải quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về quyền của NCTN. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) đã nhấn mạnh rằng: “Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em”. Khi xây dựng và hoàn thiện quyền của NCTNPT cần phải đặt trong mối quan hệ tổng thể của bối cảnh chung đời sống xã hội. Căn cứ vào Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06/8/2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 433/NQ-UBTVQH13 ngày 30/12/2011 về việc thành lập Ban soạn thảo BLHS (sửa đổi). Bổ sung BLHS số 7724/ĐC-BSTBLHS (SĐ) ngày 24/9/2012 có nêu sự cần thiết sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS về chính sách hình sự liên quan đến NCTN,

đặc biệt là các quy định nhằm mở rộng điều kiện và phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ đối với NCTN phạm tội; mở rộng khả năng trả tự do, tha tù trước thời hạn để sớm đưa các em trở về với cộng đồng cũng như khả năng xử lý chuyển hướng đối với NCTNPT; bảo vệ tốt hơn NCTN bị xâm hại.

Từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới (1986) đến nay, Nhà nước Việt Nam đã và đang có nhiều nỗ lực để bảo đảm các quyền con người được tôn trọng và thực hiện. Trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII ngoài việc hoạch định đường lối chiến lược về phát triển con người, còn thể hiện các chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em thông qua việc thực hiện các quyền trẻ em, tạo điều kiện cho các em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển cả về thể chất, tinh thần, trí tuệ và đạo đức,...những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có được cơ hội đến trường, vui chơi và học tập [94, tr.110].

Quyền của NCTNPT là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người, quyền trẻ em thuộc nhóm dễ bị tổn thương; Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định sự nhất quán trong đường lối, chủ trương, chính sách về quyền con người, quyền trẻ em trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Là yêu cầu cần thiết nhất và quan trọng nhất về mặt chính trị, pháp luật; quyền của NCTNPT phải gắn liền với công cuộc cải cách tư pháp, cải cách bộ máy nhà nước, hướng tới sự phát triển toàn diện của con người, vì con người. Chính vì vậy, trong quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền của NCTNPT cần được nghiên cứu, nhận thức rõ ràng, có sự quán triệt trong hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước về quyền của con người, quyền công dân, quyền của NCTN cũng như công cuộc đấu tranh phòng chống NCTNPT để việc hoàn thiện pháp luật đi đúng hướng, phù hợp với mọi hoàn cảnh và điều kiện của đất nước [94, tr.110-111]. Liên quan đến NCTN phạm tội trong một số quy định của BLHS cần sửa đổi và bổ sung những vấn đề sau:

Về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu: NCTN là những người chưa hoàn toàn phát triển đầy đủ về nhân cách, chưa có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân⁴. Chính vì vậy trong đường lối vận

⁴ <https://luatminhgia.com.vn/kien-thuc-hinh-su/khai-niem-nguoi-chua-thanh-nien-pham-toi-.aspx>

động, giáo dục thanh niên của Đảng và Nhà nước, luôn chú trọng đến những đặc điểm về tâm - sinh lý của NCTNPT, rút ra những kinh nghiệm thực tiễn về đấu tranh phòng, chống tội phạm do NCTN thực hiện, cũng như các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam. BLHS năm 2015 chương XII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, sửa đổi những nguyên tắc cơ bản có tính chất chỉ đạo, xuyên suốt quá trình xử lý NCTNPT được ban hành toàn diện và thống nhất. Tuy nhiên, đối với tội phạm là NCTN việc áp dụng các hình phạt tù sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống sau này của các em khi được mãn hạn tù và hòa nhập với cộng đồng, vì vậy việc hạn chế các hình phạt tù và áp dụng các hình phạt không phải hình phạt tù là vô cùng cần thiết. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc theo hướng phù hợp với Công ước về quyền trẻ em và những chuẩn mực quốc tế khác của Liên hợp quốc nên Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 của Quốc hội đã được bổ sung theo hướng nhấn mạnh rằng: *“Khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT cần hạn chế áp dụng hình phạt tù”*.

Bổ sung nguyên tắc sau: lợi ích tốt nhất của NCTN phải là mối quan tâm hàng đầu trong quá trình xử lý NCTNPT. Nguyên tắc này phù hợp với yêu cầu quy định tại điểm 1 Điều 3 Công ước quyền trẻ em: *“Trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, dù do các cơ quan phúc lợi xã hội công cộng hay tư nhân, Tòa án, các nhà chức trách hành chính hay các cơ quan lập pháp tiến hành thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”* [55, tr.175].

Áp dụng biện pháp tạm giam, tạm giữ đối với NCTNPT phải là biện pháp cuối cùng và chỉ thực hiện trong một thời gian tối thiểu nhất định. NCTN chưa phát triển hoàn thiện về mặt tâm - sinh lý, dễ bị tổn thương, dễ bị ảnh hưởng tiêu cực nhất việc bị tách khỏi môi trường xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của NCTNPT khi tái hòa nhập cộng đồng. Chính vì thế không lạm dụng việc giam giữ đối với NCTNPT. Phải có cơ chế chính sách nâng cấp sửa chữa các nhà tạm giam, tạm giữ đảm bảo quyền cơ bản của con người về chế độ dinh dưỡng trong khẩu phần ăn, diện tích buồng tạm giam tạm giữ

Áp dụng các biện pháp xử lý chuyên hướng luôn được ưu tiên hàng đầu trong việc xử lý hành vi vi phạm của NCTNPT. Xử lý hành vi phạm tội của NCTN luôn

lấy mục đích giáo dục là chính, tạo cơ hội cho NCTNPT tự kiểm điểm bản thân, nhận thức được những hành vi sai trái, tội lỗi và tự chịu trách nhiệm về những hành vi mà mình gây ra, quan trọng ở đây là họ không bị tước quyền tự do, không bị giam giữ và không bị ghi án tích. Hiện tại Việt Nam vẫn chưa xác lập khung pháp lý riêng cho các hình thức xử lý mang tính giáo dục, cho nên mục đích bổ sung thêm của nguyên tắc này là để giảm tới mức thấp nhất các hậu quả tiêu cực nếu NCTNPT không bị gián đoạn học tập, các em không bị xã hội kỳ thị và cần được sự quan tâm, chia sẻ của gia đình, xã hội.

Bổ sung các quyền về thông tin cá nhân, cũng như quyền trợ giúp pháp lý của NCTNPT trong quá trình xử lý. Bảo vệ thông tin cá nhân cho NCTNPT là vô cùng quan trọng, giúp NCTNPT tránh khỏi những tác động có hại của việc công khai những thông tin của mình. Quyền được trợ giúp pháp lý của NCTN được khuyến nghị bảo vệ trong Những quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên hợp quốc về bảo vệ NCTN bị tước quyền tự do, được đề cập tại điểm a mục 18 như sau: *“Người chưa thành niên cần phải có quyền có luật sư bào chữa và có quyền yêu cầu sự giúp đỡ pháp lý không phải trả tiền nếu sự giúp đỡ đó có sẵn và có quyền thường xuyên tiếp xúc với luật sư tư vấn của mình; những bí mật và sự riêng tư trao đổi đó phải được bảo đảm”*, cũng như bảo đảm quyền có người bào chữa của “trẻ em không nơi nương tựa”, quyền được trợ giúp pháp lý (Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2017) và *“bị can, bị cáo là người chưa thành niên”* bắt buộc phải có người bào chữa (Điều 57 BLTTHS năm 2003).

Hoàn thiện một số quy phạm pháp luật về quyền của NCTNPT trong pháp luật tố tụng hình sự và thi hành án hình sự

Hoàn thiện một số quy phạm pháp luật về quyền của NCTNPT trong BLTTHS.

Sửa đổi và bổ sung theo hướng phù hợp với pháp luật hiện hành và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam đã ký kết [94, tr.124]. Tránh gây tổn hại đến sức khỏe, tâm sinh lý, nhân phẩm đối với NCTN và đảm bảo lợi ích hợp pháp cho họ khi các hoạt động tố tụng hình sự được tiến hành. Mọi hoạt động tố tụng hình sự tiến hành với NCTNPT cần được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời,

trong một môi trường thân thiện, bởi vì hoạt động xét xử đối với NCTNPT mang tính chất giáo dục cao. Sự riêng tư, cá nhân của NCTNPT cần được tôn trọng và bảo vệ. Các thông tin cá nhân của NCTNPT phải được bí mật hoàn toàn, nếu trong trường hợp thông tin bị tiết lộ ra ngoài cần có biện pháp xử lý ngay, tránh gây tổn hại đến tâm lý của NCTNPT. Mọi thông tin về đối tượng này đều bị cấm phát tán ra ngoài, trừ khi có được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Sửa đổi và bổ sung quyền của NCTNPT trong các quy định về hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Trong BLTTHS 2003 chỉ quy định phạm vi áp dụng thủ tục tố tụng đặc biệt đối với NCTNPT, phạm vi áp dụng còn hạn hẹp nên cần mở rộng phạm vi áp dụng đối với các đối tượng sau: NCTNPT, NCTN bị tổn thương và NCTN làm chứng. Đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân được phân công tiến hành tố tụng đối với NCTNPT không chỉ là những người có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm về điều tra, truy tố, xét xử mà còn là người có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục về lứa tuổi vị thành niên. Hiện nay trong BLTTHS vẫn chưa có điều khoản nào quy định rõ về việc xác định độ tuổi của NCTN. Nên việc xác định độ tuổi của NCTNPT trở nên khó khăn, khi người phạm tội không có giấy tờ tùy thân, việc này gây ảnh hưởng đến việc điều tra, truy tố và định tội khi xét xử. Vì vậy cần bổ sung các hướng dẫn về xác định độ tuổi rõ ràng, cụ thể nhưng phải phù hợp với chuẩn mực pháp luật quốc tế đưa ra.

Sửa đổi những quy định chung về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử NCTNPT như sau: Chỉ áp dụng biện pháp tạm giam đối với NCTNPT trong trường hợp cần thiết và trong thời gian ngắn nhất.

Quy định mới cần bổ sung các quy định mới đảm bảo các điều kiện tối đa cho NCTNPT khi bị tạm giam thực hiện các quyền tự bảo vệ, được hưởng sự trợ giúp pháp lý cũng như bảo vệ quyền riêng tư, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và phù hợp với pháp luật quốc tế. Phải quy định theo hướng: NCTNPT khi bị tạm giam phải được giam riêng; đảm bảo các quyền được thăm nuôi, quyền bảo vệ tính mạng, sức khỏe, quyền không bị tra tấn, đánh đập, quyền được bào chữa, quyền được thông tin trong suốt quá trình tạm giam.

Bổ sung quy định quyền của NCTNPT thông qua các quy định về kỹ năng lấy lời khai. Trong quy định này phải nêu rõ những nội dung cơ bản sau: Ai lấy lời khai, lấy vào thời điểm nào, thời gian lấy lời khai diễn ra thế nào, thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp, phải đảm bảo có Luật sư, Trợ giúp viên tham dự các buổi dự cung. Trường hợp đặc biệt gia đình có quyền mời chuyên gia tư vấn về pháp lý, y tế để tạo tâm lý thoải mái cho NCTNPT.

Lấy lời khai của người dưới 18 tuổi phạm tội cơ quan tiến hành tố tụng phải thông tin, giải thích cho NCTNPT biết quyền của họ được trợ giúp pháp lý miễn phí và việc thông tin đó phải được lập thành biên bản, đồng thời thông báo cho gia đình của họ để mời Luật sư hoặc Trợ giúp viên tham gia từ giai đoạn điều tra. Trong việc lấy cung NCTNPT nếu không có Luật sư, Trợ giúp viên thì NCTNPT có quyền im lặng, chưa trả lời, vì việc trả lời của họ cần có sự chứng kiến của gia đình, nhưng gia đình với tư cách là người giám hộ, đại diện cho con cái là NCTNPT, nhưng họ thường không có kiến thức pháp luật, nên việc đảm bảo quyền cho NCTNPT không được bảo đảm và theo tác giả của luận án thì có thể xem là bất bình đẳng giữa một bên rất am hiểu pháp luật, được học tập đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và một bên không am hiểu pháp luật, thậm chí có trường hợp không biết chữ, thì việc quy định khi lấy cung có đại diện gia đình hoặc đoàn thể tham dự dễ bị lợi dụng.

Sửa đổi, bổ sung quyền của người chưa thành niên phạm tội liên quan đến các quy định về thủ tục xét xử.

Đối với NCTNPT quyền được xét xử trong môi trường thân thiện là một trong những quyền quan trọng nhất và đã được các điều ước quốc tế ghi nhận. Các quốc gia trên thế giới có xu hướng ghi nhận quyền đó trong hệ thống pháp luật quyền của NCTNPT về quyền được xét xử trong môi trường phù hợp với lứa tuổi. BLTTHS Việt Nam hiện nay vẫn không có quy định nào về việc tạo một môi trường xét xử thân thiện đối với NCTNPT. Theo thông tư liên tịch 01/2011/TTLT có quy định, khi tiến hành xét xử, Tòa án có thể sắp xếp lại vị trí của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong phòng xử án bằng cách sắp xếp chỗ ngồi của người thân hay các cán bộ đại diện cho các cơ quan Lao động Thương binh và

Xã hội, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh hoặc Luật sư, Trợ giúp viên nhằm làm giảm cảm giác căng thẳng, sợ hãi đối với NCTNPT. Quyền này phải được quy định cụ thể với các nội dung sau:

Thành phần Hội đồng xét xử ở các cấp trong các vụ án có NCTNPT phải có Hội thẩm nhân dân phải là người thấu hiểu tâm lý, cảm thông và chia sẻ với NCTN, Hội thẩm phải là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoặc là người của cơ quan bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Ngoài các trường hợp quy định về xét xử kín nói chung, Tòa án có quyền quyết định việc xét xử kín các vụ án NCTNPT. Việc tuyên án có thể được tiến hành công khai nhưng phải đảm bảo giữ bí mật thông tin cá nhân để tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các em sau này. Không tiến hành xét xử lưu động vụ án có NCTNPT.

Khi tiến hành xét xử, Tòa án có thể sắp xếp lại vị trí của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong phòng xử án tạo bầu không khí thân thiện, giảm cảm giác căng thẳng, sợ hãi đối với NCTNPT. Không còng tay khi dẫn giải hoặc sử dụng các phương tiện cưỡng chế khác trong quá trình xét xử tại Tòa án, trừ trường hợp đối tượng đó có những hành vi tiêu cực hoặc có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa. Việc thẩm vấn, xét hỏi NCTNPT tại phiên tòa phải theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhưng phải phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của đối tượng, mô hình tố tụng của Việt Nam là mô hình thẩm vấn, xét hỏi của Hội đồng xét xử nhằm tìm ra sự thật khách quan, do vậy các phiên tòa diễn ra chủ tọa vẫn xét hỏi là chính, sự tranh tụng của Kiểm sát viên và người bào chữa, chưa được được hội đồng xem như là trọng tài. Những lời giải thích về quyền và nghĩa vụ, thủ tục xét xử cũng như các câu hỏi đưa ra tại phiên tòa cần đơn giản, rõ ràng để đảm bảo cho NCTNPT và đại diện gia đình của họ có thể hiểu và trả lời đúng câu hỏi.

Hội đồng xét xử phải cho phép NCTNPT được bày tỏ ý kiến, quan điểm, nguyện vọng của mình và phải cân nhắc, xem xét các ý kiến, quan điểm, nguyện vọng đó trước khi ra bản án, quyết định. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt tù đối với họ thì Tòa án áp dụng một trong những biện pháp tư pháp quy định tại BLHS.

Hoàn thiện một số quy phạm pháp luật về quyền của NCTNPT trong pháp luật thi hành án hình sự. Trong các quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự hiện nay vẫn chưa thể hiện rõ quyền của NCTNPT ở chế độ giam giữ trong quá trình chấp hành hình phạt tù và trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn. Cho đến nay vẫn chưa có một văn bản pháp lý độc lập nào quy định về quyền của NCTNPT trong các trại tạm giam, trong khi chế độ tạm giam khác hoàn toàn với chế độ giam giữ, vì thế cần bổ sung một số vấn đề như sau:

Bổ sung những quy định về nguyên tắc tạm giam đối với NCTNPT. Điều 38 Bộ luật tổ tụng hình sự chưa quy định rõ về chế độ tạm giam nên cần sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về chế độ tạm giam và chấp hành hình phạt tù, nêu rõ đặc thù của việc tạm giam và chấp hành phạt tù đối với NCTNPT. NCTNPT được hưởng những quyền nào khi chấp hành hình phạt. Ví dụ như quyền được chăm sóc, bảo vệ tính mạng; quyền được học tập; quyền được trợ giúp pháp lý.

Xây dựng các chương trình giáo dục định hướng nghề nghiệp sau này cho NCTNPT đang thi hành hình phạt tù, giúp họ sau khi được mãn hạn tù có được tay nghề để hòa nhập với xã hội. Các cơ quan thi hành án phải thực hiện các chương trình giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở, trung học phổ thông, học nghề đối với NCTNPT đang thi hành án, dù số lượng NCTNPPT chấp hành hình phạt tù trong trại ít, trình độ của họ không đồng đều nhưng vẫn phải thực hiện quy định này để đảm bảo quyền được học tập, giáo dục cho NCTNPT.

Đảm bảo quyền được vui chơi, giải trí của NCTNPT trong khi chấp hành hình phạt tù. Quy định về sân chơi, số lượng sách cung cấp trong thư viện dành cho NCTNPT, cung cấp số lượng dụng cụ thể thao tối thiểu để đáp ứng như cầu vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe của NCTNPT. Vì NCTNPT đang ở trong độ tuổi phát triển thể chất và tinh thần nên phải hỗ trợ tốt nhất để các em có được môi trường giáo dục tốt trong khi chấp hành hình phạt tù.

Khẩu phần ăn dành cho NCTNPT phải chấp hành hình phạt tù được tăng về mặt chất lượng dinh dưỡng, đặc biệt là những em có độ tuổi từ đủ 14 đến 16 tuổi, bởi vì các em đang trong độ tuổi phát triển mạnh mẽ nhất về thể lực, thể chất và trí tuệ nên cần một nhu cầu dinh dưỡng cao hơn những đối tượng khác. Chế độ chăm

sức khỏe, chăm sóc y tế đối với NCTNPT khi chấp hành hình phạt tù là vô cùng quan trọng cần được quy định cụ thể, NCTNPT phải được khám sức khỏe định kỳ, được quan tâm chăm sóc khi ốm đau, bệnh tật, được tư vấn sức khỏe vị thành niên, tâm sinh lý của NCTNPT

Quy định về việc giam giữ riêng NCTNPT là nguyên tắc không được vi phạm, không được vì bất kỳ một lý do gì khác mà giam chung với người thành niên, NCTNPT phải được giam giữ phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân.

Hoàn thiện một số quy phạm pháp luật về quyền của NCTNPT trong các văn bản quy phạm pháp luật khác. Công tác tái hòa nhập NCTNPT mang ý nghĩa quan trọng trong chính sách pháp luật của nước ta, đây được coi là khâu thiết yếu và quan trọng nhất của hệ thống tư pháp đối với NCTN. Vấn đề tái hòa nhập cộng đồng đối với NCTNPT đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật như BLHS, BLTTHS, Luật thi hành án hình sự; Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ.

Hiện nay mặc dù đã có nhiều văn bản pháp luật được ban hành nhưng vẫn chưa có hệ thống cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng tái hòa nhập cộng đồng cho NCTNPT. Nên cần xây dựng các quy định về vấn đề này để đảm bảo rằng ngay cả khi NCTN đã chấp hành xong hình phạt của mình họ vẫn có thể hòa nhập với xã hội trong một môi trường hoàn toàn thân thiện và phù hợp để phát triển và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xây dựng những mô hình doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp công ích sử dụng người lao động là NCTNPT chấp hành xong hình phạt, biện pháp tư pháp để giúp giải quyết vấn đề việc làm cho NCTNPT sau khi chấp hành xong hình phạt. Đây có thể nói là một trong những mô hình tái hòa nhập cộng đồng còn khá mới mẻ tại Việt Nam khi vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta đang bức xúc và phức tạp. Vì thế, để thực hiện được yêu cầu này cần phải đổi mới tư duy và có nhận thức đầy đủ, đánh giá đúng khả năng, giá trị của NCTNPT đối với sự phát triển của xã hội và bản thân các em.

+Hoàn thiện pháp luật đối với các tội xâm phạm sở hữu ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, tội phạm hóa một số trường hợp phạm các tội XPSH, Trong trường

hợp XPSH tài sản bị xâm phạm *dưới mức định lượng*. Cụ thể có các dấu hiệu “*Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*”. Dấu hiệu định tội ở trường hợp này được quy định tại các tội phạm mà có cấu thành *tội phạm vật chất*, cụ thể: Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172); Tội trộm cắp tài sản (Điều 173); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178). Các dấu hiệu định tội *không cần định lượng* trong trường hợp tài sản bị xâm phạm là “*di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa*” tại các Điều 176 (Tội chiếm giữ trái phép tài sản), Điều 177 (Tội sử dụng trái phép tài sản), Điều 178 (Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản). Dấu hiệu định tội là *đối tượng tác động của tội phạm*. Bằng cách mở rộng đối tượng tác động là tài sản của “*Nhà nước*” thành tài sản của “*Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*” tại Điều 179. Việc quy định mở rộng phạm vi xử lý ở Điều 179 BLHS năm 2015 đã dẫn đến chủ thể của tội này cũng thay đổi, cụ thể: chủ thể của tội này ngoài hai dấu hiệu có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, người phạm tội còn phải thêm dấu hiệu có trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý, trông coi, bảo vệ tài sản của *Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*.

Thứ hai, phi tội phạm hóa một số trường hợp phạm tội XPSH Theo BLHS năm 2015 đã *thu hẹp* phạm vi xử lý hình sự (phi tội phạm hóa) và *giảm nhẹ* hình phạt đối với những trường hợp chuẩn bị phạm tội XPSH. Cụ thể khoản 2 Điều 14 BLHS quy định *chỉ chuẩn bị phạm tội XPSH là tội cướp tài sản* (Điều 168); *tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản* (Điều 169) mới phải chịu trách nhiệm hình sự còn chuẩn bị phạm các tội XPSH khác thì *không* phải chịu trách nhiệm hình sự. [100, tr.64] Mức độ hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội tội cướp tài sản (Điều 168) và tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169) trong BLHS năm 2015. Cụ thể: theo BLHS năm 2015 quy định người chuẩn bị phạm tội cướp tài sản (khoản 5 Điều 168) và tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (khoản 5 Điều 169) thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Cho thấy, BLHS năm 2015 đã quy định xử lý khoan hồng hơn đối với các trường hợp chuẩn bị phạm tội XPSH. [100, tr.64]. Tuy

nhiên, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có các quy định về hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội XPSH do NCTN thực hiện, đối với đối tượng này hình phạt mang tính giáo dục cao nên tránh các hình phạt tù đến mức tối đa, hình phạt chính là cải tạo không giam giữ, giáo dục thông qua giám sát của địa phương, gia đình, nặng hơn thì vào trường giáo dưỡng.

Thứ ba, Bổ sung các dấu hiệu định khung BLHS năm 2015 đã quy định một loạt các dấu hiệu định tội thành dấu hiệu định khung trong trường hợp tài sản bị xâm phạm dưới định khung nhưng có các dấu hiệu định tội này. Cụ thể là các dấu hiệu định tội: “a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm*;b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*;c) *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*;d) *Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại*” được nhà làm luật sử dụng tiếp tục làm dấu định khung tăng nặng tại các khoản 2, 3, 4 trong trường hợp tài sản bị xâm phạm dưới định khung các Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172); Tội trộm cắp tài sản (Điều 173); Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174); Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178). [100, tr.65] Bổ sung thêm các dấu hiệu định khung khác như: Phạm tội đối với người dưới 14 tuổi; trẻ em, người già yếu bị lợi dụng bởi các băng nhóm có tổ chức.

Thứ tư, các điểm mới về hình phạt đối với các tội XPSH Quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với một số tội phạm. Đây bước cụ thể hóa chủ trương mở rộng áp dụng hình phạt không tước tự do nói chung và hình phạt tiền nói riêng được nêu tại Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với một số tội phạm này nhằm mục tiêu cải cách tư pháp về giảm việc áp dụng hình phạt tù, nhưng vẫn đảm bảo được tính răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, phải đề ra mức phạt tiền cụ thể là bao nhiêu đối với từng trường hợp phạm tội khác nhau. Bởi lẽ, trong thực tế, nhiều trường hợp NCTNPT XPSH như

trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với NCTN.

BLHS không áp dụng hình phạt tử hình, tù chung thân đối với NCTN và BLHS năm 2015 đã sửa đổi hình phạt cao nhất của một số tội đã được sửa đổi theo hướng giảm nhẹ mức hình phạt cụ thể: Bỏ hình phạt tử hình ở tội cướp tài sản (Điều 168); Bỏ hình phạt chung thân ở tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), tội trộm cắp tài sản (Điều 173); tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175); Giảm mức hình phạt cao nhất của tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản là tù có thời hạn từ 3 năm xuống còn 2 năm. Các quy định nêu trên thể hiện xu hướng xử lý khoan hồng của nhà làm luật đối với các tội XPSH qua quy định về giảm hình phạt cũng như các quy định đã nêu [126, tr.50-60]. Đối với NCTNPT XPSH thì hình phạt tiền không thể giáo dục, răn đe các em. Theo BLHS năm 2015 các tội XPSH thường áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nhưng hình phạt này thì từ phía gia đình các em thi hành, trong khi các em vẫn chưa nhận thức được hành vi của mình là sai trái. Chính vì vậy, đối với các tội XPSH do NCTN thực hiện cần có quy định cụ thể đối với đối tượng này, như: Đưa các em vào trường giáo dưỡng, giáo dục tại địa phương dưới sự quản lý của chính quyền, gia đình, các đoàn thể. Về phía Nhà trường phải có các chương trình tuyên truyền, giáo dục đạo đức, pháp luật cho các em, đặc biệt là những em đã có những hành vi vi phạm pháp luật, giúp các em nhận thức được hành vi của mình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

+Hoàn thiện cơ sở chính trị - pháp lý phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.

Xây dựng chương trình chuyển tiếp sau khi chấp hành xong án phạt tù, chuẩn bị kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tái hòa nhập cộng đồng của người mãn hạn tù.

Theo quy định của BLHS hiện hành, đa số các chế tài áp dụng đối với NCTN không mang tính giam giữ, bao gồm: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ và biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Điều này phù hợp với mục tiêu trong chính sách xử lý NCTNPT của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho NCTN

được cải tạo và sửa chữa lỗi lầm trong môi trường bình thường tại cộng đồng. Tuy nhiên, do BLHS giới hạn phạm vi áp dụng các chế tài này, thông thường chỉ đối với tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, vì vậy cả 04 chế tài đều không thể áp dụng đối với đối tượng là NCTN. Điều 12, Khoản 2, tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định: “Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người....tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Theo điều luật đối tượng này chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản, Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản). Do đó, hình phạt áp dụng đối với NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ bao gồm 02 chế tài tước tự do: hình phạt tù có thời hạn hoặc biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Nên bổ sung khoản 3 Điều 12 đề cập trực tiếp là: “Người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự” để loại trừ trách nhiệm hình sự cho đối tượng này, như vậy căn cứ vào nội cho thấy sự thống nhất giữa Điều luật này với một số tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS.

Trên tinh thần đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho NCTN tái hoà nhập cộng đồng, cùng với việc thay đổi chính sách về xoá án tích nói chung, BLHS đã sửa đổi, bổ sung quy định về xoá án tích đối với NCTN theo hướng:

Một là, quy định rõ đối với NCTN bị kết án chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xoá án tích, không kể là các em bị kết án về tội gì.

Hai là, quy định rõ NCTN bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do cố ý thì không bị coi là có án tích. Chỉ NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý mới bị coi là có án tích và được đương nhiên xoá án tích nếu trong thời hạn 03 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới theo bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Ban hành quy chế phối hợp trong việc trả tự do cho người chấp hành xong hình án phạt tù và địa phương nơi tiếp nhận họ trở về:

Thực tiễn xử lý NCTNPT cũng cho thấy, chế tài áp dụng đối với họ chủ yếu là hình phạt tù⁵, tuy nhiên, tỉ lệ tái phạm trong lứa tuổi vị thành niên lại chiếm tỉ lệ cao⁶. Điều này đặt ra yêu cầu về việc xem xét lại cách thức xử lý NCTNPT ở nước ta để bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Bên cạnh đó, những bất cập trong công tác giáo dục, cải tạo người bị kết án phạt tù cũng gây nhiều tác động tiêu cực đến khả năng phục hồi của NCTN. Việc cách ly khỏi xã hội cũng ảnh hưởng tiêu cực, khiến các em có cảm giác bị bỏ rơi, bị đẩy ra lề xã hội, đồng thời có thể gây ra sự kỳ thị, xa lánh của cộng đồng đối với các em. Đây chính là những trở ngại đối với quá trình phục hồi và tái hoà nhập của NCTNPT.

-Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố cần kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động phòng ngừa tội XPSH do NCTN thực hiện.

Đề xuất các kiến nghị sửa đổi quy định về miễn trách nhiệm hình sự điều 69 BLHS năm 1999, được sửa đổi thành Điều 29 căn cứ miễn trách nhiệm hình sự, BLHS năm 2015.

Điểm a, khoản 2, Điều 91 BLHS năm 2015 quy định việc miễn trách nhiệm hình sự đối với NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng mà gây thiệt hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trừ trường hợp quy định tại Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại khoản 2, Điều 12 BLHS trừ trường hợp quy định tại Điều...168 (tội cướp tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản) và được gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục và quy định này tạo tiền đề, định hướng cho việc xử lý chuyển hướng, là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan tiến hành tổ tụng xem xét đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và giao NCTNPT cho gia đình, tổ chức tại cộng đồng thực hiện việc giám sát, giáo dục mà không cần tiếp tục xử lý hình sự. Tuy nhiên, đây không phải là biện pháp xử lý chuyển hướng theo đúng nghĩa và chế định này cũng bộc lộ nhiều bất

⁵ Theo Báo cáo của Toà án nhân dân tối cao: Năm 2007, số người chưa thành niên phạm tội bị tuyên phạt tù có thời hạn là 2.934/5.466 bị cáo, chiếm 53,7%; năm 2008, số người chưa thành niên bị tuyên phạt tù có thời hạn là 2.337/4.581 bị cáo, chiếm 51%, và năm 2009, số lượng này là 2.211/3.897 bị cáo, chiếm 56,7%.

⁶ Theo số liệu năm 2010 của Bộ Công an, tỉ lệ tái phạm của người chưa thành niên là 44%.

cập. Để khắc phục những bất cập nêu trên, đồng thời thực hiện chủ trương nhân đạo hóa, tăng tính hướng thiện trong chính sách xử lý hình sự, nhất là đối với đối tượng cần bảo vệ đặc biệt là NCTN theo hướng sớm đưa các em ra khỏi vòng tố tụng khi có điều kiện để tránh những tác động tiêu cực không cần thiết thì một trong những giải pháp là nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 91 BLHS theo hướng quy định các biện pháp thay thế xử lý hình sự đối với NCTNPT theo hai hướng cơ bản sau đây

Phương án 1. Khi có đủ điều kiện luật định thì cơ quan tiến hành tố tụng đang tiến hành tố tụng đối với vụ án áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự (xử lý chuyển hướng) đối với NCTNPT. Điều kiện áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự:

Về loại tội: Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do vô ý; người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, trừ tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội mua bán trẻ em, tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội sản xuất trái phép chất ma túy, tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy, tội chiếm đoạt chất ma túy; người chưa thành niên là người đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Phạm tội lần đầu, có thái độ hối cải, thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác.

Cùng với việc sửa đổi nguyên tắc này, các biện pháp thay thế xử lý hình sự cụ thể được quy định tại Mục B, Chương XII, dự thảo BLHS, bao gồm: khiển trách, hoà giải và giao cho gia đình, cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục. Đây là những biện pháp giáo dục - phòng ngừa mang tính xã hội đối với NCTN, giúp NCTN được giáo dục, cải tạo trong môi trường bình thường, tạo điều kiện giải quyết các nguyên nhân sâu xa dẫn đến hành vi vi phạm, tăng khả năng phòng ngừa tái phạm.

Áp dụng biện pháp thay thế phải chấp hành các nghĩa vụ: đền bù thiệt hại, tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa

phương; tham gia lao động với hình thức phù hợp; trường hợp NCTN nghiện rượu, nghiện ma túy thì phải cai nghiện.

Quy định, trường hợp, NCTN được áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự cố tình không thực hiện các nghĩa vụ thì cơ quan đã áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp này và thủ tục tổ tụng hình sự đối với người đó được tiến hành theo quy định chung.

Phương án 2: chính lý theo hướng, NCTNPT thuộc một trong các trường hợp nêu tại Phương án 1 có thể được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và giao cho gia đình, cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục, nếu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. Đồng thời để tăng hiệu quả áp dụng quy định này, dự thảo Bộ luật bổ sung 01 điều quy định về việc giao NCTN cho gia đình, cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục và các nghĩa vụ của NCTN.

4.2.2. Tăng cường lực lượng phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Tăng cường nguồn nhân lực phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện

Nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn của các chủ thể là một trong những biện pháp nâng cao nguồn lực quan trọng nhất; biết luật, hiểu luật sẽ giúp cho việc tuyên truyền, phòng ngừa được tốt hơn. Vì vậy, đòi hỏi các chủ thể phải chú ý quan tâm và thường xuyên thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả trên thực tế và trong lĩnh vực công tác của mình. Viện Kiểm sát và Tòa án là những chủ thể được trao thẩm quyền thay mặt Nhà nước thực hiện các hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm phải thường xuyên trau dồi tri thức của bản thân, tham gia học hỏi, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Ngoài trách nhiệm chứng minh tội phạm thì hai chủ thể này còn có trách nhiệm trong việc phòng ngừa NCTNPT.

Việc tuyên truyền pháp luật rộng rãi cho mọi người (đặc biệt là tầng lớp học

sinh, sinh viên, các bậc làm cha làm mẹ, người thân, những người có uy tín), cụ thể ở đây là pháp luật có liên quan đến phòng ngừa NCTNPT để mọi người nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng ngừa, từ đó tích cực tham gia vào công tác phòng ngừa NCTNPT. Đối với học sinh, tổ chức các buổi ngoại khóa về luật pháp Việt Nam tại trường, nên tổ chức mỗi năm 2 lần để các em nắm bắt được tốt hơn tình hình những NCTN như các em vi phạm pháp luật như thế nào, nguyên nhân từ đâu, giúp các em mở mang kiến thức, nhận thức để có những biện pháp tự phòng ngừa cho bản thân. Về phía các bậc phụ huynh, người thân, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện mở các lớp học về pháp luật (luật liên quan đến NCTNPT) cho các cán bộ ở (ấp, khu phố), những người này sẽ trực tiếp tuyên truyền những luật đó đến với người dân, đặc biệt là các bậc phụ huynh, người thân của các em. Các bậc phụ huynh nhận thức được những nguyên nhân nào dẫn đến việc con em mình phạm tội, những đối tượng nào gây ra nguy hiểm cho các em để có những biện pháp ngăn chặn tốt nhất, dạy dỗ, chăm sóc các em tốt hơn, không để xảy ra những trường hợp đáng tiếc.

Thẩm phán, Hội thẩm là những người phải có kiến thức sâu rộng về luật pháp và là người đưa ra những phán quyết cuối cùng để định tội các bị cáo. Đây là một việc hết sức quan trọng, quyết định này ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống hiện tại và sau này của các bị cáo (đặc biệt đối tượng là NCTN), chính vì vậy Thẩm phán, Hội thẩm không ngừng nâng cao kiến thức, bám sát với thực tế, thông qua các trải nghiệm, kinh nghiệm công việc trước đây để thực hiện công tác phán quyết một cách công bằng và chính trực nhất. Những NCTN chưa phát triển hoàn thiện về thể chất cũng như tinh thần nên rất dễ bị tổn thương, dễ bị dụ dỗ và không biết được hành vi của mình là sai trái. Vì vậy, những vấn đề liên quan đến NCTNPT cần được làm rõ và hết sức thận trọng trong việc xét xử, thực hiện xét xử lưu động, công khai mang tính giáo dục cao, nhưng sẽ làm cho tâm lý của các em sau này mặc cảm với mọi người. Do đó, quan trọng là giúp cho NCTN thấy rõ được lỗi, hành vi sai trái của mình, các chủ thể như: gia đình, nhà trường thấy rõ được trách nhiệm trong việc giáo dục, chăm sóc các em.

Lực lượng Công an là chủ thể trực tiếp, nòng cốt trong việc phòng ngừa

NCTNPT. Chủ thể được trao thẩm quyền bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, đảm bảo sự ổn định chính trị và các quyền tự do dân chủ của công dân, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, của xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi lực lượng Công an phải không ngừng trau dồi tri thức của bản thân, nâng cao nghiệp vụ, tham gia học hỏi, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, phòng ngừa, ngăn chặn các loại tội phạm (đặc biệt là người chưa thành niên phạm tội).

Chủ thể mang trách nhiệm nặng nề và quan trọng nhất trong việc phòng ngừa NCTNPT là nhà trường và gia đình. Hai chủ thể này phải được trau dồi kiến thức về luật pháp Việt Nam, đặc biệt là những luật liên quan đến NCTNPT. Gia đình và Nhà trường là những chủ thể tác động trực tiếp đến nhận thức, cũng như tâm sinh lý của NCTN, một phần nguyên nhân dẫn đến việc NCTNPT cũng từ phía gia đình và nhà trường. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc NCTNPT, việc làm thiết yếu nhất là phải giúp cho hai chủ thể này hiểu rõ được trách nhiệm quan trọng của mình, có những biện pháp, cách giáo dục tốt nhất cho các em, giúp các em nhận thức được việc làm đó là đúng hay sai, tránh xa những lời dụ dỗ, những cám dỗ xung quanh các em. Một khi các bậc cha mẹ, người thân, nhà trường hiểu rõ được việc phòng ngừa NCTNPT có tầm quan trọng như thế thì việc giáo dục, chăm sóc các em mang lại hiệu quả cao hơn, giảm được trường hợp NCTN vi phạm pháp luật và đó chính là mục đích chính của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới đất nước.

Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện.

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm xâm phạm sở hữu, cần có sự phối hợp hoạt động giữa các chủ thể phòng ngừa hiệu quả hơn:

Một là, Công an các đơn vị, địa phương tích cực tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể có liên quan tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh

đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”; triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Xây dựng các kế hoạch chuyên đề về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tập trung trấn áp tội phạm trộm cắp, cướp, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản...

Hai là, nâng cao hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng công an, nhất là công tác sưu tra, xác minh hiềm nghi và xây dựng, sử dụng mạng lưới cộng tác viên bí mật, quản lý chặt chẽ di biến động của các loại đối tượng, đảm bảo các đối tượng có điều kiện, khả năng phạm tội cũng như có biểu hiện nghi vấn phạm tội xâm phạm sở hữu đều được đưa vào diện quản lý; kịp thời bố trí mạng lưới cộng tác viên bí mật theo dõi, giám sát di biến động của đối tượng không để chúng hình thành băng, nhóm và kịp thời phát hiện, ngăn chặn khi gây án; chủ động xác lập các chuyên án để tập trung lực lượng, áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh, điều tra, triệt phá các băng nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu. Đồng thời phối hợp với các đoàn thể, hội viên của các đoàn thể để công tác phòng ngừa hiệu quả hơn, nắm bắt rõ các thông tin về đối tượng thông qua đoàn thể ở địa phương đó để có những phương án phòng ngừa, quản lý chặt chẽ hơn.

Ba là, tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, nhất là lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm, tội phạm XPSH với lực lượng Công an cơ sở quản lý chặt chẽ địa bàn, tăng cường công tác quản lý nhân hộ khẩu, quản lý chặt chẽ, nắm chắc biến động của các loại đối tượng, các đối tượng hoạt động lưu động. Thường xuyên thông báo, trao đổi cập nhật thông tin kịp thời về di biến động của các đối tượng này.

Bốn là, tổ chức tốt công tác trực ban, trực chiến, tiếp nhận thông kê vụ việc, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 06/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC, ngày 02/8/2008 hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kịp thời xác minh, điều tra khi nhận được tin báo, tố giác tội phạm xâm phạm sở hữu

nhất là tội phạm trộm cắp, cướp, cướp giật, lừa đảo và cưỡng đoạt tài sản... không để xảy ra tình trạng giấu vụ việc, không đưa vào thống kê, báo cáo, không tổ chức xác minh, kiểm tra, điều tra khi nhận được tin báo, tố giác tội phạm.

Năm là, đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm xâm phạm sở hữu nhất là phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản..., đặc biệt là những phương thức, thủ đoạn mới cho người dân, các cơ quan, doanh nghiệp, các điểm kinh doanh... thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp tổ dân phố, phát tờ rơi, tờ bướm... và thông báo bằng văn bản các thủ đoạn mới cho Công an các địa phương để chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa; tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác, phòng tội phạm xâm phạm sở hữu, củng cố, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự. Đẩy mạnh phong trào quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào phòng chống tội phạm, tích cực tố giác tội phạm

4.2.3. Tăng cường triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Tăng cường biện pháp ngăn ngừa trước không để các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện xảy ra.

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra và tiến hành những biện pháp kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm. Phòng ngừa các tội XPSH có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ con người, bảo vệ quyền sở hữu và mang tính nhân đạo sâu sắc. Phòng ngừa các tội XPSH còn mang ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đảm bảo uy tín của Đảng và Nhà nước. Chính quyền thành phố Hồ Chí Minh mặc dù đã có những chủ trương, chính sách mang tính đột phá trong hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XPSH do NCTNPT nhưng để tạo cơ sở cho các chủ thể chuyên trách tiến hành các hoạt động phòng ngừa các tội XPSH này Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cần chủ động hơn nữa trong việc ban hành các chủ trương chính sách phòng ngừa các tội phạm XPSH,

đặc biệt là có chỉ đạo, quy định trực tiếp về phòng ngừa các tội XPSH do NCTNPT. Với những đặc thù về dân cư, xã hội của một thành phố lớn nhất cả nước, thành phố Hồ Chí Minh có thể linh hoạt ban hành các chủ trương, chính sách nhằm phòng ngừa các tội XPSH thực hiện đề án “Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên”. Trang bị lắp đặt camera an ninh, trên địa bàn thành phố, tích hợp về công an thành phố và công an quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

Tăng cường các biện pháp mang tính kinh tế - xã hội

Trong công cuộc Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước, sự giao thương về văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội giúp nâng cao đời sống của người dân, tạo ra môi trường sống tốt đẹp hơn, hệ thống giáo dục cải thiện, mọi người đều có học thức nên tạo ra ứng xử có văn hóa giữa người với người. Tuy nhiên, nó cũng có những mặt trái, bởi vì phát triển kinh tế-xã hội cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội, tội phạm ngày càng tinh vi và phức tạp, phạm vi phạm tội xuyên quốc gia gây rất nhiều khó khăn trong việc phòng ngừa. Vậy nên vai trò của các cơ quan, tổ chức Đảng và chính quyền các cấp là vô cùng lớn. Các giải pháp loại trừ các tội XPSH do NCTN thực hiện của chủ thể này như sau:

Rút ngắn khoảng cách phân hóa giàu nghèo giữa các nhóm dân cư. NCTNPT XPSH ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đa số là những em có hoàn cảnh khó khăn, không có đủ điều kiện về vật chất, nảy sinh ganh tị với các bạn cùng trang lứa khác nên dẫn đến hành vi phạm tội. Vì vậy, giải pháp này rất cấp thiết hiện nay, khoảng cách giàu nghèo ở nước ta đã và đang được rút ngắn lại giúp các em đều được đến trường, không có tình trạng thất học, bỏ học giữa chừng, điều kiện vật chất đầy đủ để các em có thể phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần.

Đối với những em có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm việc để kiếm thêm thu nhập cho gia đình thì tạo công ăn việc làm, cho các em học tại các lớp dạy nghề tại các Trung tâm không thu học phí, tạo việc làm sau khi thành nghề nhằm giúp phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống cho các em.

Mật độ dân số ở thành phố Hồ Chí Minh ngày một tăng, số lượng người từ các tỉnh, thành khác đến ngày một nhiều, tạo cơ hội cho các tội cướp giật, móc túi trên

địa bàn thành phố. Vì vậy phải đưa ra các chủ trương, chính sách, các kế hoạch để làm giảm mật độ dân số ở khu vực trung tâm này. Tránh gia tăng dân số về cơ học, hạn chế căn bệnh “to đầu” ở đô thị.

Thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo đa chiều, an sinh xã hội được đảm bảo, tạo công ăn việc làm để nâng cao hiệu quả các giải pháp phòng ngừa.

Phải có các biện pháp đảm bảo cho người chưa thành niên được đến trường.

Các biện pháp mang tính văn hóa, giáo dục, tâm lý – xã hội

Nhóm thứ nhất: các biện pháp mang tính văn hóa, giáo dục, tâm lý – xã hội hướng đến các cá nhân nói chung

Đoàn thanh niên thành phố, Hội liên hiệp phụ nữ thành phố, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi phải thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật, đạo đức cho NCTN. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức các chương trình hành động như: Thanh niên làm theo lời Bác, Thanh niên tình nguyện, Thanh niên với pháp luật, Thanh niên thành phố Hồ Chí Minh trong công tác phòng chống tội phạm... Những hoạt động này giúp cho đoàn viên có những trải nghiệm sống tốt hơn, lối sống lành mạnh, biết giúp đỡ mọi người, hiểu luật và áp dụng luật, tạo ra ý tưởng thanh niên vững vàng. Hội liên hiệp phụ nữ có vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ phụ nữ và trẻ em, khi trẻ em có những hành vi đáng ngờ Hội liên hiệp phụ nữ có trách nhiệm ngăn cản, khuyên can, khuyến khích các em hoàn lương, giáo dục đạo đức và cách ứng xử cho các em. Hội cựu chiến binh và người cao tuổi là những tấm gương sáng cho các em noi theo.

Nhóm thứ hai: các biện pháp mang tính văn hóa, giáo dục, tâm lý xã hội hướng đến các đối tượng có nguy cơ cao

Nhà trường cần có các biện pháp nâng cao và phát triển nhân cách, tài năng cũng như các khả năng về vật chất và tinh thần của NCTN. Cung cấp những thông tin và hướng dẫn về dạy nghề, tìm việc làm phát triển nghề nghiệp. Tích cực giúp đỡ về tình cảm, tránh ngược đãi về tâm lý đối với NCTN.

Đưa các nội dung về pháp luật, kỹ năng mềm về tình hình tội phạm vào chương trình giảng dạy của các bậc học, theo độ tuổi mà tăng độ khó. Ngày nay, các trường đã và đang thực hiện các chương trình tuyên truyền pháp luật, nhưng

không thường xuyên nên hiệu quả và mức độ tiếp thu của học sinh không cao. Chính vì vậy, ngành giáo dục, nhà trường phải xây dựng một nội dung giáo dục pháp luật như là một môn học, tổ chức giảng dạy ở mọi cấp học, chú ý nội dung pháp luật phải phù hợp với từng độ tuổi, từng cấp học và lớp học, Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Trường Đại học Luật...tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề pháp luật, các phiên tòa giả định để các em ý thức pháp luật, tuân thủ pháp luật.

Nhà trường và gia đình cần kết hợp chặt chẽ với nhau để giáo dục con em mình tốt hơn. Gia đình là một tế bào của xã hội, tế bào này phải phát triển lành mạnh thì toàn xã hội mới lành mạnh. Muốn gia đình có lối sống lành mạnh thì các thành viên trong gia đình đều có đạo đức tốt, lối sống tốt. Các bậc phụ huynh, ông bà, người thân phải trở thành tấm gương sáng cho con em mình học tập; giành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc tâm sự với các em để hiểu được tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn mà các em đang gặp phải, giúp các em giải quyết vấn đề để tạo cho các em cảm giác an toàn, tin cậy, hạnh phúc.

Ở nhà trường, thầy cô quan tâm đến học sinh, bạn bè hòa đồng, cùng nhau phấn đấu học tập. Đối với những em có những hành vi khả nghi nhà trường cần có biện pháp để chấn chỉnh ngay, có thể nói chuyện cùng các em, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hành động đó của các em, phối hợp với lực lượng công an để giúp các em trở lại với cuộc sống hằng ngày, cùng vui chơi, giải trí, hòa đồng với các bạn đồng trang lứa. Đối với những em nằm trong danh sách tái hòa nhập với cộng đồng, Nhà trường cần có những giải pháp để tránh tình trạng các em bị thầy cô, bạn bè xa lánh, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý của các em. Phải làm sao tạo ra một môi trường giáo dục thân thiện, thầy cô hết lòng vì học sinh, bạn bè vui vẻ với nhau đó là mục tiêu lớn nhất mà Nhà trường cần thực hiện. Nhà trường cần nâng cao nhận thức cho các em về pháp luật, về vấn đề tái hòa nhập của NCTN giúp các em hiểu rõ hơn về công tác này và hợp tác với Nhà trường để mang lại hiệu quả tốt.

Các biện pháp tổ chức, quản lý xã hội

Là những chủ thể trong đấu tranh chống tội phạm, giữ vai trò trọng yếu trong

tham mưu, hướng dẫn và trực tiếp tổ chức hoạt động phòng ngừa tội phạm (trong đó có tội phạm là NCTN). Những chủ thể này có nhiệm vụ trực tiếp phát hiện, điều tra làm rõ hành vi phạm tội của NCTN để áp dụng các biện pháp cần thiết trong tố tụng, xét xử hoặc đưa vào các trường giáo dưỡng để cải tạo, giáo dục, rèn luyện, thể hiện các biện pháp riêng có của mình để phòng ngừa chung và phòng ngừa cá biệt. Cụ thể như sau:

Hoàn thiện các hệ thống pháp luật về thi hành án nói chung và đối với người chưa thành niên nói riêng

Quy định các thủ tục tố tụng đối với nạn nhân, nhân chứng là trẻ em trong BLTTHS, chẳng hạn như: khi tiến hành lấy lời khai phải có người thân của các em bên cạnh, tạo được tâm lý thoải mái nhất cho các em...

Thành lập Tòa án chuyên biệt để xét xử những vụ án liên quan đến NCTN. Mặc dù hiện nay theo quy định của pháp luật, ngành tòa án đã tổ chức thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên ở cấp tỉnh, thành phố, còn cấp quận, huyện thì chưa đề cập. Các thẩm phán vẫn xử tất cả các vụ hình sự, dân sự, hành chính, lao động, hôn nhân gia đình theo kinh nghiệm và theo sự phân công của Chánh án Tòa án quận, huyện. Do đó, vẫn chưa có thẩm phán chuyên trách, được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng, tâm sinh lý của NCTN. Vì vậy, tác giả luận án vẫn kiến nghị thành lập tòa chuyên trách về NCTN; đồng thời, cần đào tạo, bổ nhiệm Chủ thể này phải có chuyên môn chuyên sâu chỉ riêng về đối tượng là NCTN, khi đó xét xử các vụ án liên quan đến NCTN phạm tội sẽ dễ dàng hơn và có độ chính xác cao hơn.

Quy định quyền cho người từ 14 tuổi trở lên phải được cấp Chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân), phù hợp với độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo BLHS năm 2015 mà không bị lệ thuộc vào hộ khẩu. Một trong những nguyên nhân phạm tội của các tội XPSH ở NCTN là thất học, một trong nguyên nhân thất học là, muốn được đi học thì phải có khai sinh, điều kiện đăng ký khai sinh là phải có nơi cư trú (có nhà ở hợp pháp, hoặc tạm trú được chủ nhà bảo lãnh) các em không có khai sinh, nguyên do là không có hộ khẩu, điều kiện có hộ khẩu là phải có nhà ở hợp pháp và điều kiện cấp giấy chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân)

là phải có nhà. Do đó, các em không được đến trường và dẫn đến mù chữ.

Lực lượng công an, dân quân, dân phòng tăng cường công tác tuần tra, mật phục, kiểm soát thường xuyên, đột xuất để giữ gìn trật tự ở các khu vực.

Nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của Tòa án nhân dân, tổ chức tốt công tác xét xử đối với tội phạm do NCTN thực hiện và triển khai thực hiện có hiệu quả biện pháp đưa vào trại giáo dưỡng áp dụng đối với NCTN có hành vi vi phạm pháp luật.

+ *Nhóm các biện pháp phát hiện, xử lý tội phạm nhằm phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện*

Các biện pháp phát hiện tội phạm là giải pháp thực hiện kịp thời việc ngăn chặn, cản trở không cho tội phạm thực hiện đến cùng. Thường các tội về XPSH diễn ra rất nhanh chóng, nên các giải pháp ngăn chặn không cho tội phạm thực hiện đến cùng là rất khó, nhưng giai đoạn này đóng vai trò hết sức quan trọng, vì nếu thực hiện được giải pháp thì sẽ giảm được mức thiệt hại về tài sản, bắt được phạm pháp quả tang nên không mất thời gian trong việc tìm kiếm tội phạm. Cụ thể đối với các chủ thể phải có những hành động như sau:

Về phía gia đình, khi thấy con em mình có những hành động khả nghi, lén lút hay tàng trữ vũ khí thì phải tra hỏi ngay để chặn đứng hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hiện nay các bậc phụ huynh giành quá ít thời gian để chăm sóc con cái nên không thể quan sát, giám sát con mình kỹ càng, dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật của các em. Cũng vì lẽ đó mà công tác tuyên truyền cần được thực hiện nhanh chóng để các bậc phụ huynh giác ngộ và kịp thời giáo dục, quan tâm con em mình.

Lực lượng công an, dân quân tự vệ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi các đối tượng có những hành động khả nghi, mang theo vũ khí để kịp thời phát hiện và ngăn chặn. Ngoài ra, lực lượng này phải đi đầu trong công tác hướng dẫn người dân về pháp luật, giúp họ nâng cao ý thức cảnh giác, khi phát hiện có những hành vi đáng ngờ phải báo ngay cho cơ quan công an.

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập các mô hình tự quản (xe ôm tự quản, thanh niên xung kích...), đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ cho những người tham gia mô hình đó để phối hợp cùng với lực lượng công an thực hiện công tác ngăn chặn kịp

thời không cho hành vi vi phạm xảy ra đến cùng.

+ *Nhóm các biện pháp quản lý, giáo dục, cải tạo người mãn hạn tù trở về địa phương, tù hưởng án treo, người vi phạm pháp luật khác*

Theo nghiên cứu, đối với NCTNPT có rất ít trường hợp tái phạm nhưng vẫn phải đưa ra các giải pháp ngăn ngừa để tạo ra một hệ thống đồng bộ, thống nhất của các giải pháp ngăn chặn.

Về cơ quan tổ tụng: Viện Kiểm sát, Tòa án, Lực lượng công an, Sở Tư pháp là những cơ quan có vai trò quan trọng trong việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Việc xét xử đối với NCTN phạm tội phải đặt mục đích giáo dục lên hàng đầu, các cơ quan này ngoài việc tuân thủ pháp luật thì còn phải thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục giúp các em nhận thức được hành vi sai trái, thấy được tính nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật. Do đó, bản án phải công tâm, áng văn trong sáng, dễ hiểu, thấu tình đạt lý để các em thấy được hành vi phạm tội và hậu quả phải gánh chịu là tương xứng; thấy được chính sách pháp luật nhân đạo của Đảng, nhà nước đối với NCTN. Phải hướng dẫn rõ cho các em biết nếu tái phạm thì mức án phạt sẽ như thế nào đối với hành vi sai trái đó. Đối với các em ở trong trại và trường giáo dưỡng cần giáo dục đạo đức, điều chỉnh hành vi xử sự của các em, dạy học, dạy nghề giúp các em nhận thức được những điều tốt đẹp trong xã hội để trở thành công dân tốt.

Về chính quyền các cấp: phải tạo điều kiện tốt nhất cho các em trong công tác tái hòa nhập cộng đồng. Chính quyền các cấp phải xem công tác này là quan trọng và là mục tiêu để hoàn thiện giải pháp ngăn chặn không cho tái phạm. Ở địa phương, các cấp phải ban hành các chương trình hành động, hội thảo, chuyên đề, để người dân địa phương hiểu không phân biệt đối xử các em để các em không cảm thấy mặc cảm với xã hội. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia để giải pháp đạt được hiệu quả tốt. Thành lập trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp dành riêng cho các đối tượng tái hòa nhập cộng đồng.

Đối với gia đình, các tổ chức xã hội và cộng đồng: Những chủ thể trực tiếp giúp đỡ, quản lý và giám sát NCTN sau khi thực hiện xong hình phạt. Sự phối hợp giữa các chủ thể giữ vai trò hết sức quan trọng, gia đình cần quan tâm hơn nữa đến

các em, chăm sóc các em, tạo cho các em lối sống lành mạnh để các em không tự ti sau khi thi hành án. Xã hội là cái nôi lớn, đóng vai trò thiết yếu trong vấn đề giáo dục con người, phải tạo ra môi trường thân thiện, không nên chỉ trích quá gay gắt những hành vi sai trái khi NCTNPT nhằm giúp các em hòa nhập với mọi người xung quanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trong chương này, tác giả nêu ra các đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội XPSH do NCTNPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tiên, hoàn thiện các quan điểm pháp luật về quyền của NCTNPT và các điều luật đối với tội XPSH nhằm phòng ngừa tình hình tội XPSH do NCTN thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh, trong phần này tác giả chỉ ra được những điểm còn thiếu sót trong các quy định của BLHS năm 2015 về quyền của NCTNPT và các quy định về tội XPSH; đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung trong các điều luật, nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa. Tiếp theo, tác giả hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện bao gồm các giải pháp về ngăn chặn và các giải pháp loại trừ. Nêu rõ vai trò của từng chủ thể, chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của NCTN, các chủ thể nên làm gì để ngăn ngừa và loại trừ tình hình đó. Cuối cùng, tác giả đề cập đến việc nâng cao nguồn lực phòng ngừa tình hình, nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn, giáo dục ý thức NCTN và đặc biệt là thành lập Toà chuyên trách về NCTN. Chương 4 nhằm tăng cường các hoạt động phòng ngừa NCTNPT XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, mang lại kết quả cao trong công tác phòng chống tội phạm ở NCTN.

KẾT LUẬN

Mục tiêu xuyên suốt của luận án là đánh giá được thực trạng sử dụng các biện pháp phòng ngừa của các chủ thể phòng ngừa, từ chủ thể lãnh đạo, chủ thể thực hiện đã tổng kết các giải pháp phòng ngừa mà thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng từ 2007 đến 2015. Thông qua thực trạng đó để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng NCTNPT XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và trên cả nước nói chung trong thời gian tới.

Từ Chương 2 của luận án đã giải quyết những vấn đề cơ bản về lý luận phòng ngừa tình hình các tội XPSH, bao gồm: các khái niệm, đặc điểm, bản chất của phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện, ý nghĩa của những biện pháp phòng ngừa đó. Xác định các nguyên tắc của phòng ngừa tình hình các tội XPSH, đó là nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc dân chủ, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc khoa học tiến bộ, nguyên tắc phối hợp chặt chẽ hoạt động của các chủ thể phòng ngừa, nguyên tắc cụ thể của hoạt động phòng ngừa và xác định các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH được xác định tùy thuộc vào các tiêu chí khác nhau. Xác định các chủ thể phòng ngừa tình hình các tội XPSH bao gồm các chủ thể lãnh đạo về đường lối chủ trương và các chủ thể triển khai kế hoạch phòng ngừa tình hình tội phạm.

Qua nghiên cứu thực trạng về tình hình tội phạm XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2007 đến 2015 cho thấy tình hình tội phạm diễn biến phức tạp. NCTNPT chủ yếu ở các tội trộm cắp tài sản, cướp và cướp giật tài sản. Người phạm tội thường là Nam giới và có xu hướng ngày càng trẻ hoá; trình độ học vấn thấp. Động cơ phạm tội chủ yếu nhằm thoả mãn các nhu cầu vật chất của bản thân. Đặc điểm thủ đoạn gây án của loại tội phạm này chủ yếu là mang tính cơ hội, lợi dụng sơ hở của nạn nhân để trộm cắp, cướp giật. Hai hướng phân tích trên là hai kênh phân tích quan trọng làm cơ sở để nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm XPSH do NCTN thực hiện nói riêng và cho các loại tội phạm nói chung.

Từ các kết luận trên, tác giả đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội XPSH do NCTNPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, hoàn thiện các quan điểm pháp luật về quyền của NCTNPT và các điều luật đối với tội XPSH nhằm phòng ngừa tình hình tội XPSH do NCTN thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh, trong phần này tác giả chỉ ra những điểm còn thiếu sót trong các quy định của BLHS năm 2015 về quyền của NCTNPT và các quy định về tội XPSH; đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung trong các điều luật được quy định nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa.

Thứ hai, tác giả hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình các tội XPSH do NCTN thực hiện bao gồm các giải pháp về ngăn chặn và các giải pháp loại trừ; nêu rõ vai trò của từng chủ thể, chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của NCTN, các chủ thể nên làm gì để ngăn ngừa và loại trừ tình hình đó.

Thứ ba, tác giả đề cập đến việc nâng cao nguồn lực phòng ngừa tình hình tội phạm, năng lực công tác, trình độ chuyên môn, giáo dục đạo đức, ý thức pháp luật NCTN của chủ thể phòng ngừa và đặc biệt là thành lập Toà chuyên trách về NCTN. Qua đó Luận án này giúp cho việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa tốt hơn trước đây.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. *Vai trò của giáo dục đối với các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, ISSN: 2354 – 0788, số 3 (07), tháng 9 năm 2015.
2. *Phối hợp của Trợ giúp pháp lý và phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông góp phần phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, ISSN: 2354 – 0788, số 01 (09), tháng 03 năm 2016.
3. *Giải pháp phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội xâm phạm sở hữu ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756 số 8, tháng 7 năm 2017
4. *Một số kiến nghị về tình hình phòng ngừa tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756 số 9, tháng 8 năm 2017
5. *Không có Chứng sinh, làm khai sinh sao?* Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ Tư, ngày 05/11/2014.
6. *Phải gỡ rối về giấy chứng minh cho trẻ*, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ Ba, ngày 24/02/2015
7. *Trợ giúp nhập hộ khẩu vẫn gặp khó*, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ Ba, ngày 16/6/2015.
8. *Không nhà, thiếu bảo lãnh: “Tắc” Chứng minh nhân dân, hộ khẩu*, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thứ Bảy, ngày 11/6/2016

THAM DỰ HỘI THẢO VÀ CÁC DỰ ÁN

1. Hội thảo đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ 2013- 2014 do Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức ngày 24/11/2014: “*Thực hiện dân chủ trực tiếp trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Đồng bằng sông Cửu Long*”. Tiến sĩ- Nguyễn Thị Thanh Thủy làm Chủ nhiệm.
2. Hội thảo trong khuôn khổ nhiệm vụ cấp Bộ “*Báo cáo tình hình kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*” do Viện khoa học Vùng Nam Bộ tổ chức ngày 15/12/2014 chủ đề: “*Thành phố Hồ Chí Minh- Liên kết và phát triển*”.
3. Hội nghị Tổng kết Dự án “*Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em tại cơ sở*” do Trung tâm công tác xã hội trẻ em thành phố thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 15/4/2016.
4. Hội thảo công bố báo cáo nghiên cứu: “*Hệ thống đăng ký Hộ khẩu ở Việt Nam*” do Ngân hàng Thế giới và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức ngày 21/6/2016.
5. Hội thảo khoa học quốc gia: “*Giảm nghèo đa chiều ở Thành phố Hồ Chí Minh - Vấn đề và triển vọng*” do Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ; Dự án Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh - UNDP tổ chức ngày 29/12/2016
6. Hội nghị Tổng kết Dự án: “*Dịch vụ hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em dễ bị tổn thương sống trong cộng đồng*” do Trung tâm công tác xã hội trẻ em Thành phố thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ chức WORLDWIDE ORPHANS FOUNDATION (WWO) tổ chức ngày 10/3/2017
7. Hội thảo khoa học, dự án “*Quản trị nhà nước nhằm tăng cường toàn diện*” do Bộ Tư pháp chủ trì với chủ đề “*Tăng cường tiếp cận công lý cho người nghèo và nhóm yếu thế, tòi gian*” tổ chức ngày 14-15/9/2017 tại Hà Nội.
8. Hội thảo “*Thực trạng hoạt động của các tổ chức INGOs tại TP. Hồ Chí Minh và giải pháp*” Mã số: ĐTĐL- XH.14/15 Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ phối hợp với Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới tổ chức, ngày 18/10/2017, tại TP. Hồ Chí Minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu Tiếng Việt

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc trong tình hình mới.*
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới.*
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Lưu hành nội bộ.
6. Ban chỉ đạo đề án IV, Bộ Công an, *Báo cáo sơ kết 5 năm (2006- 2010) Đề án IV Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm “Đấu tranh phòng chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên”*
7. Báo cáo chính trị, *Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2010- 2015*
8. Báo cáo chính trị (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khối dân-Chính-Đảng Thành phố lần thứ II, nhiệm kỳ 2015-2020.*
9. Lưu Hoài Bảo, (2014), *Một số giải pháp phòng chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện.* Tạp chí Kiểm Sát, Số 14/2014
10. Trần Hưng Bình (2013), *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
11. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2004) *Nghị quyết 40- NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác Công an trong tình hình mới.*

13. Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010 định hướng 2020*, Hà Nội.
14. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Bộ Công an (Báo cáo số 676/C45, 2013), *Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Tổng cục Cảnh sát Phòng, chống tội phạm, Cục Cảnh sát hình sự
16. Bộ Công an (2010), *Báo cáo sơ kết 5 năm (2006- 2010) Đề án IV Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm “Đấu tranh phòng chống các loại tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên”*.
17. Bộ công an (2005), *Cẩm nang pháp luật về quyền trẻ em*, Cục quản lý trại giam, Hà Nội.
18. Bộ Công an (2003), *Chỉ thị số 05/CT- BCA (C11) của Bộ trưởng Bộ Công an về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong tình hình mới*, Nxb. Hà Nội.
19. Bộ Công an (2007), *Điều lệnh cảnh sát khu vực*, NXB, Ba Đình, Hà Nội.
20. Bộ Công an (2003), *Quyết định số 360, 361, 362, 363/2003/QĐ-BCA (C11) của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra cơ bản, sưu tra, xác minh hiềm nghi, đấu tranh chuyên án và xây dựng, sử dụng mạng lưới bí mật của lực lượng cảnh sát nhân dân*, Hà Nội.
21. Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính (2007), *Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BCA-BQP-BTC ngày 07/6 hướng dẫn chế độ lao động, dạy nghề và sử dụng kết quả lao động của phạm nhân trong trại giam*, Hà Nội.
22. Bộ Công an (2004), *Thông tư số 22/2004/TT-BCA (V19) ngày 15/12 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
23. Bộ Công an (2008), *Thống kê của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh*.
24. Bộ luật dân sự của nước CHXH CNVN (2005), Nxb.Thống kê, Hà Nội.

25. Bộ luật hình sự năm 1999 (1999) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
26. Bộ luật hình sự năm 2015 (2015) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
27. Bộ luật Tổ tụng hình sự của nước CHXH CNVN (2003), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
29. Bộ Tư pháp (2012), *Đề cương định hướng sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự số 7724/ĐC-BSTBLHS(SĐ) ngày 24-9-2012 của Ban Soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Hà Nội.
30. Bùi Thành Chung (2014), *Hỏi cung bị can chưa thành niên phạm tội về trật tự xã hội*, Tóm tắt Luận án tiến sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân.
31. Bùi Kiên Điện, (2001), *Nhân thân bị can và một số khái niệm kề cận*, Tạp chí Luật học, số 6/2001.
32. Lê Cẩm (2011), *Học thuyết về tội phạm-Những vấn đề cơ bản*, Khoa luật- Đại học quốc gia Hà Nội.
33. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phụng (2004), *"Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên - những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học"* (Phần 1 - Những khía cạnh pháp lý hình sự), Tòa án nhân dân, (20/10).
34. Lưu Ngọc Cảnh (2010), *Các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
35. Chi Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, (2012), *Niêm giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh*, www.pso.hochiminhcity.gov.vn.
36. Chính phủ, (2000), *Nghị định số 59/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội*.
37. Chính phủ (2003), *Nghị định số 76/2003/NĐ-CP ngày 27/6 quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục*, Hà Nội.
38. Chính phủ (2003), *Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24/11 quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng*, Hà Nội.
39. Chính phủ, (2003), *Nghị định số 163/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn*.
40. Chính phủ, (2008), *Nghị định số 40/2008/NĐ-CP Về sản xuất, kinh doanh rượu*.

41. Chính phủ, (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.*
42. Chính phủ, (2012), *Nghị định 10/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội.*
43. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31.7.1998 về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới.*
44. Chính phủ (1998) *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31.7.1998 Phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.*
45. Chính phủ (2011) *Quyết định số 282/QĐ- TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành kế hoạch thực hiện chỉ thị 48 CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
46. Chính phủ (2012) *Thông báo số 429/TB- VPCP ngày 26/12/2012 của Văn phòng Chính phủ Kết luận của đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo 138/CP, Trưởng Đoàn kiểm tra 02 năm thực hiện Chỉ thị số 48- CT/TW của Bộ Chính trị tại thành phố Hồ Chí Minh*
47. Chính phủ (2008), *Tờ trình số 155/TTr-CP ngày 09-10-2008 về “Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999”, Hà Nội.*
48. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 02/BCTK-PC14(TM), 2008), *Báo cáo tổng kết năm 2008 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội*
49. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 04/BCTK-PC14(TM), 2011), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội*
50. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2009) *Báo cáo tổng kết công tác năm 2009 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội*
51. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2010) *Báo cáo tổng kết công tác năm 2010 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội*
52. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2012) *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội*
53. Công an thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết hàng năm (2007-2015) của cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội.*
54. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2009-2013), *Báo cáo tổng kết 5 năm của LLCSDT về TTXH.*

55. Công ước quốc tế trẻ em (1989)
56. Đỗ Bá Cờ (2000), *Hoạt động của Lực lượng Công an nhân dân trong phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội trong tình hình hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
57. Đỗ Bá Cờ, (2000), *Cảnh sát nhân dân làm việc với trẻ em làm trái pháp luật*, Giáo trình Trường Đại học cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
58. Cục Thống kê Việt Nam (2012), *Niêm giám thống kê Việt Nam*, www.pso.gov.vn.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia- sự thật, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Huỳnh Tấn Đạt (2014), *Các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
64. Huỳnh Tấn Đạt (2015), *Vai trò của giáo dục đối với các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, 61-66.
65. Huỳnh Tấn Đạt (2016), *Phối hợp của trợ giúp pháp lý và phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông góp phần phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục, 84-88.
66. Nguyễn Đông Diệu, Thượng tá, Phó trưởng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh, *Tọa đàm tại thành phố Hồ Chí Minh*, 2007.
67. Khổng Minh Hà, Đỗ Bá Hào, Phạm Ngọc Cường (2009), *Phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên gây ra*, Nxb, Công an nhân dân.
68. Nguyễn Ngọc Hòa, (2001), *Giáo trình Luật hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
69. Nguyễn Ngọc Hòa, (2009), *Các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 7/2009.

70. Nguyễn Văn Hoàn (2008), *Tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Nghiên cứu lập pháp.
71. Hồ Chí Minh (1930-1991), *Cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930 đến 1991*
<http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-chinh-tri/books-3106201510582646/index-01062015105617462.html>
72. Giáo trình triết học Mác- Lê nin (2004) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Hội Luật gia Việt Nam (2007), *Trợ giúp pháp lý và đại diện cho người chưa thành niên gặp xung đột với pháp luật, nạn nhân trẻ em và nhân chứng trẻ em*, Sổ tay.
http://hcrc.hcmulaw.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=36:cong-c-guc-t-v-cac-quyn-tr-em&catid=6:b-lut-nhan-quyn-guc-t&Itemid=20.
74. Đoàn Thị Thanh Huyền (2014), *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay*, Luận án tiến sĩ xã hội học, Trường đại học Khoa học xã hội nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.
75. Vũ Đức Khiên (1987), *Phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
76. Nguyễn Hải Lâm (2015), *Định hướng giá trị của học sinh trường giáo dưỡng*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
77. V.I. Lênin: Toàn tập đầy đủ, tập 38, (tiếng Nga)
78. Liên Hợp quốc (1989), *Công ước về quyền trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Liên Hợp quốc (1990), *Hướng dẫn của Liên Hợp quốc về phòng ngừa pháp pháp ở người chưa thành niên (Hướng dẫn Riyadh)*, Tài liệu tập huấn.
80. Vũ Phi Long, Thẩm phán, Phó Chánh tòa Tòa Hình sự Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Tọa đàm tại thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
81. Hoàng Văn Lợi, Nguyễn Minh (2000), *Hướng dẫn thực hành các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến tư pháp người chưa thành niên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Đinh Xuân Nam (2008), *"Thực trạng và giải pháp phòng chống vi phạm pháp luật của người chưa thành niên"*, Nghiên cứu lập pháp, (20), tr.34-38.
83. Đặng Thanh Nga (2007), *Đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên có hành vi phạm tội*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Viện khoa học xã hội Việt Nam.
84. Nguyễn Quang Nghĩa và Nguyễn Ngọc Cường (2011), *Các vụ án cướp tài sản do người chưa thành niên thực hiện thực trạng và giải pháp trong tình hình hiện nay*, NXB Công an nhân dân.

85. Lê Thị Minh Ngọc, (2007), *Phòng ngừa tội phạm đối người chưa thành niên tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
86. Cao Thị Oanh, (2007), *Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Luật học, số 10/2007.
87. Đỗ Thị Phụng (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
88. Đỗ Thị Phụng, (2002), *Bắt, tạm giữ, tạm giam và giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên*, Tạp chí Luật học, số 3/2002.
89. Trần Hữu Quân (2014), *Hoạt động của tòa án nhân dân trong phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện*, Tóm tắt Luận án tiến sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân.
90. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
91. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự sửa đổi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
92. Quốc hội (2014) *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
93. Quốc hội (2006) *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Nxb Lao động- xã hội, Hà Nội.
94. Vũ Thị Thu Quyên (2015), *Pháp luật về quyền của người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
95. Lý Văn Quyền, (2005), *Vai trò của Tòa án trong việc phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 6/2005. Tr 38 – 43
96. Đặng Thanh Sơn (2008), *"Pháp luật Việt Nam về tư pháp người chưa thành niên"*, Nghiên cứu lập pháp, (20), tr.6-15.
97. Sở Tư pháp (2016), *Báo cáo giao ban tư pháp quận, huyện 06 tháng đầu năm 2016*.
98. Sở Tư pháp Hội đồng giáo dục phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Tài liệu hội nghị giới thiệu bộ luật hình sự năm 2015*.
99. Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản số 220/KH-TGPL, 2013), *Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho trẻ em trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012-2015*

100. Nguyễn Văn Thanh (2016), *Các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
101. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, (2003), *Chỉ thị số 10-CT/TU về lãnh đạo phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc*.
102. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, (2007), *Chỉ thị số 05-CT/TU về tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*.
103. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII nhiệm kỳ (2005 - 2010)*.
104. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, (2010), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX nhiệm kỳ (2010 – 2015)*.
105. Lê Minh Thắng (2012), *Đảm bảo quyền của người chưa thành niên trong tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện chính trị hành chính quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
106. Thủ tướng chính phủ, (1998), *Quyết định 138/1998/QĐ-TTg về Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*.
107. Ngô Ngọc Thủy; Võ Khánh Vinh; Lý Văn Quyền, (1998) *Giáo trình Tội phạm học, của Trường Đại học Luật Hà Nội*, Nxb Công an nhân dân
108. Nguyễn Xuân Thủy, (1997) *Phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm của người chưa thành niên trong điều kiện ngày nay ở Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ, Thạc sĩ Quốc gia.
109. Hồ Diệu Thúy (2002), *Nguồn gốc xã hội của việc vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên hiện nay*, Luận án tiến sĩ xã hội học, ĐHQG Hà Nội.
110. Trần Quang Tiệp, (2005), *Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong đấu tranh phòng, chống người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 1(201)
111. Nguyễn Xuân Tinh (2008), *"Pháp luật Việt Nam với việc đáp ứng các yêu cầu quốc tế về thủ tục tố tụng xét xử đối với người chưa thành niên"*, Nghiên cứu lập pháp.
112. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

113. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Những vấn đề cơ bản của tội phạm học*, Khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội.
114. Phạm Văn Tĩnh, (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
115. Phạm Văn Tĩnh, (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của Tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6/2007. Tr77 - 85
116. Phạm Văn Tĩnh, (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay- Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 6/2008
117. Phạm Văn Tĩnh, (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2009.
118. Trịnh Quốc Toàn (chủ biên) (2007), *Tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Hà Nội- Thực trạng và giải pháp*, Nxb Công an nhân dân.
119. Tổ chức phi Chính phủ (2011), *Báo cáo bổ sung của NGO cho báo cáo định kỳ lần thứ ba, thứ tư của Chính phủ về kết quả thực hiện Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em tại Việt Nam giai đoạn 2002-2007*.
120. Lê Tấn Tới (2014), *Hoạt động của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên gây ra ở khu vực miền Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân.
121. Trần Hữu Tráng, (2009), *Tọa đàm về một số thuật ngữ Tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 7/2009. Tr 75 – 84
122. Trần Hữu Tráng, (2010), *Bàn về nguyên nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 11/2010, trang 43 - 51
123. Trần Hữu Tráng, (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, Tạp chí Luật học, số 1/2010. Tr 42 - 50
124. Lê Hoài Trung, (2001), *Thực trạng và giải pháp phòng ngừa tội phạm vị thành niên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
125. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Luật trợ giúp pháp lý*.
126. Phan Anh Tuấn (2016), *Các điểm mới về các tội XPSH trong Bộ luật hình sự năm 2015*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.

127. Từ điển Luật học, (1999), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
128. UNICEF (2012), *Đánh giá tính tương thích các điều khoản của Bộ luật tố tụng hình sự về người vi phạm pháp luật hình sự, người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên với các chuẩn mực quốc tế*, Nhà xuất bản Tư pháp Hà Nội, Viện khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
129. UNICEF (2012), *Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyển hướng tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Bộ Tư pháp, NXB Tư pháp, Hà Nội.
130. UNICEF (2012), *Báo cáo đánh giá các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên và thực tiễn thi hành*, Bộ Tư pháp, NXB Tư pháp, Hà Nội.
131. UNICEF (2010), *Kết quả khảo sát về thực thi tố tụng hình sự với người chưa thành niên tại Hà Nội*, Hà Nội.
132. UNICEF - Viện Khoa học pháp lý (2005), *Nghiên cứu, đánh giá, phân tích tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật và hệ thống xử lý tại Việt Nam*, (Báo cáo tổng hợp), Hà Nội.
133. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, UNICEF (2005), *Giải quyết vi phạm pháp luật của người chưa thành niên*, Tài liệu tập huấn.
134. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (2005), *Một số thuật ngữ và nguyên tắc cơ bản về tư pháp người chưa thành niên*, Tài liệu tập huấn.
135. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, UNICEF (2005), *Người chưa thành niên và công an*, Tài liệu tập huấn.
136. Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em, UNICEF (2005), *Phục hồi và các dịch vụ hỗ trợ cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Tài liệu tập huấn.
137. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, UNICEF (2005), *Sự phát triển của trẻ em và hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên*, Tài liệu tập huấn.
138. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, UNICEF (2005), *Tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật ở Việt Nam*, Tài liệu tập huấn.
139. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 133/BC-UBND, 2009), *Báo cáo công tác chỉ đạo, quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài; phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em trên địa bàn thành phố*.
140. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 132/BC-UBND, 2011), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống tội phạm ma túy và*

phòng, chống mua bán người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 5 năm 2011.

141. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 104/BC-UBND, 2013), *Báo cáo sơ kết tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống tội phạm mua bán người 6 tháng đầu năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2013.*
142. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 160/BC-UBND, 2015), *Báo cáo sơ kết tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm và phòng, chống mua bán người 6 tháng đầu năm 2015.*
143. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 148/BC-UBND, 2009), *Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị số 37/TTg về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm năm 2009.*
144. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 159/BC-UBND, 2010), *Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị số 37/TTg về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm năm 2010*
145. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 194/BC-UBND, 2012), *Báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống tội phạm mua bán người năm 2012 trên địa bàn thành phố.*
146. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 109/BC-UBND, 2013), *Báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố 5 tháng đầu năm 2013.*
147. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 289/BC-UBND, 2015), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn Thành phố năm 2015.*
148. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo số 131/BC-UBND, 2010), *Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP, Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 1998-2010.*
149. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản số 4734/KH-STP, 2012), *Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho trẻ em trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012-2015*
150. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản số 1982/QĐ-UBND, 2012), *Quyết định về việc ban hành Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho trẻ em trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015.*

151. Đỗ Thúy Vân (2008), *"Hoàn thiện pháp luật về xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật"*, Nghiên cứu lập pháp.
152. Phạm Thanh Vân, (1995), *Ảnh hưởng của gia đình đối với trẻ em vi phạm pháp luật*, Tạp chí khoa học về phụ nữ. số 02/1995
153. Văn phòng Chính phủ (Văn bản số 429/TB-VPCP, 26/12/2012), *Thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, ủy viên Bộ chính trị. Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo 138/CP, Trường Đoàn kiểm tra 02 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Bộ Chính trị tại thành phố Hồ Chí Minh.*
154. Viện Khoa học kiểm sát, UNICEF Việt Nam (2012), *Đánh giá tính tương thích các điều khoản của Bộ luật tố tụng hình sự về người vi phạm pháp luật hình sự, người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên với các chuẩn mực quốc tế*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
155. Viện Khoa học kiểm sát (2008), *Hoàn thiện các quy định về thủ tục điều tra, truy tố và xét xử người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội
156. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2015) *Báo cáo tổng kết hàng năm.*
157. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Báo cáo số 160/VP-VKS, 2014), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng 06 tháng đầu năm 2014 và phương hướng hoạt động 06 tháng cuối năm 2014*, Thành phố Hồ Chí Minh
158. Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Tòa án nhân dân tối cao- Bộ Công an-Bộ Tư pháp-Bộ Lao động, thương binh và xã hội (Văn bản số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTXH, 2011), *Thông tư liên tịch Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội
159. Viện Nghiên cứu pháp lý - Bộ Tư pháp (2003), *Nghiên cứu, đánh giá, phân tích tình hình người chưa thành niên vi phạm pháp luật và hệ thống xử lý tại Việt Nam*, Hà Nội.
160. Viện Nghiên cứu Quyền con người (2006), *Tư pháp người chưa thành niên*, Phần Phụ lục, Cục Xuất bản, Hà Nội.
161. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

162. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
163. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội.
164. Bùi Thới Vinh (2013), *Các tội chiếm đoạt tài sản do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống*, Học viện khoa học xã hội, Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
165. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
166. Võ Khánh Vinh (2011) *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
167. Võ Khánh Vinh, (2000), *Dự báo tình hình tội phạm*, Tội phạm học Việt Nam, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
168. Võ Khánh Vinh, (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
169. Võ Khánh Vinh, (2010), *Quyền con người - Tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học (3 tập)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
170. Vụ Pháp luật hình sự - hành chính (Bộ Tư pháp) và UNICEF (2010), *Báo cáo đánh giá, kiến nghị về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật ở Việt Nam*, Hà Nội.
171. Nguyễn Như Ý (chủ biên) Nguyễn Văn Khang- Phan Xuân Thành, (1996), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
172. Nguyễn Xuân Yêm, (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
173. Nguyễn Xuân Yêm, (2004), *Phòng ngừa thanh thiếu niên phạm tội - trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

174. A.I. Đôn-Gô-Va (1987), *Những khía cạnh tâm lý-xã hội về tình trạng phạm tội của người chưa thành niên*, Lục Thanh Hải dịch, NXB Tư pháp, Hà Nội.
175. Bob Ashford,(2007) *Chiến lược phòng ngừa tội phạm trong thanh thiếu niên*, Vương Quốc Anh
176. Dean J. Champion, Alida V. Merlo, Peter J. Benkos (2012), *The Juvenile Justice System: Delinquency, Processing, and the Law (Hệ thống tư pháp hình sự trong vấn đề trẻ vị thành niên phạm tội: Sự phạm pháp, quá trình tố tụng và luật pháp)*

- [https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:\"Peter+J.+Benekos\"](https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:\) truy cập tháng 10/2015
177. Donald J. Shoemaker (2009), *Juvenile Delinquency (Trẻ vị thành niên phạm tội)*
[https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:\"Clemens+Bartolas\"&source=gbs_metadata_r&cad=7](https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:\) truy cập tháng 11/2015
 178. Franklin E. Zimring, Margaret K. Rosenheim, David S. Tanenhaus, Bernardine Dohrn (2002), *A Century of Juvenile Justice (vấn đề thực thi tư pháp đối với trẻ vị thành niên trong một thế kỷ)*
 179. Frederik B. Susmann, A.B (1968), *Luật về tội phạm người chưa thành niên*, New York, Hoa Kỳ.
 180. G.I.Xe-Tra-Rop, (1977) trong công trình nghiên cứu phòng ngừa các tội phạm thân thể (Khoa học nghiên cứu tội phạm, Viện khoa học Công an)- Hà Nội.
 181. James Burfeind, Dawn Jeglum Bartusch (2010), *Juvenile Delinquency: An Integrated Approach (Trẻ thành niên phạm tội: Một cách nhìn tổng quan)*
https://books.google.com.vn/books?hl=vi&lr=&id=m5HIAiAvZA4C&oi=fnd&pg=PR15&dq=Juvenile+Delinquency:+An+Integrated+Approach&ots=Gr5ip6pyuZ&sig=7-YxPWdIv181dxVa24vO5Yl53_M&redir_esc=y#v=onepage&q=Juvenile%20Delinquency%3A%20An%20Integrated%20Approach&f=false, truy cập tháng 7/2015
 182. Jumpon Phansumrit và Patchrang Ketkludyoo (2006), *Hệ thống tư pháp người chưa thành niên của Thái Lan*.
 183. Kristin A. Bastes, Richelle S. Swan (2013), *Juvenile Delinquency in a Diverse Society (Hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội trong một xã hội đa màu)*
 184. Larry J. Siegel, Brandon C. Welsh, Joseph J. Senna (2014), *Juvenile Delinquency: Theory, Practice and Law (Trẻ vị thành niên phạm tội: Học thuyết, thực tế và Luật pháp)*
 185. Larry J. Siegel; Brandon C. Welsh (2010), *Juvenile Delinquency: The Core (Bản chất của hiện tượng trẻ vị thành niên phạm tội)*
<https://translate.google.com.vn/translate?hl=vi&sl=en&u=https://books.google.com.vn/books?Fid%3D3UALAAAAQBAJ%26printsec%3Dfrontcover%26dq%3DJuvenile%2BDelinquency%2BThe%2BCore&prev=search> truy cập tháng 8/2015
 186. Meda Chsney Lind, Randall G. Sheldon (2014), *Girls, Delinquency, and Juvenile Justice (Trẻ em gái phạm tội và vấn đề thực thi pháp luật)*

https://books.google.com.vn/books?hl=vi&lr=&id=FZMYAgAAQBAJ&oi=fnd&pg=PT9&dq=Girls,+Delinquency,+and+Juvenile+Justice&ots=-qxluUtOOH&sig=Zz930gCysElcTTa4FBqILUeM3zI&redir_esc=y#v=onepage&q=Girls%2C%20Delinquency%2C%20and%20Juvenile%20Justice&f=false, truy cập tháng 8/2015

187. Richard Lawrence (2006), *School Crime and Juvenile Justice* (Tội phạm học đường và tư pháp hình sự đối với trẻ vị thành niên)

[https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:"Richard+A.+Lawrence"](https://www.google.com.vn/search?hl=vi&tbo=p&tbm=bks&q=inauthor:) truy cập tháng 11/2015

188. Robrt Agnew và Timothy Brezina (2011), *Juvenile Delinquency: Causes and Control* (Trẻ vị thành niên phạm tội: nguyên nhân và cách kiểm soát)

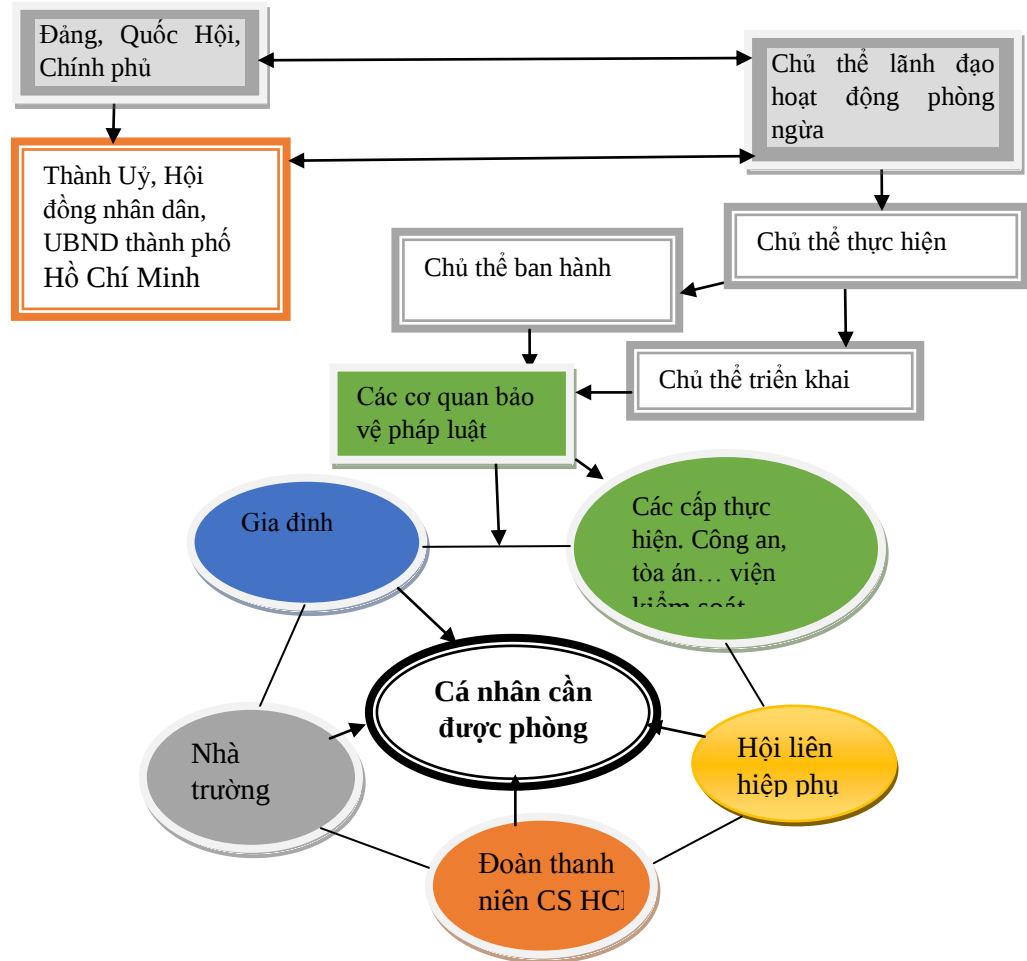
<https://global.oup.com/ushe/product/juvenile-delinquency-9780199828142;jsessionid=145CABD76A1F83CC596AAB4FB6DB4BFF?cc=vn&lang=en> truy cập tháng 6/2015

189. Ueda Can (1994), *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại* - Tài liệu dịch, nhà xuất bản Công an Nhân dân.

PHỤ LỤC

Phụ lục I: CÁC BẢNG SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

Sơ đồ 3.1 Cơ chế phối hợp của các chủ thể trong phòng ngừa tội phạm XPSH do NCTN



Sơ đồ 3.2. Mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội trong việc hình thành hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên



Bảng 2.1: Thống kê so sánh độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam

Độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của một số quốc gia trên thế giới					
STT	Tên nước	Độ tuổi	STT	Tên nước	Độ tuổi
1	Mexico	6	20	Ukraine	10
2	Bangladesh	7	21	Hàn Quốc, Rep.	12
3	Ấn Độ	7	22	Morocco	12
4	Myanmar	7	23	Uganda	12
5	Nigeria	7	24	Algeria	13
6	Pakistan	7	25	Pháp	13
7	Nam Phi	7	26	Ba Lan	13
8	Sudan	7	27	Uzbekistan	13
9	Tanzania	7	28	Trung Quốc	14
10	Thái Lan	7	29	Đức	14
11	Hoa Kỳ	7	30	Ý	14
12	Indonesia	8	31	Nhật Bản	14
13	Kenya	8	32	Liên bang Nga	14
14	Vương quốc Anh (Scotland)	8	33	Việt Nam	14
15	Ethiopia	9	34	Ai Cập	15
16	Iran	9	35	Argentina	16
17	Nepal	10	36	Brazil	18
18	Vương quốc Anh (Anh)	10	37	Colombia	18

Bảng 3.1: Thống kê các lần vi phạm của NCTNPT XPSH

Năm	Lần đầu	Tái phạm
2007	622	272
2008	692	443
2009	611	300
2010	559	318
2011	622	309
2012	699	290
2013	545	251
2014	440	117
2015	233	17
Tổng	5023	2317

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.2: Thống kê mức độ vi phạm của NCTNPT XPSH

Năm	Hình sự				Hành chính			
	Số vụ	%	Số đối tượng	%	Số vụ	%	Số đối tượng	%
2007	230	45.2	177	19.0	279	54.8	756	81.0
2008	351	57.6	386	51.7	258	42.4	361	48.3
2009	454	81.9	589	86.1	100	18.1	95	13.9
2010	398	72.0	419	68.0	155	28.0	197	32.0
2011	319	76.0	441	70.0	101	24.0	189	30.0
2012	428	66.4	497	70.4	217	33.6	209	29.6
2013	389	72.4	426	69.0	148	27.6	191	31.0
2014	302	79.3	297	68.6	79	20.7	136	31.4
2015	159	92.4	216	88.9	13	7.6	27	11.1
Tổng	3030		3448		1350		2161	

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.3: Thống kê thời gian thi hành án của các đối tượng vi phạm của NCTNPT XPSH

Thời gian thi hành án của NCTN vi phạm tội XPSH	Số lượng	Thời gian thụ án thấp nhất	Thời gian thụ án cao nhất	Trung bình thời gian thụ án	Độ lệch chuẩn
Thời gian Viện Kiểm sát đề nghị (tháng)	791	3,00	180,00	42,3986	34,23332
Thời gian Tòa án xét xử (tháng)	791	3,00	180,00	24,2958	16,72846

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.4: Phân tích theo độ tuổi của NCTNPT XPSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016)

Loại tội	Nhóm 1 (14 - dưới 16)	Nhóm 2 (16 - dưới 18)
Cướp tài sản	288	722
Cưỡng đoạt tài sản	7	35
Cướp giết tài sản	483	1.916
Công nhiên chiếm đoạt tài sản	1	3
Trộm cắp tài sản	125	1.296
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	5	79
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	2	39
Tổng cộng	917	4.106

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.5: Các biện pháp quản lý giáo dục sau xét xử tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015

Năm	Gia đình quản lý giáo dục		Giáo dục tại địa phương		Tại trường giáo dưỡng		Biện pháp khác	
	Số đối tượng	%	Số đối tượng	%	Số đối tượng	%	Số đối tượng	%
2007	173	22.9	209	27.6	109	14.4	266	35.1
2008	62	16.0	83	21.4	143	36.9	100	25.8
2009	35	15.4	48	21.1	93	41.0	51	22.5
2010	59	22.1	60	22.5	86	32.2	62	23.2
2011	71	21.5	80	24.2	121	36.7	58	17.6
2012	59	18.7	57	18.1	113	35.9	86	27.3
2013	55	30.7	52	29.1	33	18.4	39	21.8
2014	0	0.0	0	0.0	0	0.0	111	100.0
2015	5	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Tổng	519		589		698		773	

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.6: Độ tuổi người phạm tội

Năm	Dưới 14 tuổi	Đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Đủ 16 đến 18 tuổi
2007	50	282	602
2008	71	340	724
2009	45	253	612
2010	46	237	596
2011	51	308	673
2012	56	229	698
2013	41	208	547
2014	7	150	395
2015	2	56	192
Tổng	369	2063	5039

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.7: Giới tính của NCTNPT xâm XPSH theo từ năm 2007-2015

Năm	Nam		Nữ	
	Số lượng	%	Số lượng	%
2007	819	87.7	115	12.3
2008	975	85.9	160	14.1
2009	773	84.9	138	15.1
2010	683	83.7	133	16.3
2011	776	83.4	155	16.6
2012	830	84.4	153	15.6
2013	718	90.2	78	9.8
2014	515	93.3	37	6.7
2015	237	95.6	11	4.4
Tổng	6326		980	

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.8: Trình độ học vấn của NCTN phạm tội XPSH từ 2007-2015

Năm	Không biết chữ		Tiểu học		THCS		THPT	
	Số vụ	%	Số vụ	%	Số vụ	%	Số vụ	%
2007	74	7.9	164	17.6	379	40.6	317	33.9
2008	117	10.3	155	13.7	438	38.6	425	37.4
2009	79	8.7	118	13.0	357	39.2	357	39.2
2010	80	9.1	161	18.3	327	37.2	312	35.5
2011	66	7.0	120	12.7	380	40.1	382	40.3
2012	85	8.6	131	13.3	397	40.4	370	37.6
2013	75	9.4	100	12.6	334	42.0	287	36.1
2014	19	3.4	44	8.0	230	41.7	259	46.9
2015	9	3.1	92	31.9	159	55.2	28	9.7
Tổng	604		1085		3001		2737	

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.9: Các loại tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015

Năm	Cướp tài sản		Cưỡng đoạt tài sản		Trộm cắp tài sản		Cướp giết tài sản	
	Số vụ	%	Số vụ	%	Số vụ	%	Số vụ	%
2007	63	12.4	8	1.6	226	44.4	212	41.7
2008	84	13.8	7	1.1	281	46.1	237	38.9
2009	82	14.8	7	1.3	248	44.8	217	39.2
2010	77	14.1	7	1.3	253	46.2	211	38.5
2011	68	11.9	8	1.4	275	48.2	219	38.4
2012	61	10.4	8	1.4	304	52.0	212	36.2
2013	48	8.9	10	1.9	272	50.7	207	38.5
2014	30	7.0	9	2.1	224	52.0	168	39.0
2015	24	17.0		0.0	71	50.4	46	32.6
Tổng	537		64		2154		1729	

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.10: Tỷ lệ phá án truy tố về các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016)

Năm	Số vụ án về các tội XPSH	Số vụ án về tội XPSH đã được khám phá truy tố	Tỷ lệ
2007	3.733	3.622	97,03 %
2008	4.186	3.930	93,88 %
2009	3.609	3.416	94,65 %
2010	3.016	2.859	97,79 %
2011	3.412	3.244	95,08 %
2012	3.453	3.437	99,54 %
2013	3.241	3.230	99,66 %
2014	3.425	3.368	98,34 %
2015	3.246	3.178	97,91 %
2016	2.714	2.655	97,83 %
Tổng cộng	34.035	32.939	96,78 %

(Nguồn: Tòa án thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Bảng 3.11: Thống kê các địa bàn gây án ở Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Địa bàn gây án	Phần trăm	Stt	Địa bàn gây án	Phần trăm
1	Quận 1	8,3	13	Quận Tân Phú	13,4
2	Quận 2	0,2	14	Quận Nhà Bè	1,5
3	Quận 3	2,6	15	Quận Bình Chánh	4,1
4	Quận 4	0,1	16	Quận Bình Tân	15,1
5	Quận 5	2,3	17	Quận Tân Bình	3,2
6	Quận 6	6,9	18	Củ Chi	6,3
7	Quận 7	2,2	19	Quận Thủ Đức	0,5
8	Quận 8	0,1	20	Quận Phú Nhuận	2,6
9	Quận 9	2,7	21	Quận Bình Thạnh	3,8
10	Quận 10	1,3	22	Quận Nhà Bè	0,2
11	Quận 11	7,3	23	Quận Gò Vấp	4,6
12	Quận 12	9,1	24	Hóc Môn	1,6

(Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

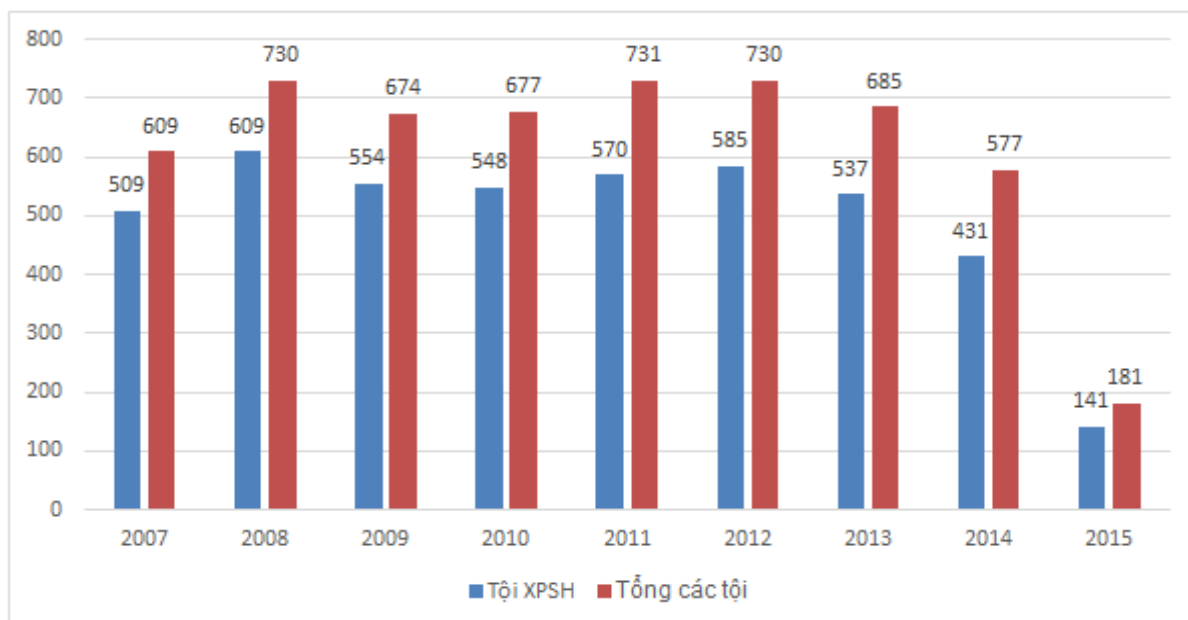
Bảng 3.12: Cơ cấu tình hình các tội phạm cụ thể trong mối tương quan các tội XPSH do NCTN thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) theo BLHS năm 2015

STT	Tội danh	Số NCTNPT XPSH bị khởi tố	
		Số lượng	Tỉ lệ %
1	Cướp tài sản (điều 168)	1.010	20,11
2	Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (điều 169)	0	0
3	Cưỡng đoạt tài sản (điều 170)	42	0,84
4	Cướp giết tài sản (điều 171)	2.399	47,77
5	Công nhiên chiếm đoạt tài sản (điều 172)	4	0,08
6	Trộm cắp tài sản (điều 173)	1.421	28,30
7	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174)	84	1,67
8	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (điều 175)	41	0,82
9	Chiếm giữ trái phép tài sản (điều 176)	0	0
10	Sử dụng trái phép tài sản (điều 177)	0	0
11	Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (điều 178)	22	0,44
Tổng cộng		5.023	100%

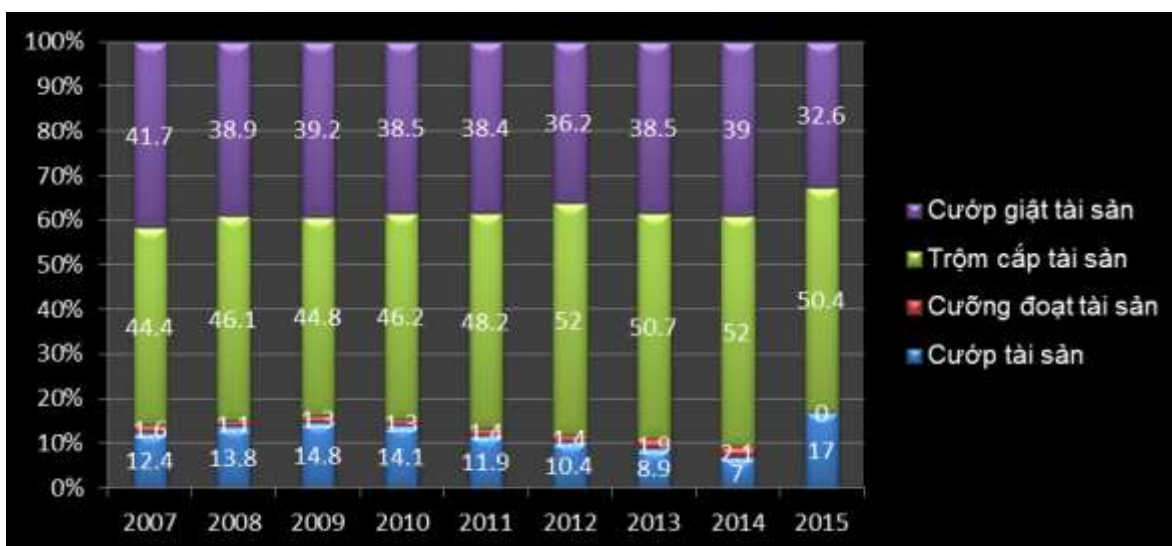
(Nguồn: Tòa án thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)

Phụ lục II: CÁC BẢNG BIỂU SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

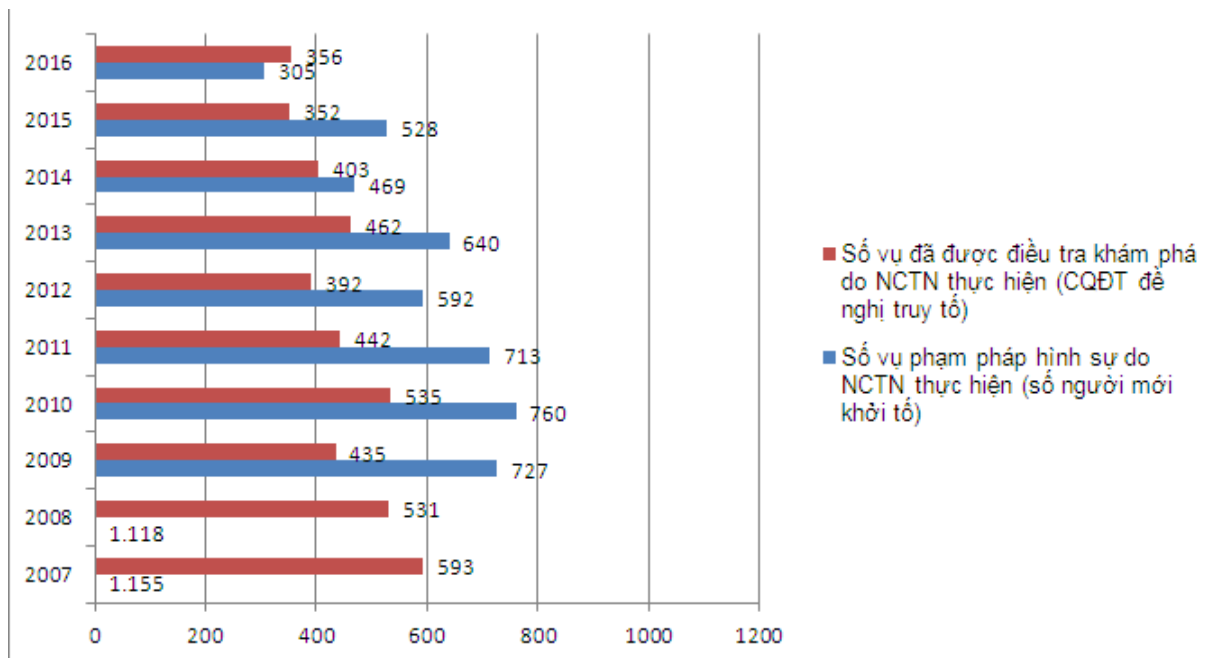
Biểu đồ 3.1: Số vụ về tội xâm phạm sở hữu do NCTN thực hiện so với tổng số vụ về tất cả các tội do NCTN thực hiện từ năm 2007-2015 (Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)



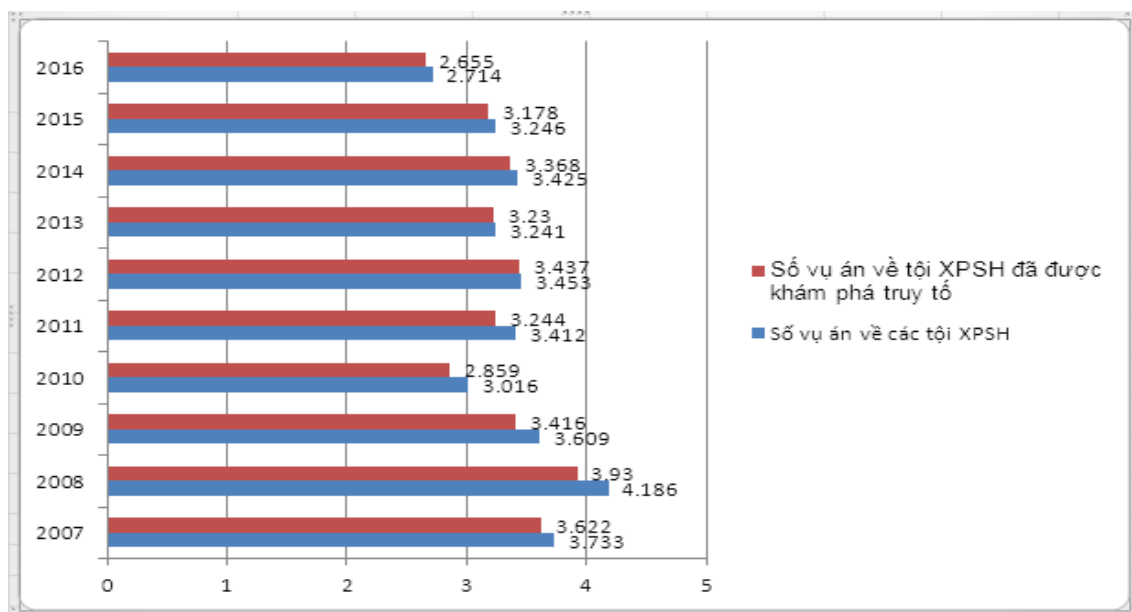
Biểu đồ 3.2: Các loại tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015 (Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)



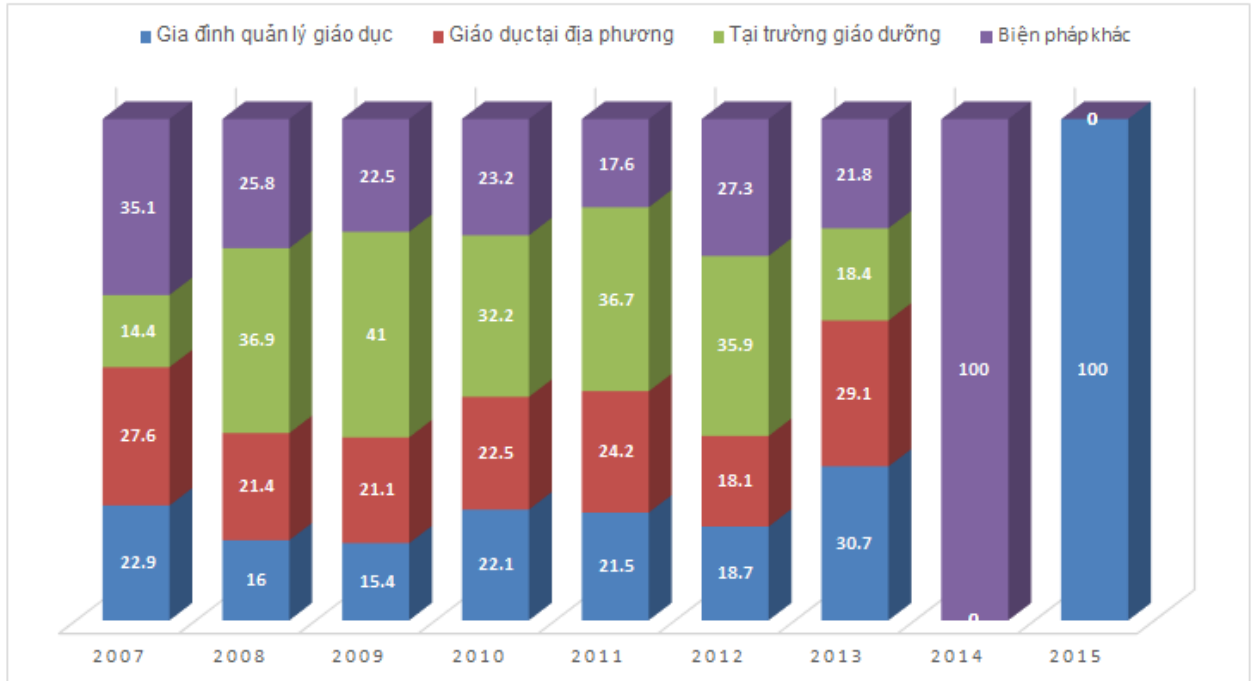
Biểu đồ 3.3: Mức độ nghiêm trọng về tình hình tội phạm hình sự do NCTN thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016)(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 06/2016)



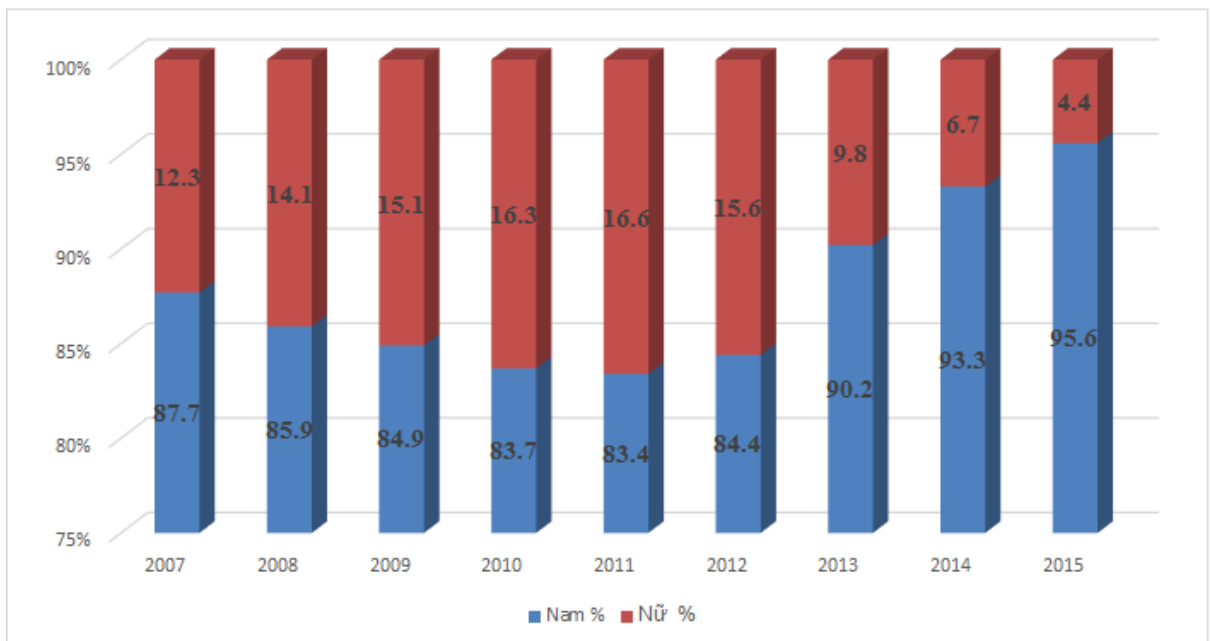
Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ phá án truy tố về các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2007- 2016) (Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)



Biểu đồ 3.5: Các biện pháp quản lý giáo dục sau xét xử tội xâm phạm sở hữu do NCTNPT từ 2007-2015 (Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)



Biểu đồ 3.6: Giới tính của NCTNPT xâm XPSH theo từ năm 2007-2015 (Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tháng 6/2016)



Biểu đồ 3.7: Trình độ học vấn của NCTN phạm tội XPSH từ 2007-2015 (Nguồn: Công an thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/2016)



Phụ lục III: Phân tích 670 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu xét xử bị cáo là người chưa thành niên đã được xét xử tại TAND các quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh, được Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố bào chữa

Bảng 1. Cơ cấu theo độ tuổi

Số bản án	Số bị cáo là NCTN phạm các tội XPSH bị xét xử	Số bị cáo là NCTN bị xét xử về các tội XPSH cơ cấu theo nhóm tuổi	
		Nhóm 1	Nhóm 2
670	841	166	675
Tỉ lệ %	100	19,73%	80,26%

Bảng 2: Phân tích trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Không biết chữ	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Tổng cộng
Số bị cáo	50	217	447	127	841
Tỉ lệ %	5,95	25,80	53,15	15,10	100%

Bảng 3: Cơ cấu về nơi cư trú của bị cáo

Nơi cư trú	Bị cáo cư ngụ tại TP HCM	Bị cáo từ các tỉnh khác đến	Bị cáo là người không nhà	Tổng cộng
Số bị cáo	599	193	49	841
Tỉ lệ %	71,22	22,95	5,83	100%

Bảng 4: Cơ cấu về địa bàn phạm tội của bị cáo

Địa bàn phạm tội	Bị cáo phạm tội tại địa bàn đang cư ngụ	Bị cáo phạm tội tại địa bàn khác	Tổng cộng
Số bị cáo	572	269	841
Tỉ lệ %	68,01	31,99	100%

Bảng 5: Phân tích về cơ cấu nghề nghiệp của người chưa thành niên phạm tội XPSH trên địa bàn TPHCM

Nghề nghiệp	Không có việc làm	Việc làm không ổn định	Có việc làm ổn định	Học sinh	Tổng cộng
Số người phạm tội	505	219	75	42	841
Tỷ lệ (%)	60,05	26,04	8,92	4,99	100%

Bảng 6: Đặc điểm về thời gian gây án

Thời gian	Cướp và Cướp giật	Tỉ lệ %	Trộm cắp	Tỉ lệ %
0g-6g	37	06,02	54	28,88
6g-11g	116	18,86	32	17,11
11g-15g	61	09,92	16	08,55
15g-18g	197	32,03	35	18,72
18g- 24g	204	33,17	50	26,74
TC	615	100%	187	100%

BẢNG PHÂN TÍCH NHÂN THÂN NCTN PHẠM TỘI

(Bản án HSST đã được Trung tâm Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa 2010)

Stt	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Phạm tội	Độ tuổi			Trình độ học vấn	Hoàn cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế	Phương tiện gây án	Giá trị tài sản (VNĐ)	Thời gian gây án	Viện kiểm sát đề nghị	Quận Huyện	Tòa án xét xử
					>14	14 – 16	16 – 18									
1	Nguyễn Hoài Tâm	Nam	24/08/1994	Cướp tài sản			16	8/12					30/12/2010	7 – 8 năm tù	Hóc Môn	7 năm tù
	Nguyễn Hoàng Vũ		03/12/1996			14		Không biết chữ						4 – 4 năm 6 tháng tù		4 năm tù
	Võ Minh Trí		02/09/1994				16	5/12						6 – 7 năm tù		6 năm tù
2	Nguyễn Thanh Thông	Nam	27/4/1996	Cướp tài sản		14		6/12				1300000	11h 27/7/2010	3 năm 6 tháng – 4 năm tù	Củ Chi	3 năm 6 tháng tù
	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	13/8/1993				16	7/12						3 năm 6 tháng – 4 năm tù		4 năm tù
	Võ Thị Hồng	Nữ	24/7/1993				16	9/12						5 – 6 năm tù		5 năm tù
3	Hứa Thành Đạt	Nam	6/8/1994	Trộm cắp tài sản			16	10/12				4000000	7h45 17/8/2010	9 – 12 tháng tù treo	Củ Chi	6 tháng tù treo

BẢNG PHÂN TÍCH NHÂN THÂN NCTN PHẠM TỘI

(Bản án HSST đã được Trung tâm Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa 2011)

Stt	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Phạm tội	Độ tuổi			Trình độ học vấn	Hoàn cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế	Phương tiện gây án	Giá trị tài sản (VNĐ)	Thời gian gây án	Viện kiểm sát đề nghị	Quận	Tòa án xét xử
					>14	14 – 16	16 – 18									
1	Nguyễn Thành Nhân	Nam	12/05/1995	Cướp tài sản			16	Không biết chữ			Dao		1h 21/11/2011	5 – 6 năm tù	12	5 năm tù
2	Phan Nguyên Vũ	Nam	04/09/1994	Cướp tài sản			17	7/12			Xe máy, roi điện	26691000	20h30 12/12/2011	Điểm a, d khoản 2 Điều 133	12	3 năm 6 tháng tù
3	Lô Văn Long	Nam	06/01/1994	Trộm cắp tài sản			17	7/12					23h 26/01/2011	6 – 9 tháng tù	12	6 tháng tù
4	Phan Trường Giang	Nam	02/09/1996	Cướp giật tài sản			16	4/12					20h 26/12/2011		6	1 năm tù
5	Lê Thị Mỹ Hiền	Nữ	15/09/1995	Trộm cắp tài sản			16	8/12				49546000	20h 02/12/2011	2 năm án treo	3	1 năm 6 tháng tù
6	Lê Vinh Quang	Nam	16/01/1995	Trộm cắp tài sản			16	6/12				12000000	23h45 12/03/2011	1 năm – 1 năm 2 tháng tù	Bình Tân	1 năm tù
7	Phan Trường Giang	Nam	02/09/1996	Cướp giật tài sản			16	4/12	Chưa có vợ, con				20h 26/12/2011	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	6	1 năm tù

8	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	23/03/1994	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản			17	6/12	Nuôi con 4 tháng tuổi				24h 15/12/2011		3	9 tháng tù
9	Trần Thanh Phong	Nam	14/04/1994	Cướp tài sản			17	8/12				60000000	3/2011	5 – 6 năm tù	9	5 năm tù
	Lê Hoàng Nhân		12/08/1993				17	9/12						4 – 5 năm tù		4 năm tù
	Trần Minh Nam		17/10/1994				16	10/12						4-5 năm tù		4 năm tù
	Trần Tấn Quy		18/2/1996			15		7/12						3 - 4 năm tù		3 năm tù
10	Nguyễn Hoàng Trung	Nam	18/9/1994	Trộm cắp tài sản			17	6/12					20/8/2011	Không có	Bình Chánh	Không có
11	Nguyễn Đức Lập	Nam	24/8/1993	Cướp giật tài sản			17	7/12					4h 3/4/2011	2 năm 6 tháng – 3 năm tù	Bình Tân	2 năm 3 tháng tù
12	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	8/9/1995	Cướp giật tài sản			16	7/12					31/12/2011	Không	Bình Tân	không
13	Lê Hữu Lợi	Nam	20/1/1994	Cướp giật tài sản			17	5/12					17h 31/10/2011	2 – 3 năm tù	12	2 năm tù
14	Nguyễn Trường Trung Nghĩa	Nam	10/11/1995	Cướp tài sản			16	6/12					23h 27/7/2011	1 năm 2 tháng – 1 năm 4 tháng tù	Bình Tân	1 năm 9 tháng tù
	Nguyễn Văn Tuấn		24/8/1999				17	6/12						1 năm 6 tháng – 1		2 năm 8 tháng

			3											năm 9 tháng		tù
15	Lê Thành Nhân	Nam	1996	Cướp giật tài sản								8/2011		Tân Bình		
	Trịnh Hoàng Thế Hiền		1996													
	Trần Duy Bảo		1995													
16	Trần Minh Thơ	Nam	20/10/19 94	Cướp giật tài sản			6/12				3200000	14h45 1/12/2011	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	Tân Phú	2 năm 6 tháng tù	
17	Trần Trung Hiếu	Nam	1995	Trộm cấp tài sản			17	7/12				8300000	16h 7/11/2011	9 – 14 tháng tù	Bình Tân	9 tháng tù
18	Nguyễn Đức Huy	Nam	15/4/199 5	Trộm cấp tài sản			16	4/12				6380000	13h30 26/12/201 1	6 tháng – 3 năm tù	Bình Chánh	9 tháng tù treo
19	Hà Bảo Phong	Nam	15/1/199 5	Trộm cấp tài sản			16	10/12				8075000	2h 7/8/2011	6 – 9 tháng tù	Củ Chi	1 năm tù treo
20	Nguyễn Tấn Lạc	Nam	31/12/19 93	Cướp giật tài sản			16	10/12				6080000	7h 11/8/2011	Không	Bình Chánh	Không
21	Nguyễn Hoài Phụng	Nam	18/6/199 5	Cưỡng đoạt tài sản			17	1/12	Có vợ, con			1500000	16h 26/12/201 1	2 – 3 năm tù	Củ Chi	1 năm 6 tháng tù

BẢNG PHÂN TÍCH NHÂN THÂN NCTN PHẠM TỘI

(Bản án HSST đã được Trung tâm Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa 2012)

Stt	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Phạm tội	Độ tuổi			Trình độ học vấn	Hoàn cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế	Phương tiện gây án	Giá trị tài sản (VNĐ)	Thời gian gây án	Viện kiểm sát đề nghị	Quận Huyện	Tòa án xét xử
					>14	14 – 16	16 – 18									
22	Nguyễn Đức Duy	Nam	20/09/1995	Cướp giật tài sản			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	nghèo	Xe máy		23h 10/06/2012	24 – 30 tháng tù	12	2 năm tù
23	Ngô Tuấn Đạt	Nam	19/02/1996	Cướp giật tài sản			17	9/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy		12h\19/07/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	Tân Bình	2 năm tù
	Huỳnh Phan Minh Tuấn		27/08/1994				17	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				2 năm – 2 năm 6 tháng tù		1 năm 9 tháng tù
24	Phạm Thọ	Nam	05/05/1995	Cướp giật tài sản			17	4/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy		15h 19/07/2912	2 năm 6 tháng – 3 năm 6 tháng	Tân Bình	2 năm tù
	Nguyễn Văn Hiện		02/05/1995				17	8/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				3 năm 6 tháng – 4 năm tù		1 năm 6 tháng tù
25	Mai Yến Phong Vinh	Nam	30/01/1996	Cướp giật tài sản			16	7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy	3.919.000	20h 11/10/2012	2 – 3 năm tù	Bình Thạnh	2 năm 6 tháng tù
26	Lâm Thành Phúc	Nam	14/10/1994	Cướp tài sản, Tiêu			17	4/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy, dao	1.500.000	18h	5 năm 6 tháng – 6	Hóc Môn	6 năm tù

				thụ tài sản do người khác phạm tội mà có									25/03/2012	năm tù		
	Phan Tuấn Tú		02/03/1997			15		6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				3 năm 6 tháng – 4 năm tù		3 năm 6 tháng
	Trần Hoài Phong		28/08/1995				17	7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				6 tháng – 9 tháng tù		6 tháng tù
27	Tô Hoàng Thái	Nam	25/05/1997	Cướp giật tài sản			16	8/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy	1.300.000	19h30 26/10/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng Án treo 4 – 5 năm	Hóc Môn	1 năm 6 tháng tù Án treo 2 năm 5 tháng 6 ngày
28	Nguyễn Duy Thanh	Nam	03/12/1997	Cướp giật tài sản		14		6/12	Gia đình lao động nghèo, cha đang điều trị tâm thần	Nghèo	Xe máy		17h 21/08/2012	Điểm d khoản 2 Điều 136	Tân Phú	1 năm 6 tháng tù
29	Cao Văn Đức	Nam	09/04/1995	Cướp giật tài sản			17	12/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy		19h30 30/12/2012	3 – 4 năm tù	7	2 năm 6 tháng tù
	Huỳnh Thanh Đại	Nam	03/12/1996			16		9/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				2 – 3 năm tù		2 năm tù
	Hoàng Thị Thuỳ Linh	Nữ	27/04/1996			16		8/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				2 – 3 năm tù		1 năm 6 tháng tù
30	Bùi Phương Trung	Nam	17/06/1995	Cướp giật tài sản			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy	2500000	19h20 16/10/2012	12 – 18 tháng tù	11	1 năm tù
31	Trần Thanh Sơn	Nam	06/10/1995	Cướp tài sản		15		7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		2.800.000	11h30 03/11/2010	2 – 3 năm tù	12	1 năm 6 tháng tù
32	Ngô Trung Nam	Nam	1995	Cướp giật tài sản			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy		13h 08/03/2012	Chưa có	Hóc Môn	Chưa có
33	Neang Keo	Nam	1994	Cướp tài			17	3/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo			2h	5 – 6 năm	Hóc Môn	5 năm 3 tháng tù

				sản									16/06/2012	tù		
34	Lê Minh Tuấn	Nam	17/08/1995	Cướp giật tài sản			16	11/12	Gia đình lao động	Nghèo		2.200.000	7h30 16/12/2012	Khoản 1 Điều 136	Tân Phú	9 tháng tù Án treo 1 năm 2 tháng 12 ngày
35	Nguyễn Quốc Thái	Nam	26/12/1995	Cướp giật tài sản			16	7/12	Cha, mẹ	Nghèo	Xe máy	1.000.000	20h 17/08/2012	Điểm d khoản 2 Điều 136	7	2 năm tù
36	Lê Phước Sang	Nam	1995	Cướp giật tài sản			17	9/12	Cha, mẹ	Nghèo		9.900.000	19h30 13/08/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	7	2 năm tù
	Biên Ngọc Duy Khanh	Nam	08/02/1997			15		9/12	Cha, mẹ ly thân	Nghèo				1 năm – 1 năm 6 tháng tù		1 năm 6 tháng
37	Nguyễn Bình Lộc	Nam	16/07/1996	Cướp giật tài sản			16	4/12	Mẹ	Nghèo					10	3 năm tù
	Lưu Văn Hào		23/10/1997				17	8/12	Mẹ	Nghèo						1 năm 6 tháng tù
38	Trần Việt Phương	Nam	17/07/1997	Cướp giật tài sản			16	7/12	Mẹ	Nghèo			19h 18/08/2012	18 - 24 tháng tù	Phú Nhuận	1 năm 6 tháng tù
39	Khúc Nguyễn Duy Quang	Nam	15/03/1997	Cướp giật tài sản			16	9/12	Mẹ	Nghèo			12h30 23/07/2012	12 – 18 tháng tù	3	1 năm 6 tháng
	Nguyễn Minh Tiến		15/05/1995				17	2/12	Cha mẹ	Nghèo				18 – 24 tháng tù		2 năm tù
40	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/01/1997	Cướp giật tài sản			17	6/12	Cha mẹ	Nghèo			4h30 07/05/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	3	1 năm 6 tháng tù
	Nguyễn Quốc Triều		1995				16	2/12	Cha mẹ	Nghèo				2 năm – 2 năm 6 tháng tù		2 năm tù
41	Trần Hoàng Nhân	Nam	29/03/1996	Trộm cắp tài sản			16	6/12	Cha mẹ	Nghèo		6.000.000	3h15	6 – 9 tháng tù	Phú Nhuận	6 tháng tù

													07/12/2012			
42	Lê Vinh Quang	Nam	16/01/1995	Trộm cắp tài sản			16	6/12	Cha mẹ	Nghèo		12.000.000	23h45 12/03/2011	1 năm – 1 năm 2 tháng tù	Bình Tân	1 năm tù
43	Dương Xuân Sang	Nam	15/02/1997	Cướp tài sản			15	2/12	Cha mẹ	Nghèo			21h30 01/08/2012		Nhà Bè	3 năm tù
44	Nguyễn Nhật Bình	Nam	15/08/1995	Trộm cắp tài sản			16	4/12	Cha mẹ	Nghèo		30.000.000	1h 19/05/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	5	2 năm tù
45	Dương Minh Kha	Nam	12/12/1995	Trộm cắp tài sản			17	8/12	Cha mẹ ly hôn	Nghèo			10h 23/03/2012	2 năm 6 tháng – 3 năm 6 tháng tù	5	2 năm 6 tháng tù
	Trương Hoàng Huy		25/11/1994				17	7/12	Cha mẹ	Nghèo				3 năm – 4 năm tù		2 năm tù
46	Huỳnh Lê	Nữ	24/08/1995	Trộm cắp tài sản			17	9/12	Cha mẹ	Nghèo		26.800.000	17h 09/06/2012		Nhà Bè	9 tháng tù
47	Nguyễn Văn San	Nam	20/08/1995	Cướp tài sản			17	9/12	Cha mẹ	Nghèo	Dao		1h30 21/09/2012	5 – 6 năm tù	5	5 năm tù
	Phạm Đắc Thắng		10/05/1995				17	9/12	Cha mẹ	nghèo				5 năm – 5 năm 6 tháng		4 năm 6 tháng tù
48	Võ Thanh Tuấn	Nam	23/11/1996	Trộm cắp tài sản		15		2/12	Cha mẹ	Nghèo		4.000.000	23h 01/12/2012	9 tháng – 1 năm tù	Nhà Bè	7 tháng tù
	Nguyễn Hoàng Năng		20/03/1996				16	6/12	Cha mẹ	Nghèo				6 – 9 tháng tù		5 tháng tù
49	Lê Thị Ngọc Phương	Nữ	10/01/1996	Trộm cắp tài sản			16	5/12	Cha mẹ	Nghèo		25.00.000	14h15 18/07/2012	6 – 9 tháng tù	5	6 tháng tù, án treo 1 năm
50	Lê Thanh Tài	Nam	01/05/1996	Cướp giật tài			16	5/12	Cha mẹ	Nghèo			11h	3 năm – 3 năm 6	5	2 năm tù

				sản									03/01/2013	tháng tù		
51	Bành Hứa Vinh Giang	Nam	02/09/1995	Cướp giật tài sản			17	5/12	cha	Nghèo			15h30	2 năm – 2 năm tháng tù	5	1 năm 6 tháng tù
	Lý Minh Cẩm		13/04/1994				17	Không biết chữ	Cha mẹ	Nghèo			29/06/2012	1 năm tháng – 2 năm tù		1 năm 6 tháng tù
52	Lê Phước Hận	Nam	05/05/1995	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản			17	6/12	Cha mẹ	Nghèo		10.000.000	13h 17/04/2012	3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo	5	6 tháng tù nhưng án treo 1 năm
53	Nguyễn Quốc Phong	Nam	19/12/1994	Trộm cắp tài sản			17	9/12	Cha mẹ	Nghèo		12.140.000	09/12/2012		1	1 năm tù
54	Võ Hoàng Minh		22/11/1995	Cướp giật tài sản			17	10/12	Cha mẹ	Nghèo			19h10		10	3 năm tù
	Lê Mạnh Kha	Nam	26/11/1996				16	1/12	Cha mẹ	Nghèo			13/12/2012			2 năm tù
55	Thân Thiên Thiện	Nam	1995	Cướp giật tài sản			17	9/12	Cha mẹ	Nghèo	Xe máy		6h30 09/10/2012	3 – 4 năm tù	7	3 năm tù
56	Phan Thanh Liêm	Nam	15/7/1995	Cướp giật tài sản			17	5/12	Mẹ	Nghèo		15.000.000	17h30 22/6/2012	3 – 4 năm tù	Bình Tân	3 năm tù
57	Đỗ Văn Dũng	Nam	16/8/1995	Trộm cắp tài sản			17	Không biết chữ	Mẹ	Nghèo		14.000.000	23h 13/8/2012		Nhà Bè	9 tháng tù
58	Trương Bích Tuyền	Nữ	8/10/1996	Cướp giật tài sản			16	10/12	Mẹ	Nghèo	Xe máy	7.000.000	19h 4/11/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	5	1 năm 6 tháng tù
59	Phòng Đào Khanh	Nam	2/8/1995	Cướp giật tài sản			17	Không biết chữ	Mẹ	Nghèo	Xe máy	4.000.000	5h 7/11/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	11	2 năm tù

60	Lưu Quốc An	Nam	20/1/1995	Cướp giật tài sân				6/12	Mẹ	Nghèo	Xe máy	500.000	12h	1 năm – 1 năm 6 tháng tù	7	1 năm tù
	Bùi Gia Phú		31/7/1995					3/12	Mẹ	Nghèo			19/10/2012			
61	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	10/2/1995	Cướp tài sân			17		Cha, mẹ ly hôn	Nghèo			8/7/2012		Bình Chánh	không
62	Nguyễn Chí Thanh	Nam	16/12/1997	Cướp giật tài sân			16	3/12	Cha mẹ	Nghèo			20h40 24/10/2012	1 năm – 1 năm 6 tháng tù	1	10 tháng tù
63	Lê Vũ Bảo	Nam	20/10/1995	Cướp giật tài sân			17	Không biết chữ	Cha, mẹ ly hôn	nghèo	Xe máy	30.700.000	7h15 24/12/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	1	1 năm 6 tháng tù
64	Nguyễn Văn Cường	Nam	4/10/1995	Cướp giật tài sân			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Xe máy	7.000.000	18h 2/12/2012	3 – 10 năm tù	1	2 năm tù
65	Đặng Tuấn Thanh	Nam	4/5/1995	Cưỡng đoạt tài sân			17	3/12	Cha mẹ	Nghèo	Xe máy	15.000.000	22h 8/10/2012	1 – 5 năm	1	1 năm tù
66	Hoàng Hồng Thái	Nam	11/9/1996	Cướp giật tài sân				6/12	Cha, mẹ	Nghèo		3.000.000	22h 28/12/2012	3 – 10 năm	1	2 năm tù
67	Nguyễn Minh Hậu	Nam	7/6/1995				17	8/12	Mẹ	Nghèo		21.000.000	9h 18/11/2012	12 – 18 tháng tù	1	9 tháng án treo
68	Lưu Hoàng Sơn	Nam	30/8/1996	Cướp giật tài sân			16	4/12	Cha	Nghèo			22h40 6/2/2013	2 – 3 năm tù	1	2 năm tù
69	Võ Thị Ngọc Trâm	Nữ	9/8/1997	Cướp tài sân		14		8/12	Mẹ	Nghèo			0h 4/8/2012	2 – 3 năm tù	7	1 năm 6 tháng tù
70	Mai Ngọc Kim Ngân	Nữ	19/10/1995	Cướp tài sân			17	11/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		8.000.000	15/9/2012	3 – 4 năm tù	11	2 năm 3 tháng tù
	Đặng Tổ Linh		5/11/1995				16	8/12	Cha mẹ	Nghèo				2 – 3 năm tù		2 năm án treo

	Lê Ngọc Ngân		2/12/1994				17	8/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				2 – 3 năm tù		2 năm án treo
71	Phạm Phước Trung	Nam	24/12/1995	Trộm cắp tài sản			17	3/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		3.500.000	20h 5/7/2012	6 – 12 tháng tù	7	6 tháng tù
72	Đinh Nhất Cẩn	Nam	11/11/1995	Cướp giật tài sản			17	Không biết chữ	Cha mẹ	nghèo			19h30 4/8/2012		10	3 năm 9 tháng tù
73	Mai Hữu Tài	Nam	4/9/1994	Trộm cắp tài sản			17	Không biết chữ	Cha, mẹ	nghèo		5.500.000	19g45 20/6/2012		Tân Bình	1 năm
74	Lê Quang Vũ	Nam	16/2/1996	Cướp giật tài sản			16	12/12	Mẹ	Nghèo	Xe máy	10.000.000	20h15 23/11/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	3	1 năm 6 tháng án treo
75	Huỳnh Văn Dũng	Nam	1997	Cướp giật tài sản		15		2/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		1.300.000	1h30 15/12/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	1	1 năm tù
76	Đỗ Đình Anh Dương	Nam	15/6/1996	Cướp giật tài sản			16	1/12	Cha mẹ	Nghèo			2h30 5/12/2012	18 – 24 tháng tù	1	1 năm tù
77	Sơn Nhựt Nam	Nam	8/4/1995	Cố ý làm hư hỏng tài sản			17	8/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		6.000.000	23h 6/7/2012	6 tháng – 3 năm tù	10	1 năm tù
78	Trần Kim Tân	Nam	7/9/1995	Cố ý làm hư hỏng tài sản			17	9/12	Cha chết	Nghèo		5.500.000	7h 12/11/2012	6 – 8 tháng tù treo	9	7 tháng tù
79	Trần Trọng Nghĩa	Nam	4/10/1996	Trộm cắp tài sản			16	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo, bị rù rê		299.116.000	12h30 29/10/2012	4 – 5 năm tù	Củ Chi	3 năm tù
80	Lê Ngọc Hiền	Nam	24/8/1994	Trộm cắp tài sản			17	Không biết chữ	Cha mẹ	Nghèo		8.000.000	20/6/2012	9 – 12 tháng tù	9	8 tháng tù
81	La Quốc Bảo	Nam	8/10/1996	Trộm cắp tài sản			16	7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		15.350.000	20h 12/12/2012	6 tháng – 3 năm tù	9	6 tháng tù

82	Nguyễn Thanh Tú	Nam	5/3/1995	Cướp giạt tài sản			17	9/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo	Túi xách	500.000	9h30 1/1/2012	2 năm 3 tháng – 3 năm tù	Bình Tân	2 năm 3 tháng tù
	Trần Nhật Phương		28/7/1997			15		7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo				1 năm 6 tháng – 2 năm tù		1 năm 9 tháng tù
83	Quách Thanh Châu	Nữ	31/10/1995	Cướp giạt tài sản			17	3/12	Cha mẹ	Nghèo	Xe máy	7.000.000	17h30 2/11/2012	2 năm 6 tháng – 3 năm tù	Bình Tân	2 năm 6 tháng tù
84	Phạm Văn Giai	Nam	20/11/1995	Cướp tài sản			17	4/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		28.000.000	20h30 22/5/2012	3 năm – 3 năm 3 tháng tù	Bình Tân	3 năm tù
85	Đỗ Đặng Đức Thắng	Nam	15/10/1994	Cướp giạt tài sản				17		Nghèo			10/7/2012	Không	Tân Phú	không
86	Đào Tuấn Kiệt	Nam	24/4/1997	Cướp giạt tài sản			16	Không biết chữ	Cha, mẹ	Nghèo	Xe máy	6.441.000	17h30 12/4/2012	1 năm 6 tháng – 2 năm tù	Hóc Môn	1 năm 6 tháng tù
	Ninh Ngọc Anh Hoàng		8/1/1996				16	3/12	Cha, mẹ	Nghèo				2 – 3 năm tù		2 năm tù
87	Võ Duy Đông	Nam	2/8/1995	Cướp giạt tài sản			17	11/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		Điện thoại	7h30 9/9/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	Hóc Môn	2 năm 6 tháng tù (án treo)
	Nguyễn Huy Tùng		14/9/1996				16	5/12	Cha mẹ	Nghèo				1 năm 6 tháng – 2 năm tù		2 năm án treo
88	Dương Huỳnh Phong	Nam	21/8/1995	Cướp giạt tài sản			17	9/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		Điện thoại	15h 1/7/2012	3 – 10 năm tù	Tân Phú	2 năm 6 tháng tù
89	Phạm Duy Tâm	Nam	1/7/1997	Cướp giạt tài sản		15		5/12	Cha, mẹ	Nghèo		3.000.000	8h 9/4/2012	2 – 3 năm tù	9	2 năm tù

90	Dương Lê Tuyền Tài	Nam	31/12/1995	Cướp giật tài sản			17	10/12	Cha,mẹ	Nghèo	Xe máy	250.000	21h40 11/12/2012	3 – 10 năm tù	Tân Phú	2 năm 6 tháng tù
91	Nguyễn Minh Kha	Nam	1997	Cướp giật tài sản		15		4/12	Cha, mẹ	Nghèo		300.000	9h30 13/9/2012	15 – 18 tháng tù	Tân Phú	1 năm 6 tháng tù
92	Phạm Hữu Duy Khoa	Nam	29/9/1995	Cướp giật tài sản			17	10/12	Cha, mẹ	Nghèo		13.900.000	8h 24/9/2012	18 – 24 tháng tù	Phú Nhuận	2 năm tù
93	Nguyễn Duy Tân	Nam	1995	Trộm cắp tài sản			17	Không biết chữ	Mẹ chết	Nghèo		6.600.000	21h 6/8/2012	6 – 9 tháng tù	9	6 tháng tù
94	Nguyễn Tấn Tài	Nam	18/1/1998	Cướp tài sản		14		9/12	Mẹ chết	Nghèo		1.750.000	30/11/2012	18 – 24 tháng tù	Tân Phú	1 năm 6 tháng tù
95	Bạch Văn Tuấn Khanh	Nam	15/09/1995	Trộm cắp tài sản			17	4/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		32.000.000	06/04/2012	9 – 12 tháng tù	Tân Phú	9 tháng tù
96	Võ Văn Phương	Nam	19/05/1995	Cướp tài sản			17	2/12	Cha mẹ	Nghèo		15.000.000	26/02/2012	3 năm 6 tháng – 4 năm tù	12	3 năm 6 tháng tù
97	Đỗ Hưũ Tài	Nam	25/1/1995	Cướp giật tài sản			17	12/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		1.000.000	16h20 12/9/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	11	2 năm 6 tháng tù
98	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	1996	Cướp giật tài sản			16	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		400.000	19h 25/7/2012	18 – 24 tháng tù	Bình Chánh	1 năm 6 tháng tù
99	Nguyễn Minh Tiến	Nam	18/10/1994	Trộm cắp tài sản			17	6/12	Cha mẹ	Nghèo		3.291.000	14h 9/2/2012	6 – 9 tháng tù treo	Bình Chánh	9 tháng tù treo
100	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	21/1/1996	Trộm cắp tài sản			16	6/12	Cha, mẹ ly hôn	nghèo		8.000.000	10h 21/2/2012	7 – 9 tháng tù	Bình Tân	6 tháng tù
101	Nguyễn Chí Bảo	Nam	3/12/1995	Cướp giật tài			17	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		1.750.000	20h30	3 – 10 năm	Bình Chánh	2 năm tù

	Huỳnh Tấn Lộc		14/9/1994	sản			17	10/12	Cha mẹ	Nghèo			17/2/2012			
102	Cao Nguyên	Nam	14/4/1997	Cướp giật tài sản		15		6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		4.850.000	6h40 25/9/2012	18 – 24 tháng tù	11	1 năm 6 tháng tù
103	Nguyễn Đức Thắng	Nam	26/7/1995	Cướp giật tài sản			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		15.500.000	12h30 12/7/2012		Tân Bình	2 năm 6 tháng tù
104	Lý Hà Chí Minh	Nam	30/9/1996	Cướp giật tài sản			16	3/12	Cha mẹ	Nghèo		11.500.000	20h 23/10/2012	1 năm – 1 năm 6 tháng tù	5	9 tháng tù
105	Nguyễn Anh Luân	Nam	9/11/1994	Cướp giật tài sản			17	7/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		1.500.000	16h 9/5/2012	3 – 10 năm tù	Phú Nhượn	Không
106	Nguyễn Thị Hong Phụng	Nữ	19/6/1995	Cướp tài sản			17	8/12	Cha mẹ	Nghèo		700.000	17h15 11/9/2012	18 – 24 tháng tù	12	3 năm tù
107	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	21/11/1994	Cướp giật tài sản			17	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		400.000	13h 13/6/2012	2 năm 3 tháng – 3 năm tù	7	2 năm 3 tháng tù
108	Võ Đình Hân	Nam	13/11/1995	Cướp giật tài sản			17	9/12	Cha mẹ	Nghèo		Điện thoại	19h30 24/8/2012	3 năm – 3 năm 6 tháng tù	Tân Bình	3 năm tù
109	Trịnh Quang Khải	Nam	14/2/1994	Cướp giật tài sản			17	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		Điện thoại	15/1/2012	9 tháng – 1 năm 3 tháng tù	Củ Chi	9 tháng tù
110	Phạm Thị Thuý Giang	Nữ	5/6/1994	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản			17	10/12	Cha mẹ	Nghèo		14.240.000	19h30 10/5/2012	12 – 18 tháng tù	12	1 năm tù
111	Nguyễn Minh Huy	Nam	8/4/1998	Cướp giật tài sản		14		8/12	Cha, mẹ	Nghèo		Điện thoại	15h 26/6/2012	12 – 18 tháng	1	1 năm tù
	Dương Hoài		15/7/1995				17	5/12	Cha, mẹ	Nghèo		Điện thoại		24 – 30		1 năm 6 tháng tù

	Phong													tháng		
112	Tiêu Ánh Lợi	Nam	30/4/1994	Cướp giạt tài sản			17	6/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo		5.000.000	18h20 25/3/2012	3 – 10 năm	1	3 năm tù
113	Bùi Lý Duy Lâm	Nam	4/8/1995	Trộm cắp tài sản			17	8/12	Cha mẹ	Nghèo		7.700.000	19h50 4/10/2012	9 – 12 tháng tù treo	1	12 tháng tù treo
114	Mạc Ngọc Huy Thành	Nam	9/11/1994	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản			17	12/12	Cha, mẹ	Nghèo		8.200.000	27/6/2012	3 tháng – 3 năm tù	1	9 tháng tù treo
115	Ngô Thị Thanh Tuyền	Nữ	31/12/1994	Cướp giạt tài sản			17	4/12	Cha, mẹ	Nghèo	Xe máy	Điện thoại	13h35 16/8/2012		1	2 năm 3 tháng tù
116	Nguyễn Hoàng Đức Huy	Nam	14/1/1996	Cướp giạt tài sản			16	5/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghề nghiệp: giữ xe	Xe máy	Điện thoại	19h30 16/9/2012	2 năm – 2 năm 6 tháng	1	2 năm tù treo
117	Duy Trung Đông	Nam	19/3/1996	Cướp giạt tài sản			16	5/12	Cha mẹ	Nghèo			23h30 5/1/2012	12 – 18 tháng tù	1	18 tháng tù
118	Tô Kim Châu	Nam	16/10/1994	Cướp tài sản			17	10/12	Cha, mẹ ly hôn	Nghèo			19h30 18/3/2012	6 năm 6 tháng – 7 năm 6 tháng tù	Củ Chi	7 năm tù
	Trần Thanh Hoài		5/7/1995				17	8/12	Cha, mẹ ly thân	Nghèo				5 năm 6 tháng – 6 năm 6 tháng		4 năm 6 tháng tù

BẢNG PHÂN TÍCH NHÂN THÂN NCTN PHẠM TỘI

(Bản án HSST đã được Trung tâm Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa 2013)

Stt	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Phạm tội	Độ tuổi			Trình độ học vấn	Hoàn cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế	Phương tiện gây án	Giá trị tài sản (VNĐ)	Thời gian gây án	Viện kiểm sát đề nghị	Quận	Tòa án xét xử
					>14	14 – 16	16 – 18									
119	Hoàng Văn Linh	Nam	27/04/1996	Trộm cắp tài sản, Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có			17	6/12	Đặc biệt khó khăn, mẹ bệnh ung thư giai đoạn cuối, không có tiền lo thuốc thang cứu chữa	Sửa xe		150000000	8h20 16/04/2013	18 – 24 tháng tù	11	2 năm 2 tháng 26 ngày tù treo
120	Nguyễn Phạm Hoàng Nam	Nam	25/04/1998	Cướp tài sản		15		Không biết chữ				1300000	20h 24/11/2013	Khoản 1 Điều 133	7	1 năm 6 tháng tù
121	Trương Văn Tấn	Nam	12/06/1995	Trộm cắp tài sản			17	4/12	Khó khăn, cha mẹ đồng con			6000000	11h 09/04/2013	6 – 12 tháng tù	7	9 tháng tù
122	Nguyễn Việt Nam	Nam	25/12/1994	Cướp giật tài sản			17	2/12			Xe máy	1800000	0h30 13/12/2012	2 năm 6 tháng – 3 năm 6 tháng	7	2 năm 9 tháng tù
123	Lê Long Hồ	Nam	22/11/1997	Cướp tài sản		15		8/12	Nghèo (có xác nhận của địa phương)		Xe máy, dao	20000000	4h30 19/11/2013	3 năm 6 tháng – 4 năm tù	Bình Tân	4 năm tù
124	Huỳnh Nguyên Hữu	Nam	08/01/1996	Trộm cắp tài sản			16	8/12	Chưa có vợ, con			6000000	23h30 08/04/2013	9 – 14 tháng tù An teo 1 năm 6 tháng – 2 năm 4	Bình Tân	Án treo 1 năm 6 tháng

														tháng		
125	Nguyễn Phước Tân	Nam	19/03/1997	Cướp giật tài sản		15		10/12	Gia đình lao động		Xe máy		15h30 13/03/2013	1 năm 9 tháng – 2 năm tù	Bình Tân	1 năm 9 tháng tù
	Mai Hữu Lộc		22/12/1997			15		9/12						1 năm 6 tháng – 1 năm 9 tháng tù		1 năm 6 tháng tù
8	Trần Doãn Thiện Ân	Nam	12/02/1998	Cướp giật tài sản		15		9/12					14h15 02/03/2013	18 – 24 tháng tù	Tân bình	1 năm 6 tháng tù
	Phạm Quang Lộc		09/05/1997				16	9/12								
	Ngô Văn Tường		15/05/1995				17	8/12								
	Tạ Thanh Bình		23/10/1997				16	8/12								
126	Phùng Đình Pha	Nam	8/8/1996	Cướp giật tài sản			17	8/12			Xe máy	400000	20h40 1/4/2013	2 – 3 năm tù	Bình Thạnh	2 năm tù
127	Trần Thành Tài	Nam	3/8/1995	Cướp giật tài sản				7/12			Xe máy	2000000	8/2/2013	1 – 5 năm tù	1	9 tháng tù
128	Đặng Văn Cường	Nam	27/2/1998	Cướp giật tài sản			17	4/12			Xe máy	3000000	10h 3/3/2013	3 – 10 năm tù	1	1 năm tù
129	Mai Sơn Vũ	Nam	24/5/1997	Cướp giật tài sản			16	7/12			Xe máy	7000000	12h 29/3/2013	2 năm – 2 năm 6 tháng tù	9	2 năm 6 tháng tù
130	Hồ Ngọc Thành	Nam	5/7/1995	TRộm cắp tài sản			17	1/12				12000000	5h 8/1/2013	9 – 12 tháng tù	Tân phú	9 tháng tù
131	Phan Văn Lý Huỳnh	Nam	5/11/1995	Trộm cắp tài sản			17	9/12				10242000	10/2012	8 tháng tù	9	7 tha 6 ngày tù

BẢNG PHÂN TÍCH NHÂN THÂN NCTN PHẠM TỘI

(Bản án HSST đã được Trung tâm Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa các năm)

Stt	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Phạm tội	Độ tuổi			Trình độ học vấn	Hoàn cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế	Phương tiện gây án	Giá trị tài sản (VNĐ)	Thời gian gây án	Viện kiểm sát đề nghị	Quận Huyện	Tòa án xét xử
					>14	14 – 16	16 – 18									
132	Nguyễn Ngọc Phát	Nam	05/5/1999	Trộm cắp TS			X 17t0 2	8/12	Không có tiền tiêu sài, bị rù rê	Nghèo, thiếu quan tâm giáo dục, bị rù rê, xúi dục		9.964.000 điện thoại, laptop	21g30 07/5/2016	K1, đ 138	Bình Chánh	9T án treo
133	Trần Ngọc Hòa	Nam	01/01/1999	Trộm cắp TS			X	mù chữ	Không có hộ khẩu	Gia đình nghèo	Roi điện, sung điện, đoàn mở khóa	225.600.000	Vụ 1: 23g40	K3, Đ 138	Hóc Môn	2 năm
	Nguyễn Thành Thảo	Nam	27/11/1997				X	01/12	Cha chết, mẹ nghèo khó, HKTT Đồng Nai	Gia đình nghèo			Vụ 2: 23g30 Vụ 3: 23g30 Vụ 4: 05g Vụ 5: 03g Năm 2015	K3, Đ 138		2 năm
134	Nguyễn Hữu Lộc	Nam	04/9/2000	Cướp tài sản		X 15,2, 15		7/12	cha, mẹ ly hôn	nghèo	Không có, cướp xe đạp của trẻ em	Xe đạp 2.340.000	21g0 19/11/2015	4-5 năm	Quận 6	3 năm
	Thái Văn Thuận	Nam	17/3/1999				X 16,8, 2	6/12	Có cha, mẹ	Nghèo, nghỉ học				5,6-6,6 năm		3 năm
	Lê Hoàng Nam	Nam	13/01/2000			X 15,1		10/12	Có cha, mẹ					3,6-4,6 năm		2 năm,

						0,6										treo
	Diệp Hoàng Phương	Nam	03/8/1999				X 16,2, 19	11/12	Có cha, mẹ					5-6 năm		2 năm 6 tháng, treo
135	Nguyễn Minh Tâm	Nam	10/7/1999	Trộm cắp tài sản			X	5/12	Nguyễn Văn Tiến, 1946 Nguyễn Ngọc Ánh, 1979	nghèo		Điện thoại 2.900.000	Vụ 1: 12g30 Vụ 2: 19g T5,T7 2016	12-18 tháng	Phú Nhuậ n	9 tháng g
136	Nguyễn Thanh Phong	Nam	30/8/2001	Cướp giật tài sản		X		6/12	Có cha, mẹ ly hôn	Nghèo		Điện thoại, chạy xe, nghe đt	17g 14/11/2015	Điểm d, k2 136	Củ Chi	1 năm 6 treo
137	Nguyễn Văn Tài	Nam	23/02/2000	Trộm cắp tài sản				6/12	Có cha, mẹ	Nghèo		Laptop 10 triệu	14g 28/8/2016	K1, Đ 138 6-9 tháng treo	Phú Nhuậ n	6 tháng g treo
138	Trần Tuấn Cảnh	Nam	18/11/1995	Cướp giật tài sản			X	5/12	Cha (chết) mẹ thiếu quan tâm	nghèo		Giây chuyền	19g 03/5/2012	2-2,6	Bình Chán h	2 năm 6
139	Nguyễn Minh Cảnh	Nam	06/02/2001	Cướp tài sản			X	7/12	Có cha, mẹ ly hôn	Nghèo, bán kẹo kéo dạo	Dao thái lan	Điện thoại	13g45 18/8/2016	K2, đ 133	Quận 5	3 năm treo
140	Phạm Chí Cường	Nam	22/10/1999	Trộm cắp tài sản			X	6/12	Có mẹ, nhưng không cha, mẹ ở	Lang thang, không nhà			15g 08/10/2016	K1, đ 138	Quận 3	6 tháng g

									đầu							
141	Tôn Văn Tường	Nam	06/6/2000	Cướp giật tài sản			X	6/12	Nhập cư			Điện thoại	11g45 29/12/2016	K2, đ 136	Tân Phú	2 năm 6
	Huỳnh văn Quý	Nam	19/11/2000				X	6/12	Nhập cư					K2 đ 136		2 năm
142	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	12/10/2000	Cướp giật tài sản			X	3/12	Có cha, mẹ	Nhà nghèo, bị rủ rê		Điện thoại	16g20 14/10/2016	K2, đ 136	Tân Phú	1 năm 6
143	Hồ Phúc Hậu	Nam	01/12/1995	Cướp giật tài sản			X	6/12	Không cha,	Nghèo		Điện thoại	19g 07/7/2013	K2, đ 136	Tân Phú	2,6 năm
	Ngô Văn Hiếu	Nam	06/8/1995				X	Không biết chữ	Có cha,mẹ	nghèo				K2, đ 136		2,6 năm
144	Đỗ Thành Nam	Nam	18/8/1995	Trộm cắp tài sản			X	5/12	Có cha, mẹ, ly hôn	Nghèo, nhập cư		Xe đạp điện	12g30 04/6/2013	K2, đ 138	Cù Chi	2 năm
145	Phùng Tấn Huy	Nam	1996	Cướp giật tài sản			X	5/12	Có cha, mẹ ly hôn	Nghèo, tái phạm		Túi xách	23g 08/2/2012	K2, đ 136	Quận 3	4 năm
146	Châu Minh Sơn	Nam	28/7/1995	Cướp giật tài sản			X	Không biết chữ	Có cha, mẹ	Nghèo khó, nhập cư, bị rủ rê		Điện thoại	22g30 19/01/2013	K1, đ 136	Tân Phú	1,3 năm
147	Đặng Trí Thanh	Nam	02/12/1995	Cướp giật tài sản			X	5/12	Có cha, mẹ ly hôn	Nghèo		Điện thoại	19g30 17/7/2013	K2, đ 136	Quận 6	2,6 năm

Phục lục IV: Phân tích một số bản án xét xử người chưa thành niên phạm các tội xâm phạm sở hữu tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để thấy được mức độ, tính chất, đặc điểm phạm tội, của NCTN để đề ra các giải pháp phòng ngừa phù hợp.

Bản án thứ nhất: Bản án được xét xử tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 214/2013/HSST ngày 21/06/2013 đối với nhóm bị cáo:

1. L.L.H, thời điểm phạm tội 15 tuổi 10 tháng, Giới tính: Nam; Quê quán: Long An; Không có công ăn việc làm; Trình độ văn hoá: 8/12; Không Tiền án, tiền sự.
2. N.V.T, thời điểm phạm tội 18 tuổi 6 tháng; Giới tính: Nam; Quê quán: Đồng Nai; Không có công ăn việc làm; Trình độ văn hoá: 3/12; Không Tiền án, tiền sự.
3. T.T.P; thời điểm phạm tội 18 tuổi 8 tháng; Giới tính: Nam; Quê quán: thành phố Hồ Chí Minh; Không có công ăn việc làm; Trình độ văn hoá: 9/12; Không Tiền án, tiền sự.

Mô tả tình tiết vụ án:

Không có công ăn việc làm; Trình độ văn hoá: 9/12; Không Tiền án, tiền sự

Vào khoảng 23 giờ ngày 18/11/2012, sau Khi uống rượu về, nghe đối tượng Th. (chưa xác định lai lịch) rủ rê đi cướp tài sản của người khác, H và T đã đồng ý và đi theo. Th. Dùng dao uy hiếp người bị hại, T đến cướp xe; sau đó cả nhóm tẩu thoát đến nhà của P gửi. P biết rõ là xe này do nhóm Th. cướp được nhưng vẫn đồng ý cho Th. Mang xe vào phía sau nhà cất giấu. Kết quả định giá tài sản cướp giật của nhóm đối tượng này là 20.000.000đ. Tại bản cáo trạng số 212/CT-VKS ngày 14/06/2013 của VKSND quận Bình Tân thì các bị cáo L.L.H. và N.V.T bị truy tố về tội “Cướp tài sản” theo Điểm d Khoản 133 Bộ luật hình sự, Bị cáo T.T.P bị truy tố về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Luận tội của Tòa án:

Xét thấy hành vi của các bị cáo H và T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; đe dọa đến tính mạng, sức khoẻ của người bị hại; thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, ngang nhiên;

gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của người dân. Hành vi của bị cáo P là tiếp tay cho tội phạm. Nhận thấy các bị cáo là người có đủ nhận thức, phạm tội với lỗi cố ý, chứng tỏ ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật. Do đó, cần có mức án nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Riêng bị cáo H phạm tội khi chưa thành niên (hơn 15 tuổi), nhận thức còn hạn chế, gia đình hộ nghèo; bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên có xem xét giảm nhẹ. Quyết định tuyên bố bị cáo T.T.P phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng Khoản 1 Điều 250; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự, xử phạt T.T.P 09 tháng tù. Tuyên bố bị cáo L.L.H và N.V.T phạm tội “Cướp tài sản”. Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự xử phạt L.L.H 04 năm tù. Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 133; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự xử phạt N.V.T 08 năm tù.

Nhận xét:

Phạm tội của NCTN chủ yếu do bị rủ rê; không có nghề nghiệp; học vấn thấp thiếu sự giáo dục đạo đức, văn hóa; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đói ăn vụng, túng làm liều, đua đòi ăn chơi lêu lổng, thiếu sự quan tâm của gia đình.

Bản án thứ hai: được xét xử tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm bản án hình sự sơ thẩm số 102/2013/HSST ngày 26/06/2013 của Tòa án nhân dân Huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo N.V.Th; giới tính: Nam; thời điểm phạm tội đối tượng chỉ mới 16 tuổi 2 tháng; Quê quán: Tiền Giang; Không có công ăn việc làm; Trình độ văn hoá: 6/12; Không có Tiền án, tiền sự.

Mô tả tình tiết vụ án:

Theo bản cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 ngày 25/11/2012, 3 đối tượng N.N.T, N.T.S và N.V.Th rủ nhau lên thành phố Hồ Chí Minh, cả 3 đón xe đến Bến xe An Sương và về nhà trọ của mẹ N.N.T chơi. Khi đến gần trọ cả 3 có ý định sử dụng dao để dọa cha dượng của Th nhưng ý định không thực hiện được vì Th không lấy dao. Vẫn

chưa từ bỏ ý định, sau khi nghỉ ngơi tại nhà trọ của mẹ Th, do không có tiền tiêu xài nên T rủ S và Th đi tìm xe ôm để cướp bán lấy tiền. T phân công cho S và Th dùng dao để kẻ vào cổ của nạn nhân để cướp xe sau đó T sẽ lấy xe chở S và Th tẩu thoát. Thực hiện kế hoạch phạm tội của mình, nhóm đã đi bộ ra đón xe ôm nhưng 2 lần đầu vẫn chưa thực hiện được kế hoạch phạm tội của mình. Nhóm đón xe ôm lần thứ 3, lúc này các đối tượng hướng dẫn lái xe đi vào ngõ hẹp, tại đây ông X (lái xe ôm) bị T dùng dao chồm qua cắt vào cổ ông X, ông X bỏ chạy nhưng bị T tiếp tục dùng dao chém tiếp vào người và tay, sau đó ông X được người dân hỗ trợ truy đuổi 3 đối tượng và bắt được S, Th đưa về Công an xã Đông Thạnh, Hóc Môn xử lý.

Luận tội của Tòa án:

Tại bản kết luận giám định pháp y số 123/TgT.13 ngày 06/02/2013, kết quả giám định thương tật đối với ông L.V.X như sau: “Đa vết thương, phần mềm gây rách da tạo sẹo màu nâu phẳng; Tại cổ trước thương tích do vật sắc, nhọn gây ra kích thước 0,1cm và 4x0.1cm. Vết thương bên mu bàn tay phải gây rách da, đứt gân duỗi các ngón tay từ ngón II đến ngón V, hạn chế không nắm chặt được các ngón, hạn chế gấp duỗi cổ tay, tê mu bàn tay do tổn thương nặng thần kinh. Mức độ tổn hại sức khoẻ do thương tích gây nên là 18%”. Đại diện VKSND thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Các bị cáo dùng dao tấn công nạn nhân để chiếm đoạt tài sản nên tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Th và đồng phạm tội “Cướp tài sản” theo Khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo Th 04 năm tù là mức phạt thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Th vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vẫn chưa đủ 18 tuổi nên Tòa án đã vận dụng Điều 69, Khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự quy định cho NCTNPT để xét xử bị cáo Th nên mức án 04 năm tù là thỏa đáng với những hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Nhận xét:

Phạm tội của NCTN chủ yếu do bị rủ rê, không nghề nghiệp, học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn; mẹ đi làm xa, cha mẹ li hôn, dẫn đến đối tượng không được giáo dục tốt từ phía gia đình, ăn chơi lêu lổng, thiếu sự quản lý của xã hội.